



2020 |
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	2
Phần 1: Thông tin chung	4
Phần 2: Tình hình hoạt động trong năm	34
Phần 3: Báo cáo tác động môi trường xã hội	54
Phần 4: Báo cáo Ban Giám đốc	63
Phần 5: Báo cáo Hội đồng Quản trị	75
Phần 6: Quản trị công ty	79
Phần 7: Báo cáo tài chính	93



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng!

Kính thưa toàn thể Anh chị em cán bộ công nhân viên VNECO!

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty năm 2020 trước những thuận lợi đan xen nhiều khó khăn thách thức, trước sự ảnh hưởng phức tạp của diễn biến tình hình dịch bệnh COVID-19: Tổng Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp phòng chống dịch, đồng thời thực hiện nhiều giải pháp để triển khai các mục tiêu kế hoạch kinh tế trọng yếu do Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên năm 2020 đặt ra và đã đạt được những kết quả nhất định. Mặc dù chưa đạt hiệu quả cao nhưng đã có nhiều điểm sáng. Công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm, đặc biệt là các công trình xây dựng dự án điện năng lượng tái tạo đã có kết quả khá tốt, đồng thời bước đầu mảng kinh doanh thương mại đạt được doanh thu khá lớn. Tuy nhiên, các công trình xây lắp điện truyền thống vẫn rất khó khăn vì nhiều yếu tố khách quan không thuận lợi, nhiều công trình đã trúng thầu không thể đẩy nhanh tiến độ thi công, giá dự toán các gói thầu thấp dẫn đến lợi nhuận đạt được từ các công trình trúng thầu không cao.

Năm 2020 Tổng Công ty vẫn tiếp tục phải đối mặt với khó khăn phát sinh từ vụ việc Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm thành phố Hồ Chí Minh tuyên buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho Ngân hàng xây dựng.

Tổng Công ty đang kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét tái thẩm Bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của TAND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả cuối cùng. Vụ việc oan sai này làm ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín, thương hiệu và hình ảnh trên thương trường và thị trường chứng khoán, công tác huy động vốn cho một số dự án không thể thực hiện được, vì vậy hoạt động đầu tư của Tổng Công ty không đạt kế hoạch đề ra.

Nhằm khắc phục những khó khăn trên, HĐQT và Ban điều hành tiếp tục tìm mọi giải pháp khắc phục, tháo gỡ. Năm 2021 và các năm tiếp theo tập trung chỉ đạo, điều hành các vấn đề cụ thể sau:

- ◇ Rà soát, cơ cấu hiệu quả về công tác nhân sự; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý nội bộ; thay đổi linh hoạt phương pháp điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế tại mỗi công trình, dự án;
- ◇ Nâng cao hiệu quả sử dụng dòng tiền: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung và dài hạn cho phù hợp; quyết liệt thu hồi các khoản công nợ từ các chủ đầu tư và khách hàng; kiểm soát tồn kho và kiểm soát các chi phí hợp lý;
- ◇ Phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư để thúc đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng trong việc triển khai thi công các công trình;
- ◇ Tăng cường đầu tư đổi mới trang thiết bị công nghệ sản xuất, triển khai áp dụng triệt để thiết bị kéo dây không chạm đất nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí đền bù phục vụ thi công và rút ngắn thời gian thi công công trình;
- ◇ Tiếp tục kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét tái thẩm vụ việc oan sai nêu trên nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng cho doanh nghiệp, cổ đông và người lao động VNECO;
- ◇ Tập trung về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị để thi công hoàn thành các dự án năng lượng tái tạo do Tổng Công ty làm tổng thầu và làm chủ đầu tư;



Ngoài những mục tiêu trên, trong những năm tiếp theo Tổng Công ty kiên định mục tiêu chiến lược đầu tư để làm chủ một số dự án năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời; quyết tâm trở thành đơn vị tổng thầu, nhà thầu mạnh trong lĩnh vực xây lắp các công trình điện năng lượng tái tạo. Ngoài ra, Tổng Công ty sẽ cân đối hợp lý các nguồn lực, thu xếp nguồn vốn và xem xét cơ hội để triển khai đầu tư khai thác một số dự án bất động sản từ các quỹ đất đã có hiện nay và triển khai thêm nhiều dự án mới.

Kính thưa Quý vị, trước bối cảnh khó khăn và thách thức của nền kinh tế Thế giới nói chung, kinh tế Việt Nam nói riêng và trước tình hình diễn biến phức tạp, kéo dài của dịch bệnh COVID-19, tôi tin rằng trong nhiệm kỳ mới của Hội đồng quản trị giai đoạn 2020-2025, với kinh nghiệm và truyền thống vượt khó của CBCNV Tổng Công ty, cùng sự giúp đỡ tích cực và đồng hành của Quý vị, Tôi tin tưởng rằng với tinh thần “Đoàn kết - Đổi mới - Quyết liệt - Vượt lên” của toàn thể CBCNV, Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam sẽ vượt qua khó khăn, thách thức để có những bước phát triển và bền vững trong những năm tiếp theo.

Cuối cùng, tôi xin trân trọng cảm ơn sự đồng hành, thấu hiểu và chia sẻ của quý cổ đông. Cảm ơn các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong tổ hợp VNECO đã nỗ lực không ngừng trong công việc. Cảm ơn sự tin tưởng hợp tác của quý khách hàng và quý đối tác.

Kính chúc Quý vị mạnh khỏe, thành công. Chúc cho sự hợp tác của chúng ta ngày càng tốt đẹp.
Trân trọng!



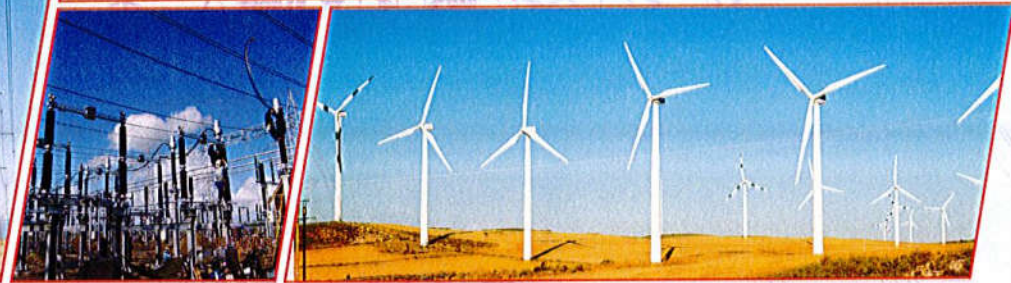
CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN ANH TUẤN

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

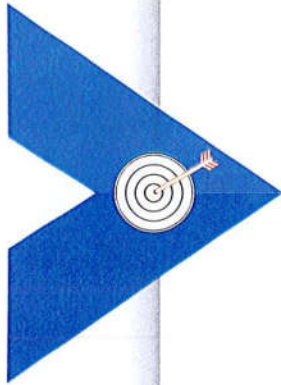
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị	5
Giới thiệu	6
Quá trình hình thành phát triển	8
Ngành nghề địa bàn kinh doanh	10
Mô hình hoạt động	22
Sơ đồ tổ chức, công ty con, liên kết	24
Định hướng phát triển	28
Rủi ro	30





TẦM NHÌN

- ◇ VNECO mong muốn trở thành Tổng Công ty hàng đầu trong lĩnh vực kỹ thuật, xây lắp, cung cấp thiết bị trọn gói, chuyển giao công nghệ và đầu tư các dự án về nguồn điện, hệ thống lưới điện cho ngành điện, công nghiệp và hạ tầng tại Việt Nam.



SỨ MỆNH

- ◇ Chung tay phát triển ngành điện Việt Nam.
- ◇ Mang điện đến mọi miền đất nước.
- ◇ Phát triển năng lượng xanh.
- ◇ Góp phần phát triển kinh tế quốc gia.
- ◇ Mang đến cơ hội phát triển cá nhân, chăm lo cuộc sống tinh thần và vật chất đầy đủ đến nhân viên.
- ◇ Nâng cao giá trị cho cổ đông.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- ◇ Giá trị văn hoá của toàn thể cán bộ công nhân viên VNECO
- ◇ Đổi mới: Tinh thần học hỏi, luôn cải tiến để nâng cao hiệu quả công việc.
- ◇ Đồng đội: Tinh thần đồng đội, chia sẻ, hợp tác, đồng tâm hiệp lực cùng hướng tới mục tiêu chung.
- ◇ Cống hiến: Tinh thần thể hiện bản thân, đóng góp cho xã hội, cộng đồng thông qua công việc.
- ◇ Giá trị văn hoá của cấp Quản lý
- ◇ Khát vọng: Luôn có mục tiêu và hành động với niềm đam mê.
- ◇ Chính trực: Nền tảng để ra quyết định đúng đắn, không vì lợi ích cá nhân.
- ◇ Trí - Tín: Trí tuệ, sáng suốt, khả năng nhìn xa, tính quyết đoán và coi trọng uy tín.

Tên công ty: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Tên giao dịch: VIETNAM ELECTRIC CONSTRUCTION JSC

Tên viết tắt: VNECO

Giấy CNĐKKD: Số 0400101450, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 29 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ: 904.329.530.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 904.329.530.000 đồng

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

Số điện thoại: +84 (0)236 356 2361

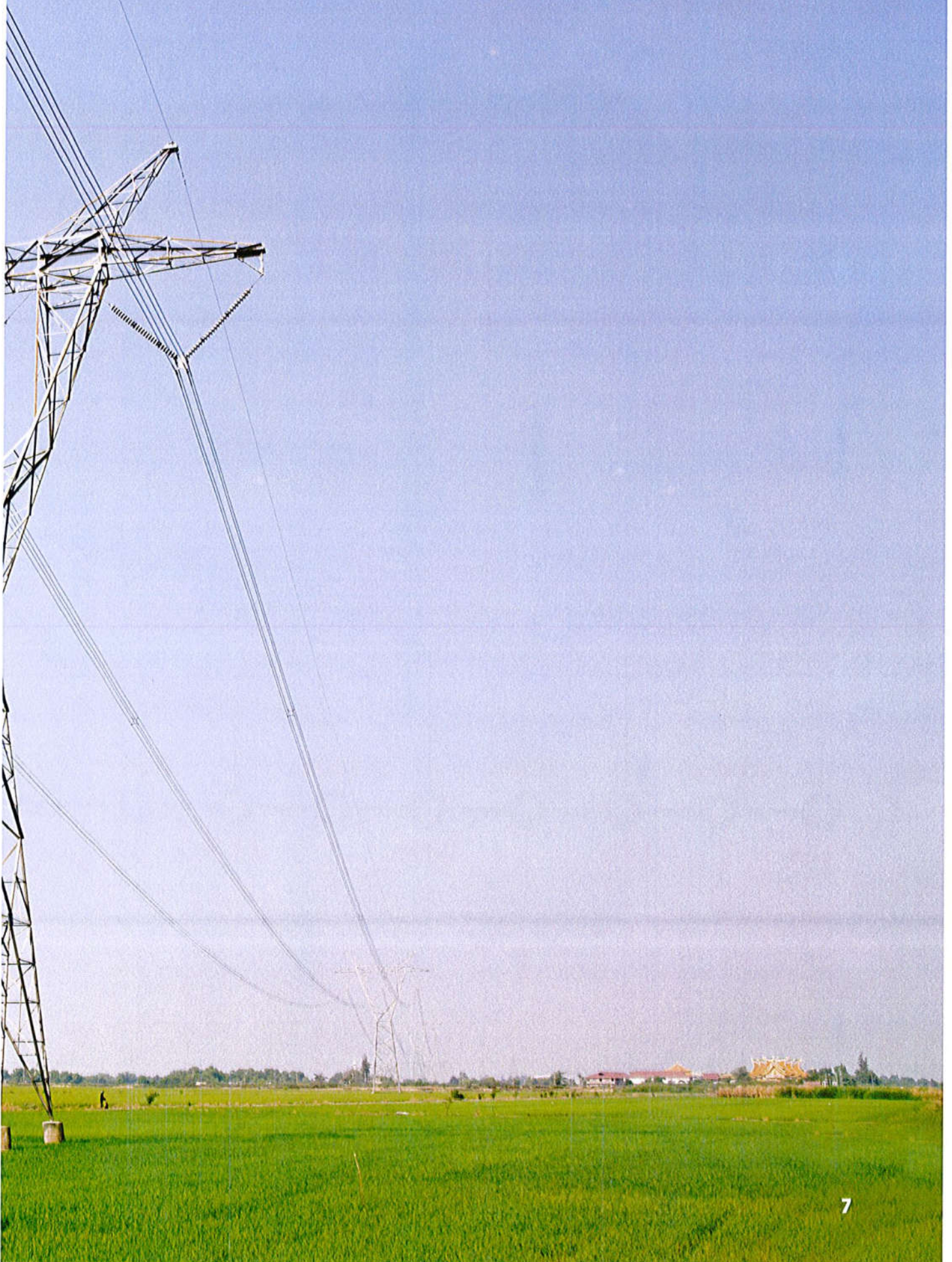
Số Fax: +84 (0)236 356 2367

Email: info@vneco.com.vn

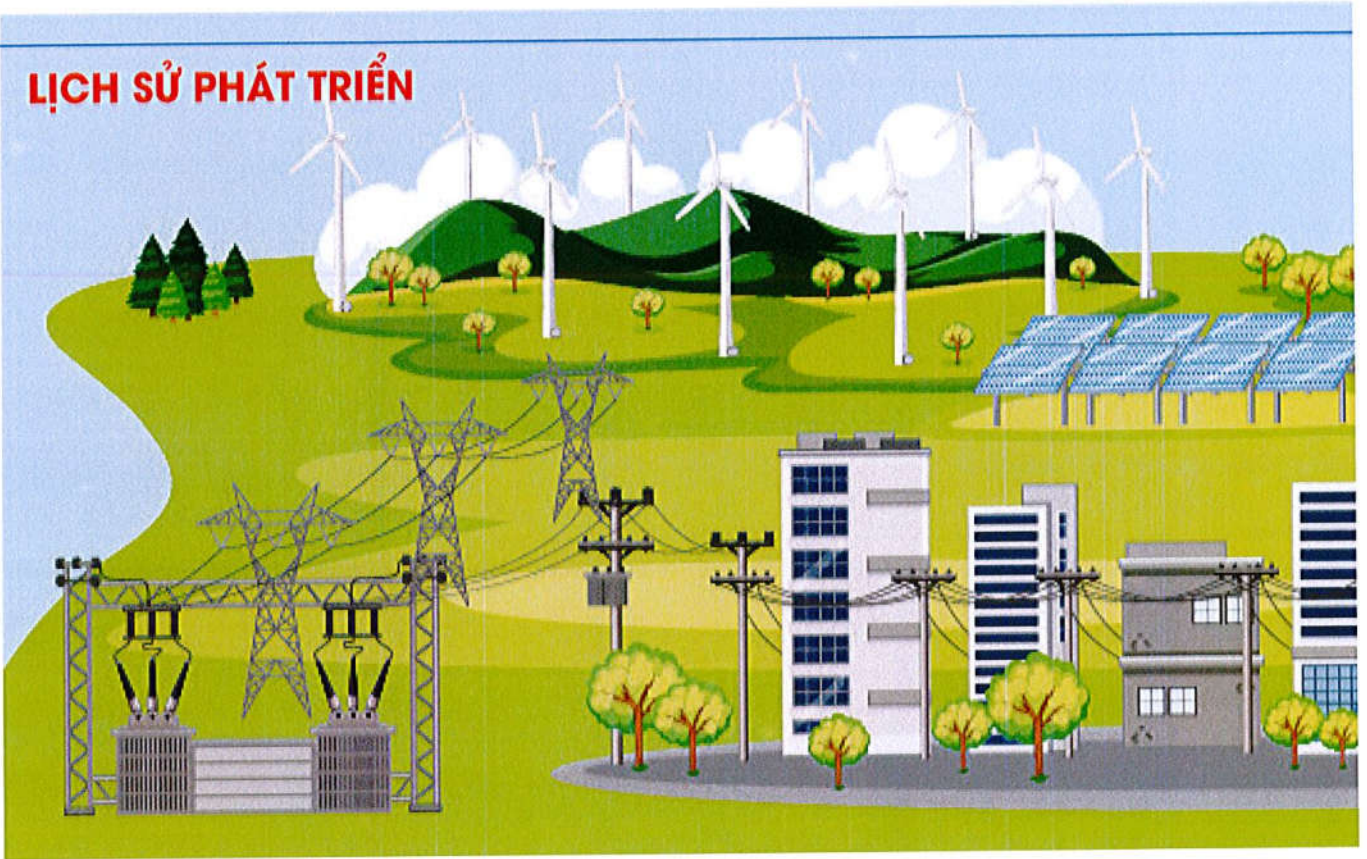
Website: vneco.com.vn

Mã cổ phiếu: VNE

Logo:  **VNECO**
TCT CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

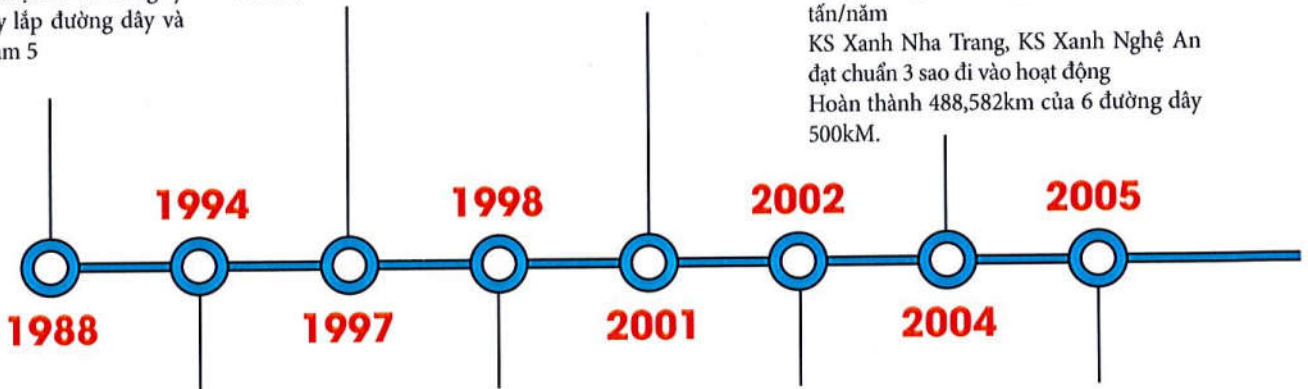


Ngày 22/02/1988 Công ty Xây lắp điện 3 được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 3 và Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 5

Hoàn thành 531 km đường dây 500kV Bắc - Nam
Hoàn thành 40 km đường dây 500kV Yaly - Pleiku

Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng kết cấu thép và cột thép tại Đà Nẵng với công suất 10.000 tấn/năm đi vào hoạt động

Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép và cột thép tại TP Hồ Chí Minh công suất 15.000 tấn/năm. Cải tạo các nhà máy thép tại Quy Nhơn, Vinh đi vào hoạt động nâng công suất gia công toàn Tổng công ty lên 35.000 tấn/năm
KS Xanh Nha Trang, KS Xanh Nghệ An đạt chuẩn 3 sao đi vào hoạt động
Hoàn thành 488,582km của 6 đường dây 500kV.

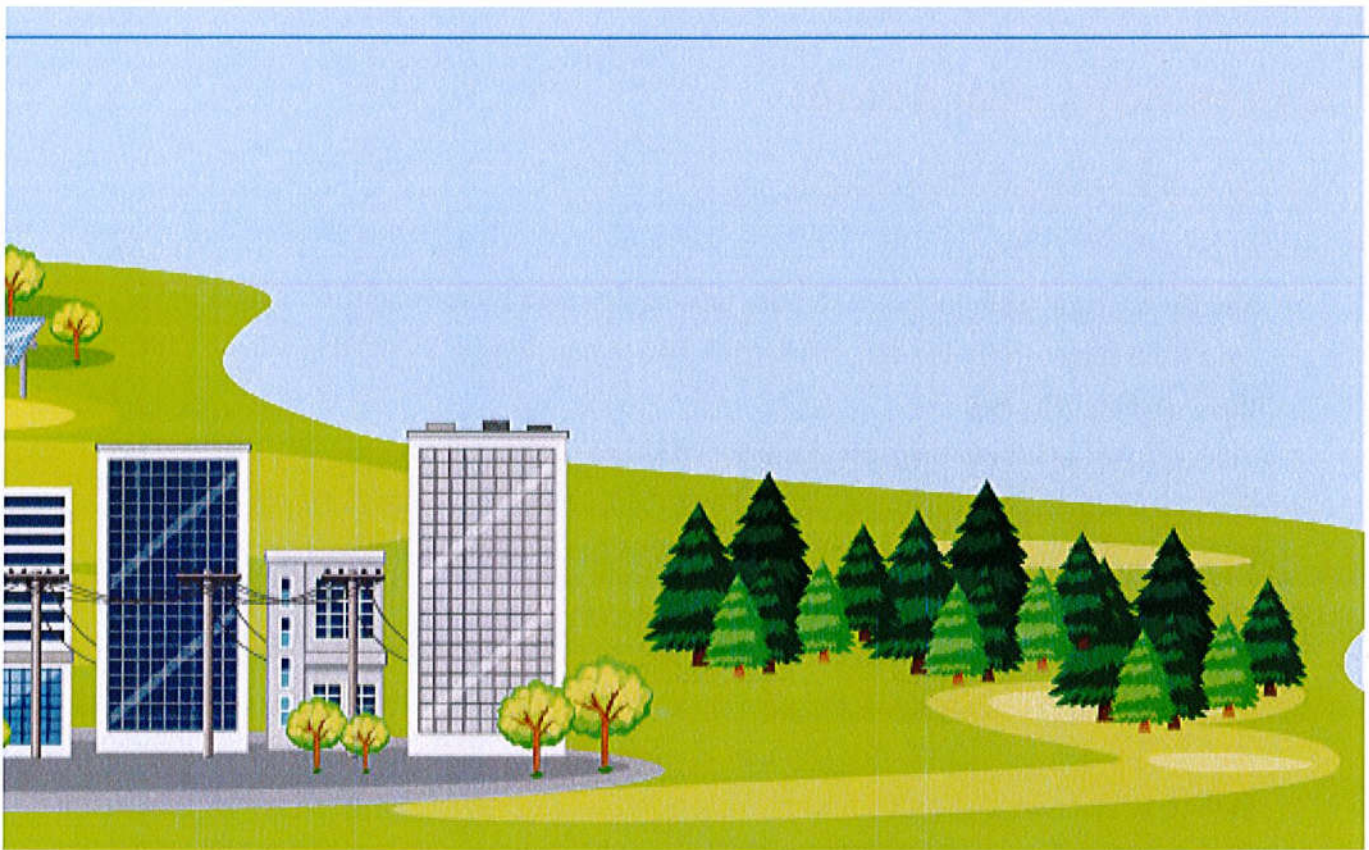


Công ty Xây lắp điện 3 là Công ty hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Trực thuộc Tổng Công ty xây dựng Công nghiệp Việt Nam, Vốn điều lệ: 8,377 tỷ đồng

Công ty Xây lắp điện 3 được tổ chức lại thành Công ty mẹ Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Tăng vốn điều lệ lên 74,780 tỷ đồng

Cổ phần hóa, chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) thành Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Đẩy mạnh hoạt động đầu tư các nhà máy thủy điện

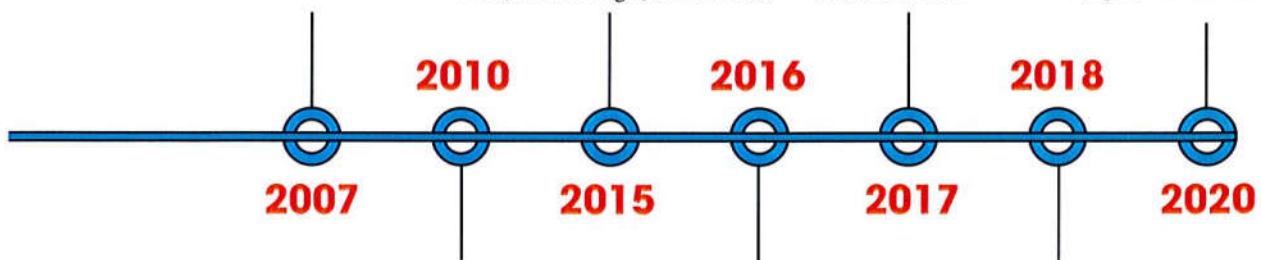


Tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng
 Niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
 Khách sạn Xanh Huế với tiêu chuẩn 4 sao đi vào hoạt động

SCIC chuyển nhượng toàn bộ 18,9 triệu cổ phiếu VNE cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân
 Tăng vốn điều lệ từ 637 tỷ đồng lên 823 tỷ đồng
 Thoái vốn tại các đơn vị thành viên: Công ty VNECO5, VNECO 6, VNECO11, Công ty Tư vấn và Xây dựng VNECO, Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO

Tổng Công ty thực hiện tái cấu trúc tài sản, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và mở rộng đầu tư sang lĩnh vực năng lượng tái tạo.
 Thoái vốn đầu tư tại Công ty liên kết: Công ty TNHH Quản lý dự án CORE ASIA

Ngoài ngành nghề xây lắp điện truyền thống, VNECO tham gia làm Tổng thầu EPC, PC xây lắp các nhà máy điện mặt trời, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại. Thoái toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long và Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 7



Tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ đồng lên 637 tỷ đồng

Tăng vốn điều lệ từ 823 tỷ lên 904 tỷ đồng

Tổng Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc tài sản, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và mở rộng đầu tư sang lĩnh vực năng lượng tái tạo.
 Thoái vốn đầu tư tại Công ty con: Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề đăng ký kinh doanh

- ▷ Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng;
- ▷ Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- ▷ Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- ▷ Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- ▷ Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- ▷ Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- ▷ Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- ▷ Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- ▷ Đầu tư tài chính;
- ▷ Sản xuất và kinh doanh điện;
- ▷ Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- ▷ Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- ▷ Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- ▷ Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- ▷ Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- ▷ Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- ▷ Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- ▷ Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- ▷ Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.



Lĩnh vực kinh doanh chính

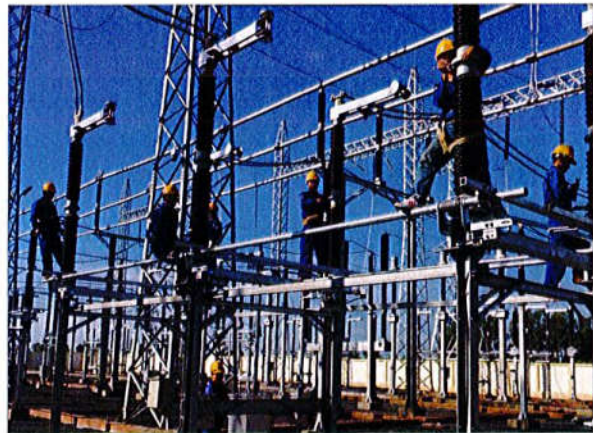
Trải qua hơn 30 năm hình thành phát triển, VNECO hiện nay tập trung vào 4 lĩnh vực kinh doanh chính gồm: xây lắp điện, sản xuất công nghiệp, bất động sản du lịch và đầu tư dự án nguồn điện.

Thi công xây lắp công trình điện

Thi công xây lắp là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và là thế mạnh truyền thống của VNECO từ khi thành lập đến nay. VNECO đã thực hiện thi công xây lắp hơn hàng chục nghìn km đường dây từ 110kV, 220kV đến 500kV, nhiều trạm biến áp 220kV, 500kV cùng nhiều công trình truyền tải điện đường dây khác.

Thế mạnh của VNECO là kinh nghiệm thi công, giám sát thi công, cùng máy móc thiết bị hiện đại, cho phép thực hiện đồng thời nhiều dự án đường dây và trạm biến áp có quy mô lớn và phức tạp đến 500kV.

Từ vị trí là nhà thầu xây lắp, đến nay, VNECO đã vươn lên trở thành đơn vị có đầy đủ năng lực tham gia, đã và đang thực hiện các dự án tổng thầu EPC xây lắp điện.



**Danh mục các công trình đã thi công**

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
I	Đường dây 500kV		
1	Đz 500 kV Bắc - Nam	524	1992 - 1994
2	Đz 500kV Yaly - Pleiku	40	1997- 1999
3	Đz 500kV Pleiku - Phú Lâm	134.623	2001- 2006
4	Đz 500Kv Phú Mỹ- Nhà Bè- Phú Lâm	11.483	2001- 2006
5	Đz 500Kv Pleiku- Dốc Sỏi - Đà Nẵng	76.567	2001- 2006
6	Đz 500kV Đà Nẵng - Hà Tĩnh	152,01	2001- 2006
7	Đz 500kV Hà Tĩnh - Thường Tín	89.584	2001- 2006
8	Đz 500kV Nhà Bè - Ô Môn (đoạn Ô Môn - Cai Lậy)	24.585	2001- 2006
9	Đz 500kv Quảng Ninh - Thường Tín	23,96	2007- 2009
10	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.1)	34.504	2012-2014
11	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.2)	34.494	2012-2014
12	Đz 500kV Vĩnh Tân - Sông Mây	35,2	2010-2014
13	Đz 500kV Pleiky - Mỹ Phước - Cầu Bông	67	2010-2014
14	Đz 500kV Phú Mỹ - Sông Mây	29,57	2009-2013
15	Đz 500kV Sơn La - Lai Châu (gói thầu số 9 và 12)	33.552	2013-2015
16	Đz 500kV Long Phú - Ô Môn	17.078	2014-2016
17	TBA 500kV Duyên Hải	450MVA	2013-2015
18	Đz 500kV Duyên Hải - Mỹ Tho	29,45	2014-2016
19	Đz 500kV Dự án Xây dựng đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	5,4	2014-2016
20	TBA 500kV Pleiku 2	3.453	2015-2016
21	Đz 500kV Sông Mây - Tân Uyên	5,3	2015-2017
22	Đz 500kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên	33,7	2015-2017
23	TBA 500kV Tân Uyên và đấu nối	300MVA	2015-2017
24	Đz 500kV Mỹ Tho-Đức Hòa	17,08	2016-2018
25	Đz 500kV Đấu nối NMNĐ Thăng Long	4,37	2016-2017
26	Đz 500/ 220kV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2	8,01	2016-2017
27	Đz 500kV đấu nối NMD Nghi Sơn 2 vào Hệ thống điện QG	11,42	2018-2020
28	Đz 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi (03 lô)	100,41	2018-2020
29	Đz 500kV Chơn Thành - Đức Hoà (lô 5.3)	5,3	2020-2021



TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
II Đường dây 200kV			
1	Đz 220kV Vinh - Đồng Hới	214	
2	Đz 220kV Quy Nhơn - Pleiku	76	
3	Đz 220kV Pleiku - KrôngBúk	102.4	
4	Đz 220kV KrôngBúk - Nha Trang	147	
5	Đz 220kV Đà Nẵng - Hoà Khánh	13,3	
6	Đz 220kV Hàm Thuận - Bảo Lộc	28	
7	Đz 220kV Ninh Bình - Thanh Hoá	28.415	
8	Đz 220kV Hoà Khánh - Huế	82,17	
9	Đz 220kV đấu nối sau TBA 500kV Hà Tĩnh	7,34	
10	Đz 220kV Rạch Giá - Bạc Liêu	50	
11	Đz 220kV Đa Nhim - Nha Trang	113.33	
12	Đz 220kV Đà Nẵng - Dốc Sỏi	104.6	
13	Đz 220kV Đa Nhim - Long Bình	6,44	
14	Đz 220kV Cà Mau - Ô Môn (đoạn 4 mạch)	29.702	
15	Đz 220kV Thốt Nốt - Châu Đốc-Tĩnh Biên	96.198	
16	Nâng cấp ĐZ 220kV Thủ Đức - Long Bình	5.232	
17	Đz 220 kV Thanh Thủy - Hà Giang - Tuyên Quang	35	
18	Đz 220kV Tuyên Quang - Yên Bái (VT: 1 -> VT:65)	38	
19	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ ĐĐ-G33)	38,82	2007- 2009
20	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ G33-G50) 29,41km	29,41	2007- 2009
21	Đz 220kV Hạ Sông Ba - Tuy Hòa 35,46km	35,46	2007- 2009
22	Đz 220kV Quy Nhơn - Tuy Hòa (đoạn từ ĐĐ-G34) 46,85km	46,85	2007- 2009
23	Đz 220kV Thanh Hóa - Vinh	32,76	2011-2014
24	Đz 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh (gói 6.2 và 6.4)	40.735	2011-2013
25	Đz 220kV Duyên Hải - Trà Vinh	45,7	2012-2014
26	Đz đấu nối 110/220 vào TBA Sông Mây	8,2	2011-2014
27	Đz 220kV Vinh Tân - Phan Thiết	53	2012-2014
28	Đz 220kV Phan Thiết - Phù Mỹ 2	46.67	2013-2016



TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
29	Đz 220kV Duyên Hải - Mỏ Cày	1,8	2014-2015
30	Đz 220kV Vân Trì - Chèm	17	2012-2015
31	Đz 220kV Nhiệt điện Thái Bình	9	2013-2015
32	Đz 220kV Long Phú - Sóc Trăng	17,8	2014-2016
33	TBA 220kV Kon Tum và đấu nối	125MVA	2014-2015
34	220kV Vũng áng - Ba Đồn - Đồng Hới	26,8	2014-2015
35	Đz 220kV An Khê - Quy Nhơn	25.776	2014-2015
36	Đz 220kV Đà Nẵng - Quận 3	13,39	2014-2016
37	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lô 8.1	33.988	2015-2016
38	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lô 8.2	40,45	2015-2016
39	Đz 220kV Thái Bình - Trạm 220kV Thái Bình	2,3	2014-2015
40	Đz 220kV Vĩnh Tường	4,1	2014-2016
41	Đz 220kV Hòa Bình - Tây Hà Nội	14,2	2015-2016
42	Đz 220kV Nhà máy Thủy điện Hối Xuân - đấu nối vào HT điện Quốc gia	15.394	2013-2016
43	Đz đấu nối vào TBA 500kV Tân Uyên	4,7	2016-2017
44	Đz 220kV Cầu Bông-Bình Tân	2,7	2016-2017
45	Đz 220kV Thái Bình-Tiến Hải-Trực Ninh	8,01	2016-2017
46	Đz 220kV Di Linh-Bảo Lộc	9,75	2016-2017
47	Đz 220kV đấu nối TBA 500kV Đức Hòa	8,7	2018-2019
48	Đz 220kV Nhiệt điện Hải Dương - Phố Nối	22,1	2019-2020
49	Đz 220kV Việt Trì - Tam Dương - Bá Thiện (gói 15)	19,5	2020-2021
50	Đz 220kV KrôngBuk - Nha Trang	149	2020-2021
51	Đz 220kV đấu nối TBA Long Thành	4,6	2020-2021

III Đường dây dưới 220kV

1	TBA 220kV/110kV Vĩnh Tường và các đường dây đấu nối 220kV, 110kV	12,605	2016-2017
2	TBA 110kV Hòa Xuân và nhánh rẽ	1,94	2016-2017
3	Nâng cấp đường dây 110kV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch (từ trụ số 10 đến trụ số 32) cấp điện cho TBA 110kV Hyosung	6,677	2016-2017
4	Nâng cao năng lực truyền tải Đz 110kV Lô 172 TBA 220kV Ninh Bình-Tĩnh Xuyên	10,7	2016-2017
5	Nhánh rẽ vào trạm 220kV Sơn Tây	11,82	2016-2018
6	ĐDK 110kV Hà Đông - Sơn Tây (173E1.4 đi 172E1.7)	38,226	2016-2019
7	Đz 110kV Nam Sài Gòn-Nam Sài Gòn, giai đoạn 2	3,782	2016-2019



TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
8	Đz 220-110kV Cầu Bông-Bình Tân từ G19 đến TBA 500kV Cầu Bông	3,613	2017-2018
9	Đz 110kV 173 Trảng Bàng 2-177 Đức Hòa 2; 174 Trảng Bàng 2-171 Đức Huệ; 172 Đức Huệ-178 Đức Hòa 2 (Phân pha dây dẫn)	8,763	2017-2018
10	Đz 110kV 174 Phan Thiết-172 Phan Rí (Phân pha dây dẫn)	14,3	2017-2018
11	Đầu nối 110kV sau TBA 220kV Phong Điền	5,7	2018-2018
12	Nâng cấp ĐZ 110kV TBA 220kV Quảng Ngãi-Đức Phổ-Tam Quan	28,02	2018-2018
13	Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV từ TBA 110kV Nha Trang đi TBA 110kV Ninh Hòa	34,076	2018-2018
14	Treo dây mạch 2 ĐZ 110kV Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Cửa Lò - Hưng Đông	14,832	2018-2019
15	Đz 110kV Quy Nhơn - Sông Cầu (đoạn Phú Yên)	30	2019-2020
16	Đz 110kV Hà Đông - Sơn Tây (mạch 2)	38	2020-2021

IV Trạm biến áp 220kV

1	Trạm biến áp 220kV Vinh	125	
2	Trạm biến áp 220kV Đồng Hới	63	
3	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn	63	
4	Trạm biến áp 220kV Đa Nhim	63	
5	Trạm biến áp 220kV KrôngBúk	63	
6	Trạm biến áp 220kV Nha Trang	123	
7	Trạm biến áp 220kV Vinh (MR)	125	
8	Trạm biến áp 220kV Huế	125	
9	Trạm biến áp 220kV Hoà Khánh	125	
10	Trạm biến áp 220kV Dốc Sỏi	63	
11	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn (MR)	125	
12	Trạm biến áp 220kV Nha Trang (MR)	125	
13	Trạm biến áp 220kV Long Xuyên 2 & Đz đầu nối	250MVA	2016-2017
14	Trạm biến áp 220kV Đô Lương	250MVA	2017-2018
15	Trạm biến áp 220kV Phù Mỹ	250MVA	2017-2018
16	Trạm biến áp 220kV Tam Phước	250MVA	2020-2021



TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
V	Trạm biến áp 110kV		
1	Trạm biến áp 110kV Xuân Hà	50	
2	Trạm biến áp 110kV Đồng Hới	16	
3	Trạm biến áp 110kV Huế	25	
4	Trạm biến áp 110kV Đông Hà	16	
5	Trạm biến áp 110kV Quảng Ngãi	5	
6	Trạm biến áp 110kV Cam Ranh	16	
7	Trạm biến áp 110kV Văn Xá	25	
8	Trạm biến áp 110kV Quy Nhơn 2	40	
9	Trạm biến áp 110kV Tuy Hoà 2	25	
10	Trạm biến áp 110kV Đồn Phó	16	
11	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh + đấu nối	25	
12	Trạm biến áp 110kV Hà Tĩnh (M2)	25	
13	Trạm biến áp 110kV Linh Cảm	25	
14	Trạm biến áp 110kV Bến Thủy	25	
15	Trạm biến áp 110kV Liên Trì	25	
16	Trạm biến áp 110kV Vinh Long (MR)	25	
17	Trạm biến áp 110kV Dung Quất	25	
18	Trạm biến áp 110kV Cầu Đỏ (MR)	25	
19	Trạm biến áp 110kV An Đồn	25	
20	Trạm biến áp 110kV Ba Đồn	25	
21	Trạm biến áp 110kV Diên Hồng	25	
22	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng (M2)	40	
23	Trạm biến áp 110kV Tháp Chàm (M2)	25	
24	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng	40	
25	Trạm biến áp 110kV Điện Ngọc	40	
26	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25	
27	Trạm biến áp 110kV Vinh Linh	25	
28	Trạm biến áp 110kV Liên Chiểu	40	



TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
29	Trạm biến áp 110kV Suối Dầu	25	
30	Trạm biến áp 110kV Eakar	25	
31	Trạm biến áp 110kV Cầu Hai	25	
32	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25	
33	Trạm biến áp 110kV Lao Bảo & ngăn xuất tuyến	25	
34	Trạm biến áp 110kV Eakar & ngăn xuất tuyến	25	
35	Trạm biến áp 110kV Đắc Tô & ngăn xuất tuyến	16	
36	Trạm biến áp 110kV Lệ Thủy & nhánh rẽ	25	
37	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh (MR)	25	
38	Trạm biến áp 110kV Kon Tum (MR)	25	
39	Trạm biến áp 110kV Cư Jút	25	
40	Trạm biến áp 110kV Lăng Cô	25	
41	Trạm biến áp 110kV Xi măng Sông Gianh	25	
42	TBA 110kV Đăk Hà và nhánh rẽ	40MVA	
43	Đz & TBA 110kV Liễu Đề	40MVA	
44	Trạm biến áp 110kV Bảo Ninh và Đz đấu nối	40MVA	
VI	Các công trình thủy điện		
1	Nhà máy Thủy điện Khe Diên	9MW	2003-2007
2	Nhà máy Thủy điện Krông-H'Năng	64MW	2005-2008
3	Nhà máy Thủy điện Hối Xuân		
VII	Các công trình năng lượng tái tạo		
1	Nhà máy Điện mặt trời Cư Jút - Buôn Ma Thuột	50MWp	2018-2019
2	Nhà máy Điện mặt trời Cam Lâm - Khánh Hòa	50MWp	2019-2020
3	Nhà máy Điện mặt trời HaCom - Ninh Thuận	50MWp	2019-2020
4	Nhà máy Điện mặt trời Thuận Nam - Đức Long	50MWp	2019-2020



Sản xuất công nghiệp

Các sản phẩm chính của Tổng Công ty trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp bao gồm gia công cơ khí, sản xuất cột điện bê tông ly tâm, ống cống và sản xuất gạch block các loại.

Sản xuất cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông ly tâm các loại.

VNECO có các đơn vị thành viên có dây chuyền công nghệ cao sản xuất trụ điện cột bê tông dự ứng lực, ống cống và các sản phẩm bê tông ly tâm đúc sẵn. Sản phẩm bê tông ly tâm do VNECO sản xuất có chất lượng cao, được kiểm định đo lường cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn và được sử dụng trong các công trình đường dây và trạm trên khắp các tỉnh thành đất nước.





Dịch vụ du lịch, bất động sản

Ngoài lĩnh vực kinh doanh chính, VNECO còn mở rộng đầu tư vào lĩnh vực du lịch và bất động sản. Mặc dù không phải lĩnh vực kinh doanh chính nhưng cũng đóng góp cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. VNECO hiện đang sở hữu và khai thác Khách sạn Xanh Đà Nẵng:

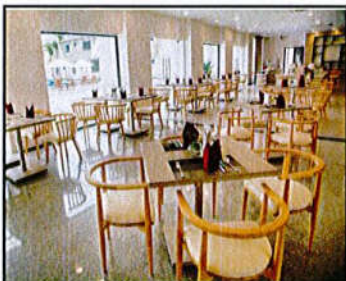
Số 64 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Tel: (84)236 3842055

Mail: info@greenhoteldn.com.vn

Website: www.greenhoteldn.com.vn

Khách sạn Xanh Đà Nẵng là một khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao Quốc Tế với hệ thống lưu trú gồm 84 phòng (49 phòng Deluxe, 4 phòng Suite, 6 phòng Villa, 25 phòng Standard), được thiết kế sang trọng đầy đủ các tiện nghi, dịch vụ bổ sung đảm bảo chất lượng và phong cách phục vụ chuyên nghiệp; Nhà hàng tiệc cưới Hoa sứ sức chứa 450 khách và nhà hàng Draff Beer. Khách sạn Xanh tọa lạc trên đường Hoàng Văn Thái - Thành phố Đà Nẵng, cách bến xe trung tâm của thành phố chỉ khoảng 5 phút, nằm trên trục đường đi Bà Nà Hills, núi Thần Tài, cách nhà Ga Đà Nẵng và sân bay quốc tế Đà Nẵng chỉ 10 phút. Nhà hàng của Khách Sạn Xanh Đà Nẵng có sức chứa từ 200 đến 1000 khách. Phục vụ các món ăn từ phong cách Châu Âu, Á hiện đại mang đến những hương vị đậm bản sắc truyền thống quê hương Việt Nam.





Dịch vụ du lịch, bất động sản

Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng

Vị trí đầu tư: xã Phú Mỹ và Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Tổng mức đầu tư: 832 tỷ đồng

Quy mô diện tích: 43,1 ha (trong đó Quỹ đất được giao nhà phố 925 lô, biệt thự 73 lô, đất thương mại dịch vụ: 3 lô)

Tiện ích và chất lượng cuộc sống hoàn hảo

- Đầy đủ các tiện ích công cộng thỏa mãn mọi nhu cầu sinh hoạt của cư dân trong khu đô thị
- Môi trường xanh, sạch, đẹp, nhiều cây xanh
- Cộng đồng văn minh
- An ninh đảm bảo

Your dreaming home

Phân khu 1	Phân khu 2	Phân khu 3	Phân khu 4
Tổng cộng 25 Biệt thự 3 tầng 30 Nhà phố 3 tầng 164 Nhà phố 4 tầng	Tổng cộng 24 Biệt thự 3 tầng 106 Nhà phố 3 tầng 81 Nhà phố 4 tầng	Tổng cộng 21 Biệt thự 3 tầng 50 Nhà phố 3 tầng 210 Nhà phố 4 tầng	Tổng cộng 3 Biệt thự 4 tầng 90 Nhà phố 3 tầng 174 Nhà phố 4 tầng





Đầu tư nguồn điện

VNECO đã thực hiện thi công các nhà máy thủy điện như: Nhà máy thủy điện Hồi xuân, nhà máy thủy điện K'rong H'nhang, nhà máy thủy điện Khe Diên,...

Hiện nay, Tổng Công ty tập trung xúc tiến đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo: dự án điện gió Thuận Nhiên Phong 1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2,...

Địa bàn kinh doanh

Địa bàn hoạt động của VNECO trải rộng khắp cả nước:

23 công trình đường dây 500kV
với tổng chiều dài **1500km**

42 công trình đường dây 220kV
với tổng chiều dài **1800km**

1.578km tổng chiều dài đường dây 110kV

4.400km tổng chiều dài đường dây 35kV, 22kV

Đã tham gia xây dựng:

03 trạm biến áp 500kV
với dung lượng từ 300MVA đến 450MVA,

12 trạm biến áp 220kV
với dung lượng từ 63MVA đến 125MVA

41 trạm biến áp 110kV
với dung lượng từ 5MVA đến 50MVA

Xây dựng 02 nhà máy thủy điện:

Khe Diên với công suất **9MW**

Krong Hnang với công suất **64MW**

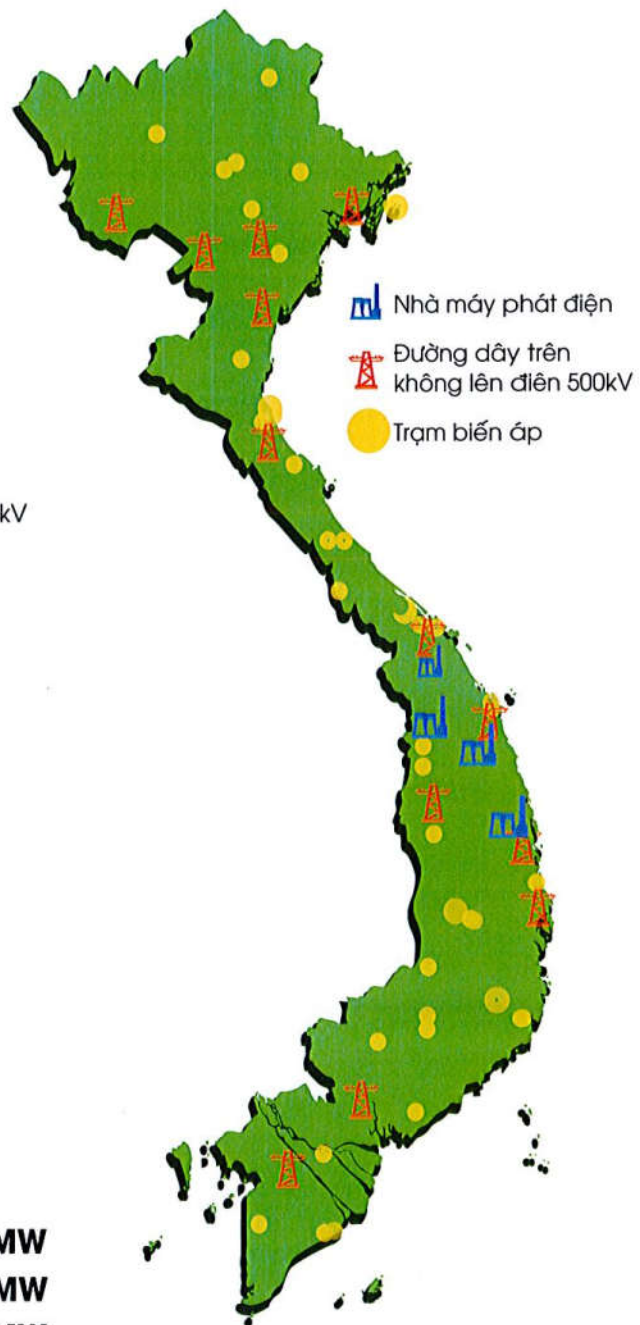
Xây dựng 03 nhà máy điện mặt trời:

Cư Jut - Buon Ma Thuot với công suất **50MW**

Cam Lâm - Khánh Hòa với công suất **50MW**

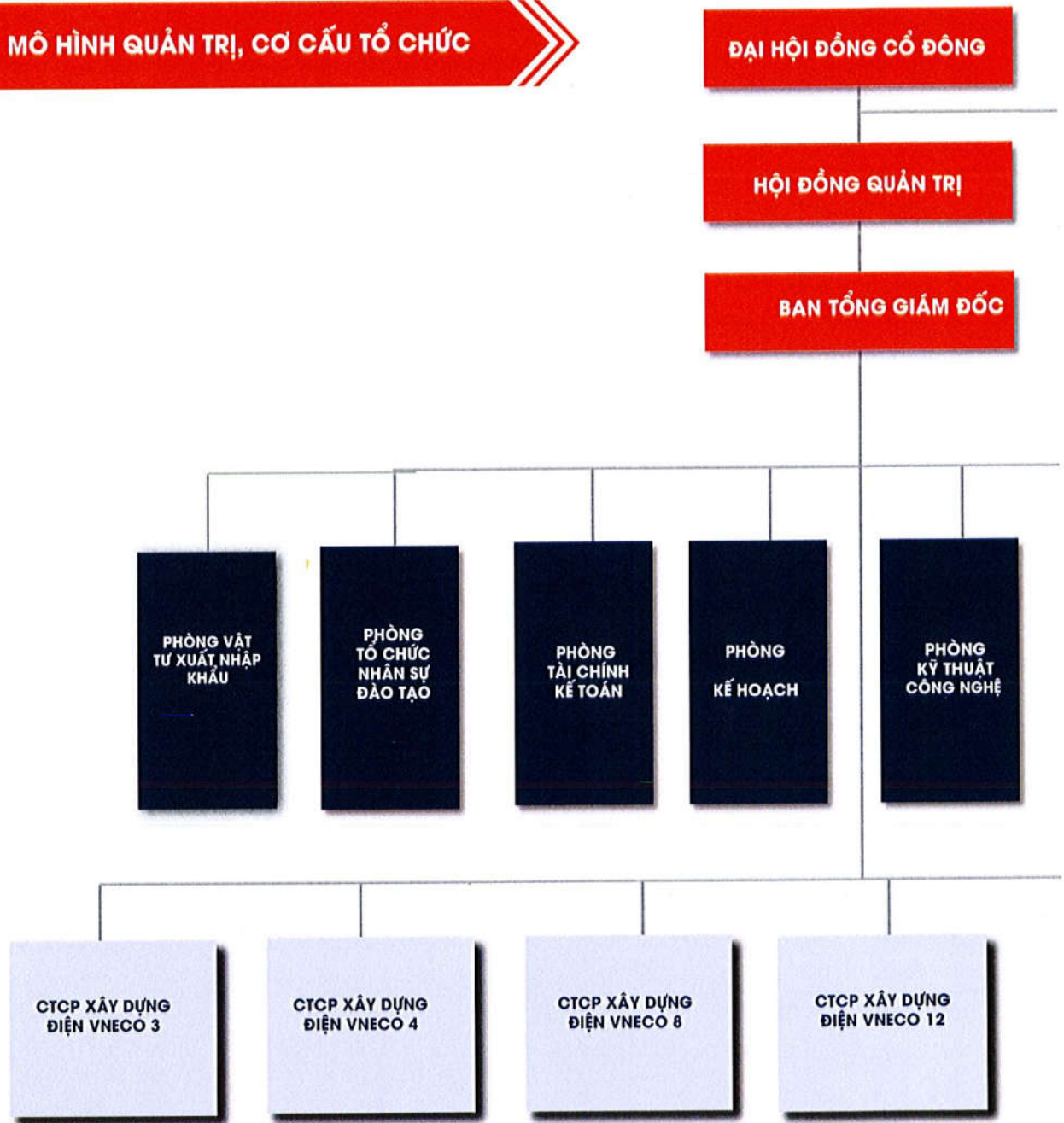
Thuận Nam - Đức Long với công suất **50MW**

HÀM KIỆM 1 - BÌNH THUẬN với công suất **50MW**





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC



Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất tại VNECO. ĐHCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Tổng công ty; thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Tổng công ty và các quyền khác theo Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị (HĐQT): là cơ quan quản trị của VNECO, có toàn quyền nhân danh VNECO để quyết định các vấn đề liên quan đến lợi ích, quyền lợi VNECO, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Báo cáo trước ĐHCĐ tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Tổng công ty. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành. Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng Công ty. Quyết định triệu tập ĐHCĐ. Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ VNECO quy định.



BAN KIỂM SOÁT

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của VNECO được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- 📍 Đại hội đồng cổ đông
- 📍 Hội đồng quản trị: gồm 5 thành viên
- 📍 Ban kiểm soát: 03 thành viên, 01 thành viên chuyên trách
- 📍 Ban Điều hành: 06 thành viên, gồm 01 Tổng giám đốc, 04 phó tổng giám đốc và 01 kế toán trưởng



Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các nhiệm vụ được giao.

Ban điều hành: Ban điều hành gồm 07 thành viên (01 Tổng giám đốc, 05 phó tổng giám đốc và 01 kế toán trưởng) do HĐQT bầu ra. Tổng giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Các Phó Tổng giám đốc được phân công phụ trách ban chỉ đạo công trình khu vực miền Bắc, Trung, Nam, phụ trách công tác đầu thầu và phụ trách công tác tài chính.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔNG CÔNG TY

Văn phòng Tổng Công ty: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Đơn vị trực thuộc

- Khách sạn xanh Đà Nẵng: Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh: Số 28/1/10 Phan Đình Giót, phường 2, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc: 2A2 Đầm Trấu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3, Trung Đô, Tp Vinh, Nghệ An

Vốn điều lệ: 13.197.100.000 đ

Vốn góp của VNECO: 6.985.720.000đ tương đương 52,93% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 4

Địa chỉ: 197 Nguyễn Trường Tộ, Tp Vinh, Nghệ An

Vốn điều lệ: 10.280.000.000đ

Vốn góp của VNECO: 5.192.580.000đ tương đương 54,73% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buon Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk

Vốn điều lệ: 18.000.100.000đ

Vốn góp của VNECO: 9.746.980.000đ tương đương 55,93% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 12

Địa chỉ: 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Vốn điều lệ: 12.000.000.000đ

Vốn góp của VNECO: 7.887.200.000đ tương đương 65,73% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VNECO

Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 51%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51%





CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ THUẬN NHIÊN PHONG 1

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
 Vốn góp của VNECO đến 31/12/2020 là 381.800.000.000 đồng



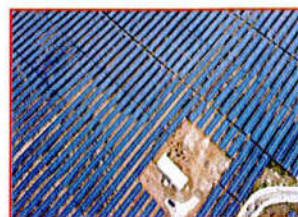
CÔNG TY TNHH ĐIỆN MẶT TRỜI VNECO - HÒA THẮNG

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
 Vốn góp của VNECO đến 31/12/2020 là 20.000.000.000 đồng



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VNECO

Địa chỉ: Số 132 Cao Đức Lân, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
 Vốn góp của VNECO đến 31/12/2020 là 2.500.000.000 đồng



CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	TÊN CÔNG TY	VỐN GÓP	% VỐN ĐIỀU LỆ
	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	5.854.100.000	32,37%
	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	3.000.000.000	30,05%

Thực hiện Nghị quyết số 11NQ/VNECO-HĐQT ngày 04/6/2020 Vv thống nhất chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã đầu tư vào Công ty con: Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long. Kể từ ngày 20/10/2020 Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long không còn là Công ty con của VNECO.

Thực hiện Nghị quyết số 41NQ/VNECO-HĐQT ngày 15/9/2020 Vv Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam thoái toàn bộ vốn của VNECO đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO7. Kể từ ngày 29/9/2020, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 7 không còn là công ty liên kết kết của Tổng Công ty.



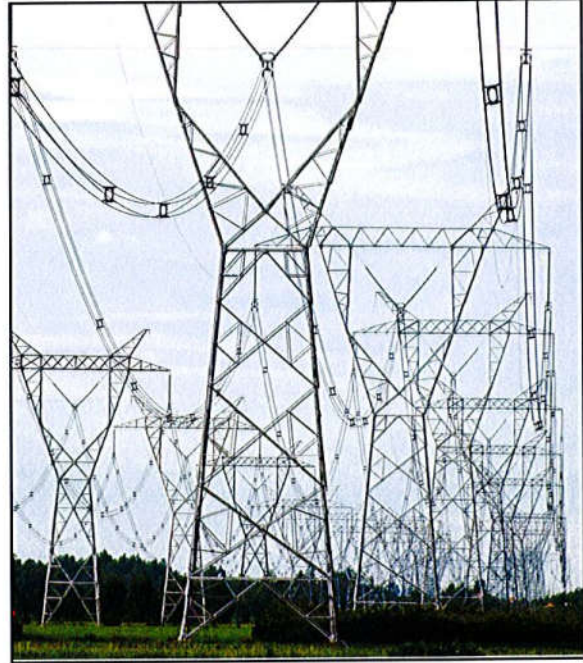
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHÍNH

(1) Xây dựng VNECO trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp các công trình điện, thực hiện các hợp đồng EPC cho các công trình điện, thực hiện đầu tư các dự án sản xuất điện năng từ năng lượng tái tạo, đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn và du lịch...

(2)- Đầu tư năng lượng: tập trung nguồn lực đầu tư các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, mục tiêu phát triển bền vững công ty gắn với bảo vệ môi trường.

(3)- Sản xuất kinh doanh tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận công ty, tối đa hóa giá trị cho cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.



(4)- Tiếp tục phát triển các hệ thống máy móc, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.

(5)- Xác định ngành nghề cốt lõi trung và dài hạn vẫn là xây lắp truyền thống. Bên cạnh đó để phát triển bền vững và không độc canh ngành nghề xây lắp, định hướng phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo để phát triển bền vững. Bên cạnh đó quan tâm đầu tư vào lĩnh vực Bất động sản, du lịch trong từng giai đoạn và từng thời điểm.

(6)- Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển bền vững, mạnh mẽ.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

- ◇ - Lĩnh vực xây lắp công trình điện: Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực xây dựng điện phát huy tối đa ưu thế về ngành nghề truyền thống. Áp dụng mô hình quản lý thi công theo Ban chỉ đạo từng vùng miền. Nghiên cứu đào tạo để cán bộ kỹ thuật kiêm nhiệm thêm công tác chỉ đạo thực hiện công tác đến bù giải phóng mặt bằng thi công. Áp dụng và triển khai việc kéo dây bằng tổ hợp thiết bị thi công kéo dây không chạm đất thay thế toàn bộ thiết bị thi công truyền thống trước đây nhằm rút ngắn thời gian thi công, giảm chi phí đến bù, giảm thiểu rủi ro trong quá trình thi công, giảm thiểu tối đa tác động môi trường, nâng cao chất lượng công trình và tạo hình ảnh chuyên nghiệp trong lĩnh vực xây lắp điện Việt Nam.
- ◇ - Lĩnh vực xây lắp năng lượng tái tạo: Tăng cường tiếp cận với các đơn vị tư vấn, thiết kế, chủ đầu tư để nắm thông tin về các dự án năng lượng tái tạo; Phối hợp với các đối tác, nhà thầu lớn có tiềm năng, thực hiện liên doanh, liên kết triển khai các dự án EPC lớn để bổ sung hồ sơ năng lực; Đã và đang triển khai và thực hiện hợp đồng EPC cho dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong với công suất 30,4MW với 8 Turbine của hãng GE loại 3.8-137 tại Xã Hoà Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận đóng điện trong tháng 10/2021.
- ◇ - Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Đầu tư vào nghiên cứu phát triển sản phẩm tại các đơn vị thành viên. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý của Tổng công ty phù hợp với tình hình kinh doanh từng đơn vị, phát huy tối đa sức mạnh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.
- ◇ - Lĩnh vực bất động sản: Phát triển và khai thác các dự án bất động sản hiện có; tìm kiếm thêm nhiều dự án BĐS mới đảm bảo hiệu quả cho Doanh nghiệp.
- ◇ - Lĩnh vực dịch vụ phục vụ công tác lắp dựng Turbine điện gió: Với mục tiêu quyết tâm phấn đấu trở thành một trong những đơn vị có năng lực thực hiện Tổng thầu EPC các dự án nhà máy điện gió, vì vậy Tổng Công ty đã đầu tư 2 Cản cầu 800 tấn và hệ thống cầu nhỏ khác đi kèm là một trong những mắt xích quan trọng trong chuỗi các hạng mục quyết định sự thành công của chiến lược.
- ◇ - Lĩnh vực đầu tư nguồn điện: Thực hiện tổng thầu một số dự án nhà máy điện, đặc biệt chú trọng phát triển các dự án năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời)
- ◇ - Định hướng tái cấu trúc doanh nghiệp: Thực hiện tái cấu trúc các khoản đầu tư ngoài ngành và các khoản đầu tư hiệu quả thấp song song với việc thực hiện tái cấu trúc bộ máy hoạt động, giảm chi phí quản lý.

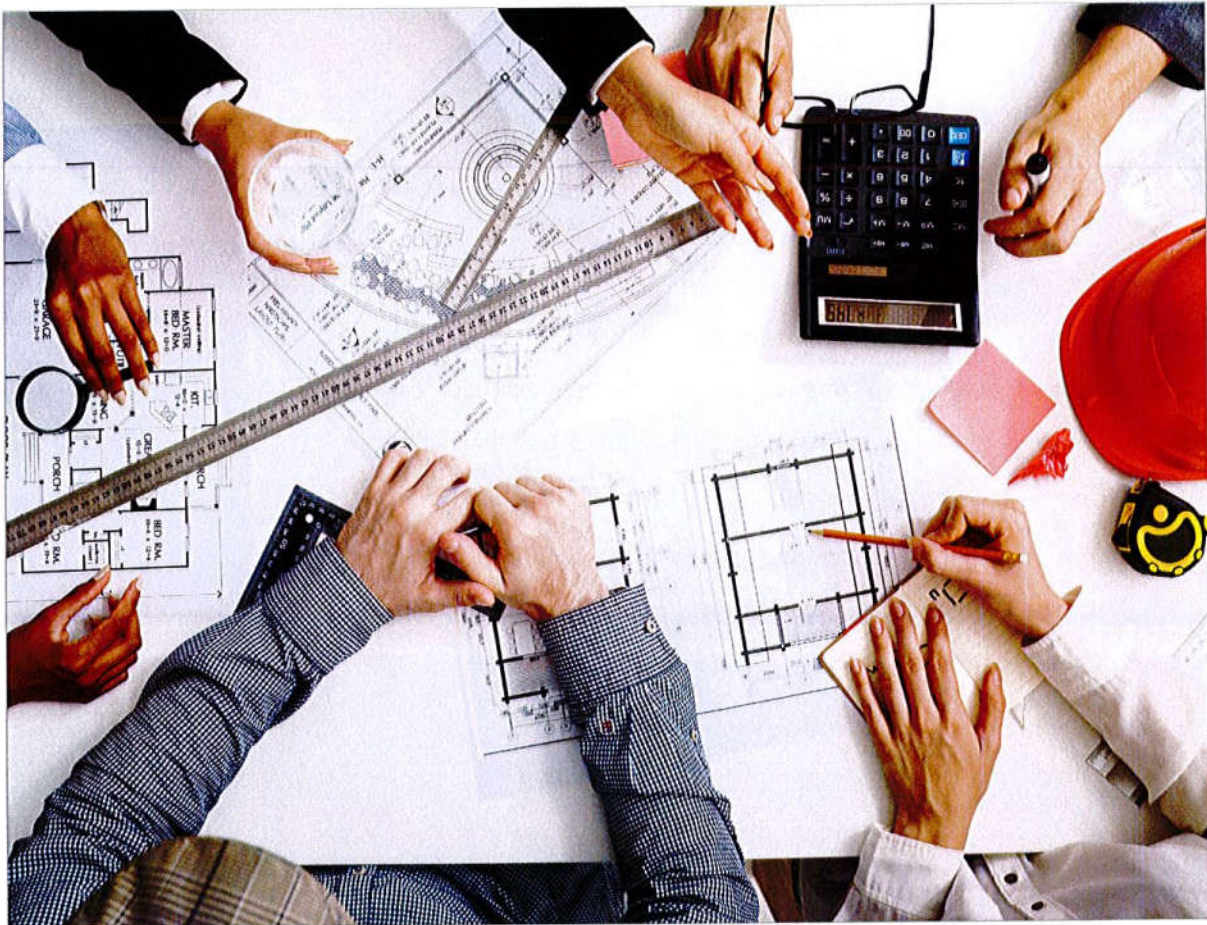


ĐỊNH HƯỚNG TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tái cấu trúc vốn tại một số công ty con và liên kết kinh doanh không hiệu quả, đồng thời đầu tư nâng tỷ lệ cổ phần tại một số công ty phục vụ cho mục đích phát triển của Tổng Công ty.

Để triển khai thực hiện đầu tư dự án năng lượng tái tạo thành công và hiệu quả cần chuẩn bị:

- ◇ Nguồn nhân lực: Bố trí Phó Tổng giám đốc phụ trách, cán bộ kỹ thuật công nghệ, cán bộ Vật tư Xuất nhập khẩu, bộ phận quản lý dự án, cán bộ tài chính tìm kiếm nguồn vốn đầu tư cho dự án.
- ◇ Nguồn lực về tài chính: Bố trí đủ nguồn vốn tự có và vốn vay thương mại để triển khai thực hiện đầu tư, hoàn thành sớm để khai thác dự án.
- ◇ Tổ chức thành lập công ty con theo quy định pháp luật hiện hành và bộ máy để triển khai thực hiện từng dự án đầu tư.
- ◇ Nghiên cứu liên doanh liên kết với nhà cung cấp sản phẩm pin mặt trời để thực hiện hợp đồng PC (cung cấp thiết bị công nghệ và thi công lắp đặt cho dự án điện mặt trời) hoặc EPC (thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công lắp đặt cho dự án điện mặt trời). Thực hiện EPC cho hệ thống điện đường dây và TBA kết nối lưới điện quốc gia của các dự án điện gió và điện mặt trời.





MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ◇ Đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) hướng tới phát triển bền vững, góp phần giải quyết bài toán về an ninh năng lượng qua đó hiện thực hóa chiến lược phát triển xanh của đất nước.
- ◇ Kiên trì mục tiêu giữ vững hoạt động, tiến tới phát triển an toàn bền vững, bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, lợi ích cổ đông.
- ◇ Mở rộng thị trường hoạt động ra các nước láng giềng: Lào, Campuchia
- ◇ Đề cao công tác an toàn sức khỏe môi trường, không để xảy ra các sự cố nghiêm trọng trong công tác thi công đường dây.
- ◇ Minh bạch thông tin tài chính, thông tin tình hình đầu tư và hoạt động.
- ◇ Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cán bộ nhân viên, tăng năng suất lao động.
- ◇ Cải tiến quy trình hoạt động.
- ◇ Đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi cao cho đội ngũ CBNV

TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

Tổng Công ty cũng đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại các lợi ích kinh tế xã hội của địa phương bao gồm: Tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại các nhà máy công trường; tăng thu nhập cho người dân; giảm tỷ lệ đói nghèo và tệ nạn xã hội; cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại địa phương thông qua xây dựng, nâng cấp hệ thống đường điện;....



RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,91%.

◇ **Tăng trưởng GDP:** Trước diễn biến phức tạp của Dịch Covid-19 lên kinh tế toàn cầu, làm gián đoạn hoạt động kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Kinh tế Việt Nam trong năm 2020 là điểm sáng trong khu vực, tăng 2,91% - mức tăng trưởng dương hiếm hoi, đứng vào nhóm tốt nhất so với các nước trong khu vực và thế giới. Những yếu tố có thể hỗ trợ cho tăng trưởng bao gồm: Chính phủ kiểm soát tốt dịch bệnh từ giai đoạn sớm giúp duy trì hoạt động kinh tế trong nước, kỳ vọng về triển vọng kinh tế do việc hoàn tất ký kết Hiệp định thương mại tự do và bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và EU (EVFTA và IPA) đem lại; tiến độ giải ngân và thi công các dự án đầu tư công trọng điểm được đẩy nhanh hơn; làn sóng dịch chuyển đầu tư và thương mại nhằm phân tán rủi ro từ cuộc xung đột thương mại Mỹ - Trung; môi trường vĩ mô ổn định, lạm phát kiểm soát được ở mức chấp nhận được, tạo môi trường cho việc thực thi các chính sách hỗ trợ tăng trưởng. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm tăng 3,23%, nằm trong mức mục tiêu, nợ công năm 2020 có xu hướng tăng trở lại so với năm 2019 nhưng vẫn đảm bảo trong ngưỡng an toàn được Quốc hội cho phép.





- ◇ Lạm phát: CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm 2019, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ mức CPI bình quân năm 2020 dưới mục tiêu 4% Quốc hội đề ra trong bối cảnh một năm với nhiều biến động khó lường. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019.
- ◇ Dự trữ ngoại hối Quốc gia trong năm 2020 đã tăng 21 tỷ USD so với năm 2019 và chạm mốc 100 tỷ USD góp phần ổn định tăng trưởng kinh tế.
- ◇ Thâm hụt cán cân thương mại: Việt Nam là một trong số ít các điểm sáng về thương mại năm 2020 của thế giới. Theo Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 ước tính đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm 2019, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5%; nhập khẩu hàng hóa đạt 262,4 tỷ USD, tăng 3,6%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 ước tính xuất siêu 19,1 tỷ USD, mức cao nhất trong 5 năm liên tiếp xuất siêu kể từ năm 2016.
- ◇ Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2020 giảm 0,02% so với năm 2019.
- ◇ Lãi suất thị trường năm 2020: Mức tăng trưởng tín dụng năm 2020 đạt 11,62%, thấp hơn mức 12,1% của cùng kỳ năm 2019. Cơ cấu tín dụng chuyển dịch phù hợp, theo đó tín dụng tập trung vào sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên... Tính chung từ đầu năm 2020 đến nay, NHNN đã 3 lần điều chỉnh giảm đồng bộ các mức lãi suất với tổng mức giảm tới 1,5 - 2,0%/năm lãi suất điều hành, là một trong các ngân hàng trung ương (NHTW) có mức cắt giảm lãi suất điều hành lớn nhất trong khu vực. Trần lãi suất tiền gửi giảm 0,6 - 1,0%/năm, trần lãi suất cho vay với các lĩnh vực ưu tiên giảm 1,5%/năm. Đồng thời, chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiết kiệm chi phí, giảm mạnh lãi suất cho vay, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên.
- ◇ Với đặc thù ngành, các công trình thi công xây dựng thường là những công trình có quy mô lớn, phát sinh thường xuyên nhu cầu tín dụng ngắn hạn như các công trình hệ thống lưới điện, công trình đấu tư nguồn điện... do đó biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của của Tổng công ty.
- ◇ Sự thay đổi của nền kinh tế sẽ có những tác động đến hầu như toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế, không loại trừ VNECO. Sự thay đổi các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ có những tác động trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ điện năng, từ đó tác động đến quy hoạch nguồn cung điện và xây lắp điện, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh VNECO. Cùng với đà hồi phục mạnh của nền kinh tế, nhu cầu điện năng tăng kéo theo cơ hội cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện và truyền tải điện.
- ◇ Để giảm thiểu những tác động từ kinh tế, Ban Điều hành VNECO thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời phát hiện và đưa ra các biện pháp ngăn chặn các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của VNECO.



Rủi ro pháp lý

- ◇ Là một công ty cổ phần niêm yết, VNECO chịu sự chi phối bởi hệ thống luật pháp Việt Nam mà trực tiếp là Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Chứng khoán, Luật Đất đai, và các Bộ Luật chuyên môn khác....
- ◇ Rủi ro pháp lý là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi và hệ thống pháp luật đang còn nhiều sự bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, phức tạp..., điều này tạo ra những thách thức trong công tác cập nhật và triển khai thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty.
- ◇ Một số văn bản quy phạm pháp luật điều tiết hoạt động xây lắp điện như Quyết định 4970/QĐ-BCT sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm cũng như tỷ lệ lợi nhuận gộp biên của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và VNECO nói riêng.
- ◇ Để giảm thiểu loại rủi ro này, Tổng Công ty thường xuyên chủ động cập nhật liên tục sự thay đổi các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực kinh doanh, cũng như các văn bản pháp lý khác chi phối đến hoạt động của mình từ đó có thể đưa các chiến lược phát triển phù hợp, giảm thiểu tác động xảy ra, đảm bảo công tác thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty được diễn ra thuận lợi, bên cạnh đó hoạt động kinh doanh của VNECO cũng được duy trì ổn định.

Rủi ro ngành

- ◇ Đặc thù của hoạt động xây dựng (xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, xây dựng điện,..) là thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hơn nữa điều kiện làm việc ngoài trời chịu sự tác động ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như: xây dựng các đường dây và trạm biến áp, các công trình hạ tầng cơ sở...
- ◇ Ngoài ra, ngành còn phải chịu nhiều rủi ro từ các quy định pháp lý kể cả việc quy hoạch đất đai, tài sản. Bên cạnh đó, quá trình thi công các công trình còn phụ thuộc nhiều vào tiến độ cung cấp hàng của chủ đầu tư, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, khả năng thực hiện dự án cũng như môi trường quản lý điều hành và hoạch định của Nhà nước...
- ◇ Thời gian thi công thường kéo dài, tiến độ thực hiện chịu sự tác động của nhiều phía.
- ◇ Điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công các công việc ở phần ngầm dưới đất, vừa thi công các phần việc ở trên cao nên có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.
- ◇ Đặc thù nguyên vật liệu: Sắt, thép, kẽm, gạch đá xi măng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất và xây lắp các công trình. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại nguyên nhiên vật liệu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty.
- ◇ Bên cạnh đó tình hình cạnh tranh gay gắt cũng là một trong những rủi ro đáng lo ngại trong quá trình hoạt động của VNECO, khi thực tế cho thấy Tổng Công ty đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ có tiềm lực và các đối thủ mới ngày càng nhiều trong ngành xây lắp điện.



Rủi ro thanh toán

- ◇ Rủi ro đặc thù của các doanh nghiệp trong ngành là rủi ro tài chính, cụ thể là rủi ro thanh toán (đặc biệt là thanh toán phát sinh) sẽ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp.
- ◇ Rủi ro của VNECO có thể phát sinh nợ đọng từ các Chủ đầu tư, do các thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư thường mất nhiều thời gian do phải duyệt qua nhiều khâu, dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- ◇ VNECO đang cố gắng có sự chủ động về nguồn vốn để có khả năng luân chuyển vốn tốt nhất, tránh ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Rủi ro môi trường

- ◇ Với hoạt động chính là xây dựng các công trình hệ thống điện, trong quá trình hoạt động VNECO không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực thi công các công trình. Một số yếu tố có thể kể đến như các loại khí thải từ các phương tiện vận tải, tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng,...Nhằm hạn chế những tác động đến môi trường quanh khu vực thi công, Tổng Công ty tăng cường nghiên cứu các phương pháp thi công mới, tiên tiến, tiết kiệm nhân lực và diện tích ảnh hưởng.

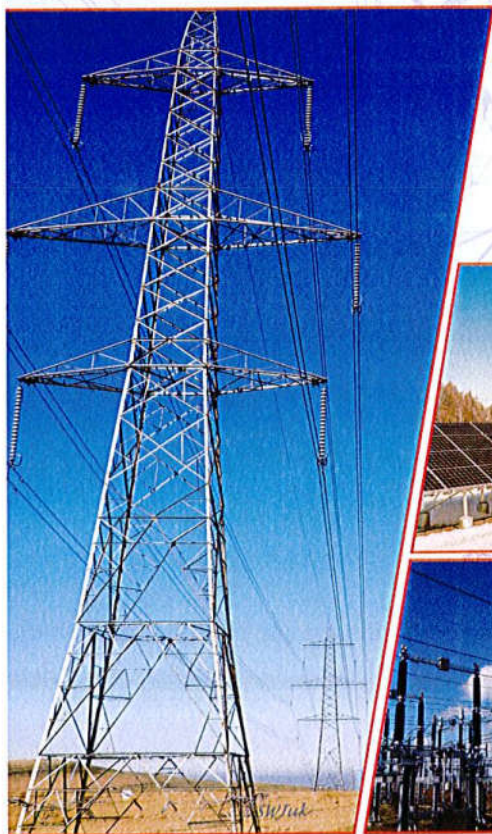
Rủi ro khác

- ◇ Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc toàn bộ các hạng mục công trình đã, đang thi công). Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.
- ◇ Vì vậy, VNECO phải cập nhật theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện cán bộ công nhân viên về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, đối với đại dịch COVID-19, các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các Trưởng ban chỉ đạo thi công trên các công trình thường xuyên tuyên truyền CBNV, người lao động phải thực hiện nghiêm túc khuyến cáo của Bộ Y tế “5K là: Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tập trung - Khai báo y tế” để chung sống an toàn với dịch bệnh để bảo vệ bản thân, doanh nghiệp và cộng đồng...

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

Hoạt động SXKD	35
Tổ chức nhân sự	38
Hoạt động đầu tư	46
Tình hình tài chính	50
Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư CSH	52





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

VNECO là một trong những đơn vị đầu tiên và chủ lực trong ngành xây lắp điện và là một trong số ít những đơn vị có kinh nghiệm thi công đường dây & trạm biến áp 500kV cũng như thực hiện hợp đồng EPC các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp cao áp. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tập trung 4 mảng chính trong đó cốt lõi là xây lắp các công trình điện. Tỷ trọng doanh thu xây lắp hàng năm chiếm khoảng 60-85% tổng doanh thu Tổng Công ty.

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2018	2019	2020
1	Doanh thu thuần	741.772	1.231.903	1.299.667
2	Tăng trưởng DTT	(18,38)%	66,08%	5,50%
3	Lợi nhuận trước thuế	75.604	17.070	12.064
4	Tăng trưởng LNTT	(22,59)%	(77,42)%	-29,33%
5	LNST hợp nhất	83.025	9.663	14.446
6	Tăng trưởng LNST Hợp nhất	26,15%	(88,36)%	49,50%
7	LNST Công ty mẹ	84.428	9.894	11.549
8	Tăng trưởng LNST Công ty mẹ	32,97%	(88,28)%	16,73%

Năm 2018: Doanh thu thuần đạt 741.772 triệu đồng, sụt giảm so với năm 2017 là 18,38%, do các nguyên nhân sau:

- Các chủ đầu tư EVN, NPT triển khai các dự án theo hướng phân chia ngày nhỏ các qui mô gói thầu nên có sự cạnh tranh gay gắt trong công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm;
- Đơn giá xây dựng cơ bản có sự điều chỉnh, các dự án có cùng quy mô công trình có tổng dự toán được phê duyệt giảm 20-30% so với trước đây làm ảnh hưởng doanh thu, hiệu quả Tổng Công ty;
- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn và có xu hướng ngày càng tăng, công tác bàn giao mặt bằng thi công của Chủ đầu tư chậm, vật tư Chủ đầu tư cấp chậm, không đồng bộ, phụ thuộc vào lịch cắt điện (như Đz và TBA 110kV Tĩnh Gia, Đz 500kV đấu nối Nghi Sơn (A cấp stub bar chậm), TBA 500kV Đức Hòa, TBA 500kV Tân Uyên, Đz 500kV Mỹ Tho Đức Hòa, Đz 500kV Sông Mây-Tân Uyên (phụ thuộc lịch cắt điện) làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình và thực hiện doanh thu của Tổng Công ty trong năm 2018;
- Mặt khác các dự án bị trượt so với kế hoạch ban đầu; các thủ tục triển khai của Chủ đầu tư chậm nên việc thi công Đz 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi đã ảnh hưởng đến một phần doanh thu 2018;

Nhưng bù lại trong năm 2018, Tổng Công ty đã thực hiện tái cấu trúc tài sản thành công từ việc chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty con là Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO nên doanh thu hoạt động tài chính từ chênh lệch giữa giá phí thoái vốn và giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ khi thực hiện thoái vốn trên BCTC hợp nhất là 169.859 triệu đồng đã góp phần làm doanh thu hoạt động tài chính tăng so với cùng kỳ năm 2017; Đồng thời điều chỉnh giảm thuế TNDN hoãn lãi 11.787 triệu đồng để tăng lợi



nhuận hợp nhất trong năm 2018 do trước đây Công ty mẹ trích lập dự phòng vào Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO.

Mặt khác, doanh thu hoạt động kinh doanh Bất động sản cũng góp phần hỗ trợ trong cơ cấu doanh thu của Tổng Công ty.

Vì vậy, mặc dù năm 2018, doanh thu sụt giảm hơn năm 2017 nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ tăng 32,97% so với cùng kỳ năm 2017.

Năm 2019: Doanh thu thuần năm 2019 đạt 1.232 tỷ đồng, tăng 66,88% so với cùng kỳ năm 2018, chủ yếu do:

- Doanh thu hoạt động xây lắp điện năm 2019 đạt 510 tỷ đồng;
- Doanh thu hoạt động xây lắp các nhà máy điện mặt trời năm 2019 đạt 462 tỷ đồng;
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản tại Khu đô thị Mỹ Thượng Thừa Thiên Huế đạt 223 tỷ đồng;
- Doanh thu bán hàng và sản xuất công nghiệp đạt 30 tỷ đồng;
- Doanh thu dịch vụ, khách sạn, nhà hàng đạt 7 tỷ đồng;

Tuy nhiên, một số công trình xây lắp điện công tác đến bù giải phóng mặt bằng thi công không thuận lợi, phụ thuộc vào tiến độ cắt điện như: Đz 100kV Cầu Bông - Bình Tân, Đz 500kV đấu nối Nghi Sơn, Đz đấu nối 220kV vào TBA 500kV Đức Hòa, TBA 500kV Đức Hòa, Đz 500kV Mỹ Tho - Đức Hòa, Đz 500kV Sông Mây Tân Uyên (chủ đầu tư cấp vật tư không đồng bộ); Một số công trình bị trượt so với kế hoạch ban đầu, triển khai của chủ đầu tư còn chậm, vướng đến bù, cấp cột như Đz 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi nên không thể triển khai thi công nhanh để nghiệm thu lên phiếu giá kịp thời đã làm giảm một phần doanh thu ghi nhận trong năm 2019.

Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2019 đạt 9.894 tỷ đồng giảm 88,28% so với cùng kỳ năm 2018, nguyên nhân do tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu nhóm xây lắp điện Đz & Trạm và xây lắp nhà máy điện mặt trời bình quân 6,7%; Hoạt động kinh doanh dịch vụ bị lỗ; nhờ sự hỗ trợ lợi nhuận gộp trên doanh thu của nhóm kinh doanh bất động sản và sản xuất công nghiệp với tỷ lệ lợi nhuận gộp bình quân lần lượt là 13,96% và 18,46%; Mặt khác, trong năm 2019 không có hoạt động tái cấu trúc đầu tư vốn như năm 2018.

Năm 2020: Doanh thu thuần năm 2020 đạt 1.299 tỷ đồng, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm 2019, chủ yếu do:

- Doanh thu hoạt động xây lắp điện, cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng các nhà máy điện mặt trời năm 2020 giảm 21,58% so với cùng kỳ năm 2019 tương đương giảm 209,69 tỷ đồng; doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm 2020 giảm 79,15% so với cùng kỳ năm 2019 tương đương giảm 176,418 tỷ đồng; doanh thu hoạt động dịch vụ năm 2020 giảm 70,91% tương đương giảm 5,013 tỷ đồng; doanh thu bán hàng năm 2020 tăng 1.503,94% tương đương tăng 457,745 tỷ đồng;

- Đồng thời năm 2020, do ảnh hưởng diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh COVID-19, nên công tác nghiệm thu các khối lượng thi công đã hoàn thành gặp nhiều khó khăn và chậm trễ;

Vì vậy, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 chỉ tăng 5,50% so với cùng kỳ năm 2019 tương đương tăng 67,76 tỷ đồng;

Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2020 đạt 11,549 tỷ đồng tăng 16,73% so với cùng kỳ năm 2019 tương đương tăng 1,655 tỷ đồng, nguyên nhân do Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 sau khi bù đắp được các khoản chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, đồng thời điều chỉnh giảm thuế TNDN hoãn lại khi thực hiện thoái vốn Công ty liên kết là Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7 để tăng lợi nhuận hợp nhất trong năm 2020.



Biến động chi phí

TT	Chỉ tiêu	2018	2019	2020
1	Giá vốn/DTT	93,07%	92,02%	93,26%
2	CP quản lý/DTT	10,40%	5,44%	4,04%
3	CP tài chính/DTT	2,84%	1,35%	1,83%
4	CP khác/DTT	2,79%	0,23%	0,05%

Cùng với sự thay đổi trong cơ cấu doanh thu, tỷ lệ lợi nhuận gộp biên cũng thay đổi trong năm 2020. Trong đó:

- Biên lợi nhuận của hoạt động xây lắp dưới tác động của Quyết định 4970/BCT và sự cạnh tranh khốc liệt của ngành nên giảm sút mạnh.
- Biên lợi nhuận của hoạt động kinh doanh bất động sản cao do quỹ đất của Tổng Công ty được mua từ sớm với chi phí giá vốn thấp đã hỗ trợ cho biên lợi nhuận chung của Tổng Công ty.
- Một số dự án năng lượng tái tạo được Tổng Công ty nghiên cứu đầu tư nhưng chưa đi vào khai thác nên không có doanh thu tương ứng.

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh 2020:

Vĩ mô:

Mặc dù năm 2020 ghi nhận những suy giảm mạnh về tăng trưởng và hầu hết các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô của tất cả các nước trên thế giới, song âm hưởng chung hội tụ trong các đánh giá và dự báo về kinh tế Việt Nam là rất tích cực và nằm trong số hiếm hoi các nước vẫn giữ được mức tăng trưởng GDP dương, với GDP cả nước tăng 2,91%. Đã tạo điều kiện cho các dự án ngành điện tiếp tục được triển khai, đồng thời thúc đẩy năng lượng tái tạo và bảo vệ môi trường, tạo điều kiện cho Tổng Công ty tham gia.

Ngành:

Tháng 12/2016, Bộ Công thương ban hành Quyết định 4970 quy định về định mức dự toán cho công tác xây dựng đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Điều này làm cho biên lợi nhuận gộp của các công ty xây lắp điện nói chung và Tổng Công ty nói riêng giảm mạnh.

Nhiều dự án của ngành điện được triển khai, tạo điều kiện cho Tổng Công ty tham gia và trúng thầu một số công trình.

Tổng Công ty đã tham gia và trúng thầu một số công trình Nhà máy điện mặt trời.

Công tác thi công phụ thuộc vào cắt điện của Chủ đầu tư, vướng đến bù giải phóng mặt bằng, vật tư chủ đầu tư cấp chậm, thời tiết ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả SXKD.

Xu hướng phát triển chung của ngành điện là các dự án PC, EPC, cáp ngầm...

Nội tại Doanh nghiệp:

- Là doanh nghiệp có năng lực và kinh nghiệm hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp, có đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm đáp ứng hầu hết các công trình xây lắp.
- Tổng Công ty đã từng bước tham gia đấu thầu các gói thầu PC, EPC về lĩnh vực năng lượng tái tạo (như điện gió và năng lượng mặt trời).
- Lực lượng lao động lành nghề tại các công ty con hiện rất mỏng và thiếu.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách ban điều hành

Ban điều hành đều là những người có thâm niên công tác lâu năm trong ngành xây lắp điện và gắn bó với Tổng Công ty từ khi thành lập đến nay. Điều này giúp cho Ban điều hành có những hiểu biết sâu sắc về hoạt động kinh doanh cốt lõi cũng như duy trì mối quan hệ rộng trong ngành.

Tại Đại hội cổ đông họp thường niên năm 2020 vào ngày 30/6/2020, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới (2020-2025) đã có các quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm Ban điều hành, cụ thể như sau:

Ban điều hành	Chức vụ
Ông Trần Quang Cần	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Phan Anh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Cần	Kế toán trưởng
Ông Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng





Ông TRẦN QUANG CẬN
TỔNG GIÁM ĐỐC VNECO

Năm sinh: 20/10/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2020: 300.000 cổ phần - tỷ lệ 0.332% vốn điều lệ

Từ 2000- 2005 Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty xây lắp điện 3

Từ 2005- 2006 Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Từ 2006- 10/2016 Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

11/2016- 7/2017 Trưởng Ban QLRR&KSNB Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

08/2017 - 30/06/2020 Thành viên HĐQT, kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

01/07/2020 đến nay Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Năm sinh: 01/05/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị

Số cổ phần nắm giữ tại 27/12/2017: 104.500 cổ phần - tỷ lệ 0.116% vốn điều lệ

7/1987 - 2/1988 Cán bộ giảng dạy khoa kinh tế - Đại học Kinh tế - Đại học Huế

3/1988 - 10/1994 Cán bộ kinh tế dự toán, Phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3

11/1994 - 11/1995 Phó phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3

12/1995 - 8/1999 Phó chánh Văn phòng, Chánh văn phòng Công ty Xây lắp điện 3

9/1999 - 9/2002 Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3

10/2002 - 11/2005 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mệ Nhà nước - Bộ Công nghiệp)

12/2005 - 12/2006 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch, Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

01/2007 đến nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Ông TRẦN VĂN HUY
Phó Tổng Giám đốc VNECO



Ông PHẠM HỮU MINH HUY
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 28/07/1973

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2020): 188.591 cổ phần - tỷ lệ 0.209% vốn điều lệ

- 2001-2003 Chuyên viên phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp Điện 3
- 2003-2005 Phó Phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp Điện 3
- 2006- 15/9/2009 Phó Ban quản lý các dự án đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 16/9/2009 – 7/2010 Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 7/2010 – 11/2013 Trưởng ban quản lý các dự án đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 12/2013- 9/2017 Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 9/2017 - nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Năm sinh: 30/10/1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Số cổ phần nắm giữ tç 17: 32.450 cổ phần - tỷ lệ 0.036% vốn điều lệ

- 8/1997-4/2003 Cán bộ phòng Vật tư Công ty Xây lắp điện 3
- 5/2003-3/2004 Phó phòng vật tư xuất nhập khẩu Công ty Xây lắp điện 3
- 4/2004-7/2009 Phó phòng Kỹ thuật vật tư Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam
- 8/2009-6/2013 Phó giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 7/2013-5/2014 Giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 6/2014-5/2016 Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 6/2016 đến nay Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam



Ông LÊ VĂN KHÔI
Phó Tổng Giám đốc VNECO



Ông NGUYỄN TỊNH
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 05/05/1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2020: 171.109 cổ phần - tỷ lệ 0.189% vốn điều lệ

- 08/1997-10/2002 Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 11/2002 - 10/2003 Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 11/2003 - 03/2004 Phó ban Quản lý các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
- 04/2004 - 11/2005 Trưởng ban QL các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
- 12/2005 - 09/2009 Trưởng ban QL các dự án đầu tư Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 10/2009 - 04/2015 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 05/2015 đến nay Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Ông Phạm Đỗ Minh Triết - Kế toán trưởng
 Năm sinh: 08/01/1994
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán
 Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2020: 3.743.170 cổ phần - tỷ lệ 4,14% vốn điều lệ

- 2014 - 2016 Chuyên viên QHKH Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP An Bình
- 2016 - 2017 Kế toán tổng hợp + quản lý nhà phân phối công ty Hyundai Corporation
- 2016 - 02/2020 Giám đốc điều hành Hotel 175
- 03/2020 đến 06/2020 Công ty cổ phần BCG Energy thuộc ban phát triển dự án
- 01/7/2020 đến nay Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Ông PHẠM ĐỖ MINH TRIẾT
Kế toán trưởng VNECO



Ông Đoàn Đức Hồng - Nguyên Tổng Giám đốc

Năm sinh: 10/06/1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế công nghiệp, Cao cấp lý luận chính trị

Quá trình công tác

3/1986 - 3/1988	Cán bộ phòng Kế hoạch - Công ty Xây lắp đường dây và Trạm III - Bộ Năng lượng
4/1988 - 12/1990	Cán bộ dự toán Phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3
1/1991 - 2/1998	Phó phòng, Trưởng phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3
3/1998 - 6/1998	Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3
7/1998 - 3/1999	Phó Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
4/1999 - 9/2002	Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
10/2002-11/2005	Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) - Bộ Công nghiệp
12/2005 - 5/2015	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
05/2015- 06/2016	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
07/2016- 03/2017	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
01/02/2018 - 30/6/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
01/07/2020 đến nay	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT, miễn nhiệm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Ông Ngô Văn Cường - Nguyên Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 30/05/1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ hệ thống điện

Quá trình công tác

08/1997 - 06/1999	Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
07/1999 - 11/2002	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
12/2002 - 11/2005	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
12/2005 - 09/2009	Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
10/2009 - 06/2016	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
06/2016 - 31/01/2018	Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
13/6/2017 - 30/6/2020	Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty
01/02/2018 - 30/7/2020	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
30/06/2020	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT
31/7/2020 - nay	Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Ông Phan Anh Quang - Nguyên Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 04/9/1974

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán, Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác

3/1997 - 10/2002	Cán bộ Phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây lắp điện 3
11/2002- 11/2005	Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây lắp điện 3
12/2005 - 8/2006	Phó phòng Tài chính kế toán - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
9/2006 - 12/2006	Trưởng phòng TCKT - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
01/2007 - 08/2017	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
09/2017 đến 30/6/2020	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
30/6/2020 - 30/7/2020	Phó Tổng giám đốc - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
30/06/2020	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT
31/7/2020 - nay	Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2020, Tổng Công ty đã có thay đổi về nhân sự của Ban điều hành và được cập nhật tại mục-ban điều hành nêu trên.

Tình hình nhân sự

VNECO hiện có 168 lao động làm việc tại văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

TT	Tính chất phân loại	Năm 2020	Tỷ trọng
A	Theo trình độ	168	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	79	47,02
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	21	12,50
3	Khác	68	40,48
B	Theo hợp đồng lao động	168	100%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	160	95,24
2	Hợp đồng từ 1-3 năm	6	3,57
3	Hợp đồng dưới 1 năm	2	1,19

Các lớp đào tạo đã thực hiện trong năm:

- Đào tạo chứng chỉ hành nghề Giám sát xây dựng Hạng I: 05 người
- Đào tạo cấp Thẻ an toàn cho CNKT: 40 người

Chế độ làm việc

Tổng công ty đã xây dựng thoả ước lao động tập thể được Hội nghị Người lao động thông qua và xây dựng Nội qui lao động được Sở lao động thương binh xã hội thành phố Đà Nẵng chấp nhận, được thông báo đến từng người lao động để thực hiện. Tổng Công ty đang áp dụng về giờ làm việc 40 giờ/tuần, nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật, những trường hợp không thể nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật thì sẽ bố trí nghỉ luân phiên hoặc thanh toán tiền làm thêm giờ theo qui định của Bộ luật Lao động và của Tổng công ty. Chế độ làm thêm giờ: Người sử dụng có thể thỏa thuận với người lao động để làm thêm giờ. Vào ngày thường bằng 150%; Vào ngày nghỉ hàng tuần bằng 200%; Vào những ngày nghỉ Lễ, Tết, ngày nghỉ có hưởng lương bằng 300% chưa kể tiền lương ngày nghỉ lễ, tết; Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường. Chế độ nghỉ hàng năm: Người lao động có 12 tháng làm việc tại Tổng Công ty thì được nghỉ 12 ngày phép/năm, Người lao động có dưới 12 tháng làm việc thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính theo tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc; Ngoài ra, cứ mỗi 05 năm làm việc tại Tổng Công ty, người lao động được cộng theo 01 phép. Nghỉ lễ, tết : Tổng cộng 10 ngày theo qui định hiện hành. Tuy nhiên do đặc thù của ngành xây lắp, người lao động có thể được nghỉ thêm vào dịp tết Nguyên đán tùy thuộc vào mức độ hoàn thành kế hoạch trong năm và không ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch của năm sau; Chế độ ốm, đau, thai sản thực hiện theo quy định của pháp luật lao động hiện hành và theo hướng có lợi hơn cho người lao động.



Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Về tuyển dụng: Tổng Công ty ban hành quy chế tuyển dụng lao động và thực hiện việc tuyển dụng nhân sự qua các nguồn học sinh tốt nghiệp các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường công nhân kỹ thuật trên địa bàn các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Mục tiêu tuyển dụng của Tổng Công ty là thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển các lĩnh vực sản xuất điện năng, sản xuất công nghiệp và kinh doanh du lịch. Đối với các vị trí chủ chốt, yêu cầu tuyển dụng rất khắt khe, các tiêu chuẩn bắt buộc về trình độ chuyên môn, kỹ năng, năng lực quản lý, khả năng phân tích và dự báo.

Đào tạo: Công tác đào tạo, bồi dưỡng được Tổng Công ty quan tâm, chú trọng. Hàng năm, Tổng Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý và tay nghề cho công nhân viên. Hình thức đào tạo tập trung, đào tạo kèm cặp và gửi đi đào tạo bên ngoài. Đối với lao động mới tuyển dụng, Tổng Công ty tổ chức đào tạo nghiệp vụ để trang bị cho người lao động những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc. Ngoài ra, tạo điều kiện bố trí công việc phù hợp để những lao động có khả năng phát triển mà có nhu cầu học tập nâng cao trình độ đi học các khóa đào tạo tập trung, đào tạo tại chức ở các trường đại học.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng của ngành nghề kinh doanh và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước. Việc trả lương thực hiện theo Quy chế chi trả tiền lương, thu nhập tương xứng theo vị trí công việc, mức độ đóng góp và hiệu quả làm việc của người lao động, phù hợp với xu thế tiền lương trên thị trường lao động. Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty thực hiện chính sách đãi ngộ xứng đáng để khuyến khích động viên nhân viên giỏi và thu hút lao động có trình độ, năng lực từ các nơi khác về làm việc cho Tổng Công ty.

Chính sách khen thưởng phúc lợi: Để kịp thời khuyến khích, động viên, tuyên dương lao động giỏi, lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, tích cực cải tiến phương pháp làm việc, Tổng Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho những người đã có đóng góp tích cực đem lại hiệu quả kinh tế cho Tổng Công ty.

Chính sách đảm bảo an toàn lao động: Nhằm hạn chế tối đa các rủi ro trong quá trình sản xuất và thi công, Tổng Công ty thường quan tâm đến việc tuân thủ quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, Bộ phận an toàn lao động của Tổng Công ty thường xuyên phối hợp với các Trường ban chỉ đạo thi công thực hiện kiểm tra đánh giá tình hình tuân thủ an toàn lao động tại công trình, thường xuyên tổ chức các khóa học tập, huấn luyện an toàn vệ sinh, phòng ngừa tai nạn cho người lao động, trang bị đầy đủ, kịp thời bảo hộ lao động (quần, áo, mũ...) có gắn logo của Tổng Công ty để đảm bảo an toàn trong thi công và nhận diện thương hiệu VNECO; Các đơn vị thi công trên công trường và cán bộ giám sát của Ban chỉ đạo không thực hiện nghiêm việc mặc trang phục bảo hộ lao động sẽ bị phạt tiền đối với đơn vị thi công và căn cứ đánh giá xếp loại lương đối với cán bộ giám sát của Tổng Công ty cho từng lần vi phạm. Lãnh đạo Tổng Công ty luôn quan tâm việc đầu tư và cải tiến công nghệ nhằm đảm bảo an toàn cho CBNV.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Các dự án đang thực hiện

Dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng - Thừa Thiên Huế

Địa điểm: xã Phú Mỹ và Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Diện tích đất dự án: 43,1 ha.

Quy mô: 925 lô đất nhà phố, 73 lô đất biệt thự, 03 lô đất thương mại dịch vụ

Tình hình triển khai dự án: Toàn bộ dự án đã đầu tư xong phần hạ tầng kỹ thuật, chỉ riêng đến thời điểm hiện nay, phần đấu nối hệ thống các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trên các tuyến đường 3D, 3E, 3G chưa triển khai thi công được, nguyên nhân do các tuyến đường 36m và 100m chưa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư xây dựng nên VNECO chưa có mặt bằng để thi công phần tiếp giáp các tuyến đường trên. Đồng thời, đối với diện tích đất khu thương mại dịch vụ kết hợp chung cư (với diện tích được giao để thực hiện là 32.559,9 m², bao gồm các khu CT2, CT3 và CT4), VNECO đã thực hiện đầu tư xây dựng phần hạ tầng kỹ thuật theo phê duyệt của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cùng với tuyến đường giao thông 100m chưa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư xây dựng nên chưa có đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật để triển khai thực hiện. Đồng thời do hệ thống thoát nước thải của tỉnh Thừa Thiên Huế chưa hoàn chỉnh, chưa có điểm đầu nối chính thức.

Trong năm 2020, VNECO đã thực hiện chuyển nhượng 47 lô đất và nhà thô trên đất theo hình thức hợp tác đầu tư cho các đối tác, với tổng diện tích đất được chuyển nhượng là 5.662,60 m² và doanh thu chuyển nhượng là 46.469 triệu đồng.

Dự án điện gió Thuận Nhiên Phong - Bình Thuận:

Địa điểm: thôn Hồng Chính, xã Hoà Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Loại, cấp, quy mô công trình: Công nghiệp năng lượng, cấp II, tổng công suất 30,4MW.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 (Công ty con 100% vốn đầu tư của Tổng Công ty.

Tổng mức đầu tư: 1.251 tỷ đồng.

Thời gian dự kiến hoàn thành: Quý IV/2021

Các hạng mục công trình chính:

- Xây dựng và lắp đặt 08 trụ turbine gió, công suất 3,8MW/turbine; Tổng công suất nhà máy 30,4MW, sản lượng điện hàng năm khoảng 106.952MWh (tương ứng với chiều cao đặt hub 131,4m);
- Xây dựng hệ thống đường giao thông gồm: đường giao thông kết nối với hệ thống giao thông hiện hữu và đường giao thông nội bộ phục vụ thi công, vận hành nhà máy;
- Lắp đặt hệ thống cáp ngầm nội bộ 22kV để kết nối các Turbine gió với trạm biến áp 22/110kV, các trạm biến áp nâng áp 0,69/22kV và các thiết bị đóng cắt 22kV được xây dựng lắp đặt bên trong turbine gió;
- Xây dựng nhà điều hành quản lý dự án, nhà điều hành các trại gió và các hạng mục phụ trợ khác;



Dự án điện mặt trời tại xã Hòa Thắng, Bình Thuận:

- ◇ Thực hiện chủ trương của HĐQT Tổng công ty đã triển khai xin đầu tư dự án năng lượng sạch, điện mặt trời kết hợp trên khu đất của điện gió Thuận Nhiên Phong.
- ◇ Đã làm việc với các Sở ban ngành của UBND tỉnh Bình Thuận xin chủ trương thực hiện đầu tư dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1 và 4.2. Sau khi xem xét các ý kiến của các Sở ban ngành và tình hình thực tế, UBND tỉnh Bình Thuận đã có Tờ trình gửi Bộ Công thương đề nghị cho Tổng công ty đầu tư dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2 công suất 48,99 MWp, tại xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, phối hợp với Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 làm hồ sơ gửi Bộ Công thương.
- ◇ Bộ công thương đã tiếp nhận hồ sơ bổ sung quy hoạch, hiện tại đang tạm dừng nội dung theo văn bản số 174/TB-VPCP ngày 10 tháng 5 năm 2018 của văn phòng Thủ tướng chính phủ.

Dự án điện mặt trời tại xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

Trong năm 2020, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư của Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời Vĩnh Long nên dự án điện mặt trời tại xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long cũng đã chuyển giao cho đối tác mua lại phần vốn.

Dự án Green Mart tại 66 Hoàng Văn Thái, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng:

- ◇ - Bao gồm cả 03 lô đất (300m²) đường Thích Quảng Đức;
- ◇ - Hoàn thành toàn bộ tầng 1 đủ điều kiện cho thuê văn phòng;
- ◇ - Hoàn thành phần mái tôn tầng 5;
- ◇ - Gia cố sàn tầng 4 theo yêu cầu của đơn vị thẩm định;

Dự án 344 Phan Châu Trinh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng:

Thực hiện theo hướng dẫn của sở Tài Nguyên môi trường thông qua ý kiến thống nhất của UBND TP Đà Nẵng, VNECO đã làm việc với Viện Quy Hoạch thành phố Đà Nẵng lập hồ sơ thiết kế quy hoạch 1/500 trình Sở xây dựng đang thẩm duyệt quy hoạch 1/500 của dự án. Hiện tại đang đôn đốc sở Xây Dựng trình duyệt.

Dự án điện gió tại huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị:

- ◇ - Công suất bổ sung vào quy hoạch điện quốc gia là 100MW.
- ◇ - Đã đo gió được 18 tháng tốc độ gió bình quân từ 01/7/2019 đến tháng 12/2019 là 6,3 m/s, tốc độ gió bình quân từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 là 5,83 m/s
- ◇ - Đã có văn bản số 4601/UBND-CN, ngày 08 tháng 10 năm 2020 của tỉnh Quảng Trị gửi Bộ Công thương đề nghị bổ sung vào quy hoạch điện VIII.



Tình hình hoạt động công ty con, công ty liên kết

1. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3

Địa chỉ: Khố 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
 Hoạt động chính: Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2020: 6.985.720.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 52,93% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 52,93

2. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4

Địa chỉ : Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vinh, thành phố Vinh
 Hoạt động chính : Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình; Kinh doanh vật liệu,...
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2020: 5.192.580.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 54,73% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 54,73%

3. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
 Hoạt động chính: Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu điện
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2020: 9.746.980.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 55,93% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 55,93%

4. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12

Địa chỉ: Số 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình
 Hoạt động chính : Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu xây lắp
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2020: 7.887.000.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65,73% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 65,73%

5. Tên Công ty: Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận
 Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2020: 381.800.000.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

6. Tên Công ty: Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung

Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Hoạt động chính: Xây lắp, kinh doanh Bất động sản...
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2020: 400.000.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

7. Tên Công ty : Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
 Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2020: 20.000.000.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

8. Tên Công ty : Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO

Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

9. Tên Công ty : Công ty TNHH Đầu tư VNECO

Địa chỉ: Số 132 Cao Đức Lân, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2020: 2.500.000.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%



TT	Nội dung	Số lượng CP nắm giữ	Giá trị vốn góp	Dự phòng đã trích lập 31/12/2020	Doanh thu 2020	LNST 2020
I Công ty con						
1	Công ty CP xây dựng điện VNECO 3	698.572	6.986		40.547	674
2	Công ty CP xây dựng điện VNECO 4	562.602	5.193		40.736	268
3	Công ty CP xây dựng điện VNECO 8	1.006.809	9.747	0	90.181	5.508
4	Công ty CP xây dựng điện VNECO 12	788.700	7.887		42.474	92
5	Công ty TNHH MTV VNECO-Miền Trung		400	(385)	799	(362)
6	Công ty TNHH điện gió Thuận Nhiên Phong		381.800		0	(91)
7	Công ty TNHH điện mặt trời VNECO-Hòa Thắng		20.000		0	2
8	Công ty TNHH Đầu tư VNECO		2.500		125.075	65
II Công ty liên kết						
1	Công ty CP xây dựng điện VNECO 2	679.075	5.854		39.242	1.374
2	Công ty CP xây dựng điện VNECO 10	300.000	3.000	(3.000)	66.671	78





Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2019	2020	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	1.431.299	2.092.973	46,23%
2	Doanh thu thuần	1.231.903	1.299.667	5,50%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1.460	1.393	-4,59%
4	LN hoạt động kinh doanh	14.824	11.686	-21,17%
5	LN trước thuế hợp nhất	17.070	12.064	-29,33%
6	LN sau thuế của Công ty mẹ	9.893	11.549	16,74%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	0%	0%	

Năm 2020, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, đồng thời bối cảnh ngành Xây lắp điện còn gặp nhiều khó khăn và cạnh tranh khốc liệt, chỉ tiêu doanh thu thuần tăng 5,16% (doanh thu hoạt động xây lắp điện truyền thống, xây lắp các công trình năng lượng tái tạo, chuyển nhượng bất động sản đều giảm so với cùng kỳ năm 2019, ngoài ra được hỗ trợ mạnh của doanh thu hoạt động thương mại), Tổng tài sản tăng 46,23% so với cùng kỳ năm 2019, các chỉ tiêu kinh tế còn lại đều giảm so với cùng kỳ năm 2019. Trong năm 2020, điều chỉnh giảm thuế TNDN hoãn lại khi thực hiện thoái vốn Công ty liên kết là Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7 để tăng lợi nhuận hợp nhất trong năm 2020, đã làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ năm 2020 trên BCTC Hợp nhất đạt 11.549 triệu đồng tăng so với cùng kỳ năm 2019 là 16,74% tương đương tăng 1.655 triệu đồng.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020
1	Khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,61	1,08
	Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,32	0,92
2	Cơ cấu vốn			
	Nợ/TTS	%	31,51%	52,51%
	Nợ/VCSH	%	46,01%	110,57%
3	Năng lực hoạt động			
	Vòng quay Tổng tài sản	vòng	0,84	0,74
	Ngày tồn kho bình quân	Ngày	41	45
	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	136	183
	Kỳ phải trả bình quân	ngày	66	78
4	Khả năng sinh lời			
	LNST/DTT	%	0,80%	0,89%
	LNST/TTS	%	0,69%	0,55%
	LN HĐKD/DTT	%	12,37%	1,20%
	ROA	%	0,67%	0,66%
	ROE	%	1,02%	1,18%



Khả năng thanh toán

Chỉ số thanh toán của Tổng công ty được kiểm soát chặt chẽ và luôn duy trì ở mức trên 1 lần. So với cùng kỳ năm 2019, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,61 lần lên 1,08 lần. Trong năm 2020, doanh thu tăng 5,50% so với cùng kỳ năm 2019, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 63,49%, trả trước cho người bán tăng 68,78%, phải thu ngắn hạn khác tăng 23,95% nên các khoản phải thu ngắn hạn tăng 69,36% so với cùng kỳ năm 2019; Mặt khác hàng tồn kho tăng 30,98%, tài sản ngắn hạn khác giảm 5,99%, đồng thời chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền tăng 174,78% dẫn đến tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty tăng từ 718.794 triệu đồng năm 2019 lên 1.177.932 triệu đồng năm 2020 (tương ứng tỷ lệ tăng 63,88%) trong khi đó, nợ ngắn hạn cũng tăng từ 447.211 triệu đồng năm 2019 lên 1.089.938 năm 2020 (tương ứng tỷ lệ tăng 143,72%) do đó kết quả hệ số thanh toán ngắn hạn giảm 0,53 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm 0,39 lần so với cùng kỳ năm 2019.

Cơ cấu vốn

Cùng với việc tăng các khoản phải thu tại 31/12/2020, Tổng nợ tại 31/12/2020 là 1.099.025 triệu đồng, tăng 648.026 triệu đồng tương đương tăng 143,69% so với cùng kỳ năm 2019. Vì vậy tỷ số chỉ tiêu Nợ trên chỉ tiêu Tổng tài sản năm 2020 đạt 52,51% tăng so với cùng kỳ năm 2019 là 21,00%. Vì vậy, Tổng Công ty tăng cường kiểm soát chặt chẽ khả năng thanh toán, điều tiết thanh toán các khoản nợ phù hợp theo từng đợt thanh toán.

Năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản năm 2020 đạt 0,74 vòng, giảm so với mức 0,84 lần năm 2019 do tổng tài sản bình quân tăng.

Đặc thù ngành xây lắp điện phát sinh rủi ro nợ đọng từ các Chủ đầu tư, do các thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư thường mất nhiều thời gian tùy thuộc vào từng nguồn vốn và phải duyệt qua nhiều khâu, nhiều công đoạn dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, dẫn đến kỳ thu tiền bình quân luôn cao hơn kỳ trả tiền bình quân. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải chủ động về nguồn vốn đảm bảo để thanh toán.

Khả năng sinh lời

Mặc dù doanh thu năm 2020 tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2019 là 5,50%, nhưng tỷ lệ lãi gộp các công trình và các hoạt động kinh doanh khác thấp nên sau khi bù đắp được các chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra nên lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2020 tăng hơn cùng kỳ năm 2019 là 16,73% tương đương tăng 1.655 triệu đồng.

Đồng thời, ngày 26/12/2016 Bộ Công Thương ban hành quyết định 4970/QĐ-BCT quy định về định mức dự toán chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Theo quy định mới này, giá trị xây dựng móng các công trình truyền tải điện và trạm biến áp có định mức tương đương các công trình xây dựng dân dụng và thấp hơn khá nhiều so với quy định trước đó. Điều này tác động tiêu cực đến lợi nhuận biên hoạt động xây lắp truyền thống của Tổng Công ty.



Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư CSH

Cổ phần

Cổ phần phổ thông: 90.432.953 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 8.498.920 cổ phần, trong đó:

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 81.934.033 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 90.432.953 cổ phần

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: không có

Cơ cấu cổ đông: (tại ngày 04/06/2020 là thời điểm chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020)

TT	Loại cổ đông	Số CP sở hữu	Tỉ lệ(%)
1	Nhà nước	-	-
2	Nội bộ	2.581.660	2,85
3	Cổ phiếu quỹ	8.498.920	9,40
4	Cổ đông trong nước	74.329.590	82,19
	Tổ chức	71.423.529	78,98
	Cá nhân	2.906.061	3,21
5	Cổ đông nước ngoài	5.022.783	5,55
	Tổ chức	4.619.285	5,11
	Cá nhân	403.498	0,45
	Tổng cộng	90.432.953	100

Danh sách cổ đông lớn: (tại ngày 31/12/2020)

TT	Loại cổ đông	Số CP sở hữu	Tỉ lệ(%)
1	La Mỹ Phương	6.596.789	7,29
	Tổng cộng	6.596.789	7,29

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm 2020, VNECO không phát sinh các đợt tăng vốn cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

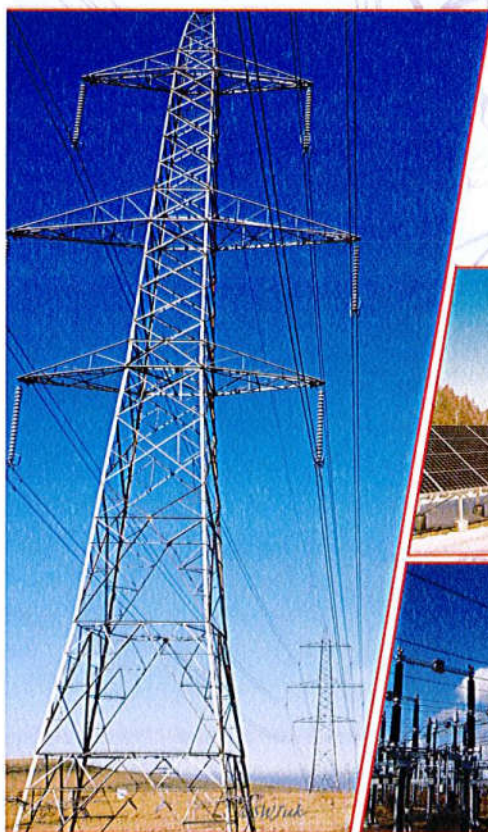
Số lượng cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2020: 8.498.920 cổ phiếu

Trong năm không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

Các chứng khoán khác: không phát sinh



PHẦN III |
BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trải qua những chu kỳ thăng trầm trong hơn 30 năm phát triển, VNECO nhận thức được tầm quan trọng của sự phát triển bền vững. Chung tay xây dựng một thế giới xanh sạch đẹp là cách thức VNECO chuyển mình để vươn lên trong bối cảnh cạnh tranh và bão hòa của ngành. Chia sẻ giá trị công ty với đội ngũ nhân viên, cổ đông, đối tác và cộng đồng là yếu tố giúp VNECO vững bước trên con đường chinh phục vị trí dẫn đầu.



Định hướng phát triển năng lượng xanh, giảm phát thải, cải thiện môi trường

Việt Nam là quốc gia có cường độ năng lượng cao nhất trong khu vực Đông Nam Á. Sử dụng năng lượng tại Việt Nam tăng nhanh hơn các nước trong khu vực, với mức tiêu thụ nhiều nhất trong lĩnh vực điện. Phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả không chỉ là giải pháp quan trọng ứng phó với biến đổi khí hậu mà còn mang lại các cơ hội và lợi ích kinh tế mới, tăng cường tiếp cận năng lượng cho người nghèo, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.





Nhận thức được ba xu hướng đang hình thành trong ngành năng lượng toàn cầu bao gồm: Số hóa (kết hợp máy móc với phần mềm, phân tích dữ liệu), Phát điện phân bố (người dùng có thể sản xuất và bán điện vào lưới) và Giảm phát thải (ưu tiên năng lượng tái tạo, nâng cấp và chuyển đổi sang công nghệ sạch cho điện truyền thống để giảm phát thải CO₂); VNECO định hướng mục tiêu trung và dài hạn của tổng công ty sẽ tập trung vào phát triển nguồn năng lượng tái tạo, bên cạnh mảng xây lắp điện truyền thống, hai lĩnh vực kinh doanh chính có tính chất bổ trợ cho nhau chặt chẽ.

VNECO hiện là chủ sở hữu trực tiếp và gián tiếp các dự án năng lượng xanh như: dự án điện gió Thuận Nhiên Phong, dự án điện mặt trời Vĩnh Long, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2... Tổng công ty đang tiếp tục nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đẩy mạnh đầu tư với vị trí chủ đầu tư và tổng thầu EPC.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tất cả nguyên vật liệu đưa vào các công trình thi công đều được kiểm tra từ khi lựa chọn nhà cung cấp, đảm bảo đáp ứng tất cả các điều kiện thi công. Các nguyên vật liệu đều được thí nghiệm để đánh giá lại trước khi đưa vào sử dụng.

Do đặc thù ngành xây lắp, các nguồn vật liệu đầu vào mang tính chất hóa học cao nên Tổng công ty chưa đầu tư nghiên cứu tái chế để sử dụng lại nguyên liệu sử dụng trong thi công.





Tiêu thụ năng lượng, điện, nước

Là đơn vị đầu ngành trên lĩnh vực xây lắp điện nên VNECO hiểu rõ ý nghĩa việc tiết kiệm điện năng đối với cộng đồng. Bằng việc sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện năng trong việc chiếu sáng cũng như phục vụ công tác, VNECO góp phần giảm hao tổn điện năng sử dụng, toàn thể CBNV VNECO luôn ý thức từ những việc nhỏ như tắt thiết bị khi không sử dụng, đặt điều hòa phòng làm việc ở nhiệt độ hợp lý,... từ đó giảm chi phí quản lý doanh nghiệp và góp phần giảm lượng điện năng tiêu thụ. Cùng với đó, việc tiêu thụ nước cũng áp dụng các hình thức tiết kiệm tương tự.



Xử lý rác thải

Ý thức bảo vệ môi trường cũng được người lao động thực hiện tốt qua việc tái sử dụng văn phòng phẩm, giấy in nhằm chung tay bảo vệ môi trường. Toàn bộ rác sinh hoạt được phân loại từ các phòng, ban trước khi chuyển cho đơn vị thu gom nhằm tránh đưa các rác thải có hại ra môi trường mực in, bao nilong,...

Nguồn chất thải rắn thông thường phát sinh từ sinh hoạt tại văn phòng Tổng Công ty được chỉ định chỗ vứt rác tại mỗi khu vực làm việc và sẽ được đội ngũ vệ sinh dọn dẹp sạch sẽ vào cuối mỗi ngày làm việc. Vệ sinh lau chùi trong và ngoài phòng làm việc hàng ngày đảm bảo môi trường công tác trong lành. Truyền thông đến toàn bộ CBNV về ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng văn phòng phẩm, đặc biệt giấy in, khuyến khích tái sử dụng các văn phòng phẩm còn công năng khai thác. Hợp đồng với công ty môi trường đến thu gom và xử lý rác thải.

Nguồn chất thải từ công trường bao gồm nước thải, khí thải, khói bụi và rác thải xây dựng... được Ban chỉ đạo công trình kiểm soát chặt chẽ các quy định về vệ sinh môi trường. Tuyên truyền CBNV và công nhân công trình sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, không lãng phí. Áp dụng nghiêm ngặt quy trình bảo hộ lao động.





Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

Tổng Công ty luôn ý thức cao trong vấn đề bảo vệ môi trường. Tổng Công ty luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật và các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường trong hoạt động của Tổng Công ty. Các dự án thi công đều thuê đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường xã hội tại địa bàn thực hiện, đồng thời đưa giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường và hệ sinh thái ở mức thấp nhất. Tuy nhiên, năm 2019, Tổng Công ty bị xử phạt vi phạm pháp luật môi trường đối với dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Mỹ Thượng do chậm nộp Báo cáo ĐTM (Báo cáo đánh giá tác động môi trường) của Dự án cho Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại văn phòng Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các lớp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về Bảo vệ môi trường, chấp hành các quy định về thu gom và xử lý rác thải. Tại mỗi phòng làm việc đều dán các thông điệp về tiết kiệm trong việc sử dụng điện, nước.

VNECO là đơn vị chuyên về xây lắp các công trình điện (nguồn điện, trạm biếp áp, đường dây), địa bàn hoạt động của Tổng Công ty trải rộng khắp cả nước, khu vực hoạt động chính cũng là khu vực có tác động mạnh đến môi trường là các công trường thi công. Tại các công trình thi công, Trưởng ban chỉ đạo các bộ phận giám sát chặt chẽ môi trường làm việc nhằm tiết kiệm điện, nước và hạn chế tối đa nước thải và bụi bẩn từ các công trình.

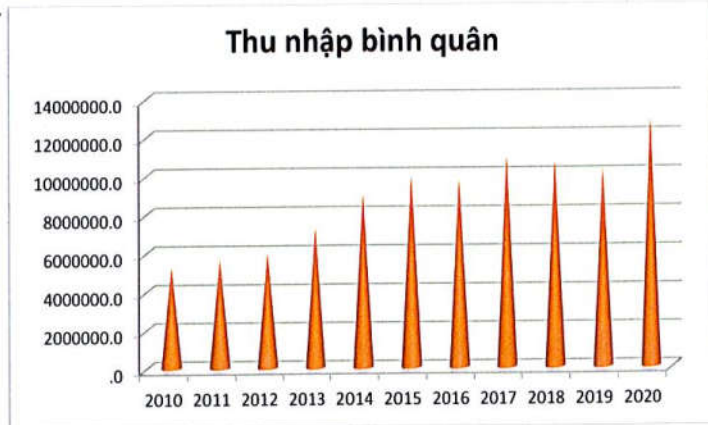




Người lao động là tài sản lớn nhất của Tổng Công ty

Đội ngũ CBNV giàu kinh nghiệm, tay nghề cao, gắn bó với Tổng Công ty luôn được xem là tài sản quý giá nhất đồng hành cùng sự phát triển bền vững của VNECO. Các chính sách nhân sự luôn hướng đến việc cam kết đối

Năm	Thu nhập bình quân
2010	5.281.927
2011	5.681.000
2012	5.995.000
2013	7.300.000
2014	9.017.000
2015	9.989.000
2016	9.747.000
2017	10.925.000
2018	10.720.000
2019	10.304.513
2020	12.952.700



2010 2010 2010 2010 2010 2010 2010 2010 2010

Chăm sóc đời sống người lao động

Không chỉ chú trọng sản xuất kinh doanh, với truyền thống là một DN nhà nước, VNECO không ngừng chăm lo đời sống người lao động để họ yên tâm gắn bó công tác.

Tại Tổng Công ty, hoạt động Công đoàn được tạo nhiều điều kiện thuận lợi. Đây là cơ sở để Công đoàn phát huy vai trò và tham gia cùng lãnh đạo công ty trong việc chăm lo đời sống NLD. Công đoàn cơ quan và Công đoàn Tổng Công ty thường xuyên tổ chức thăm hỏi động viên CBNV công tác tại công trường, chúc tết gia đình CBNV đã có những hy sinh cho sự nghiệp đường dây tải điện,...

Thỏa ước lao động tập thể tại công ty có những điều khoản có lợi hơn cho NLD so với luật định được quy định trong bản thỏa ước như trường hợp ông bà nội, ngoại, anh chị em ruột chết được nghỉ 1 ngày hưởng nguyên lương; trường hợp bản thân CBNV ốm đau hoặc gia đình ốm đau được hưởng trợ cấp; khuyến khích con em CBNV học tập và được khen thưởng theo kết quả học tập trong ngày 1/6 hàng năm.

Quy chế dân chủ tại công ty được tổ chức thực hiện nghiêm túc, tổ chức hội nghị CBNV, đối thoại tại nơi làm việc hàng Quý đảm bảo chất lượng, phát huy quyền làm chủ của CBNV. Các chế độ bảo hiểm cho CBNV, xây dựng thang lương, bảng lương và điều chỉnh thang bảng lương theo quy định của pháp luật... được công ty thực hiện đầy đủ.





Với tiêu chí lấy người lao động làm gốc và cũng là “vốn quý” của mỗi doanh nghiệp nên Ban lãnh đạo Tổng Công ty đặc biệt dành nhiều chính sách nhằm chăm lo tốt nhất cho đời sống của CBNV. Song song với việc xây dựng một môi trường làm việc an toàn, đảm bảo, các hoạt động chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động được công ty chăm chút như tổ chức tham quan du lịch, tổ chức các hoạt động thể thao cho người lao động, hỗ trợ CBNV và gia đình khi gặp khó khăn, chăm lo cho con em công nhân lao động...



Đào tạo nâng cao nghiệp vụ và nhận thức cho CBNV

Tổng Công ty thường xuyên cử CBNV tham gia các lớp học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và nâng cao các kỹ năng mềm trong công tác





Gắn kết cùng đơn vị thành viên, nhà thầu phụ, đối tác

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con, nên hoạt động kinh doanh của VNECO gắn kết chặt chẽ với hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên. Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, học tập lẫn nhau trong tổ hợp, tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu cho đơn vị thành viên nhằm nâng cao năng lực hoạt động của từng đơn vị và cả tổ hợp.

Ban điều hành Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các cuộc họp điều độ để kiểm điểm tiến độ, chất lượng thi công trên các công trình, thành mời gồm Lãnh đạo chủ chốt các đơn vị và các phòng ban chuyên môn Tổng Công ty, kết hợp qua đó nắm bắt thêm tình hình hoạt động của các đơn vị thành viên trong tổ hợp, nhằm cùng nhau tìm ra và giải quyết các vấn đề còn tồn tại mỗi đơn vị, góp phần đưa từng đơn vị và tổ hợp phát triển minh bạch, bền vững.

Giúp cho việc gắn kết giữa các đơn vị một cách minh bạch và hiệu quả, Tổng Công ty ban hành các Quy trình về lựa chọn nhà thầu phụ, nhà cung cấp; Quy trình thanh toán nhà thầu phụ, nhà cung cấp; minh bạch thông tin, hướng tới mục tiêu hợp tác cùng phát triển.



Đồng hành cùng địa phương trong các công tác cộng đồng

Với truyền thống 30 năm trong ngành, đã trải qua nhiều công trình trên khắp cả nước, những người thợ đường dây VNECO thấu hiểu và luôn chia sẻ trách nhiệm cùng cộng đồng. Toàn thể người lao động luôn tiên phong trong việc đóng góp ủng hộ đồng bào cả nước bị thiên tai, bão lụt và chung tay cùng các tổ chức nhân đạo từ thiện trong việc hỗ trợ người nghèo, trẻ em mồ côi, bất hạnh và những hoàn cảnh khó khăn nhằm mang lại niềm vui cho cuộc sống và động viên những hoàn cảnh không may vươn lên. Đó chính là nét nhân văn được xây dựng trong 30 năm qua, là một phần không thể thiếu trong Văn hóa VNECO được định hình cùng thương hiệu.





Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Bộ Tài chính là một trong những bộ, ngành đầu tiên của Việt Nam chính thức ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trong đó, trọng tâm là hình thành thị trường huy động vốn xanh phù hợp với thông lệ quốc tế. Chiến lược tăng trưởng xanh là chiến lược thúc đẩy quá trình tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thông qua tăng cường đầu tư vào đổi mới công nghệ, vốn tự nhiên, công cụ kinh tế. Từ đó góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nghèo và đảm bảo phát triển kinh tế bền vững.

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 với 3 mục tiêu cụ thể dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đó là: (i) tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao; (ii) nghiên cứu, ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; (iii) nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh. Trong đó có 3 nhiệm vụ chiến lược, đó là: (i) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. (ii) Xanh hóa sản xuất (iii) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

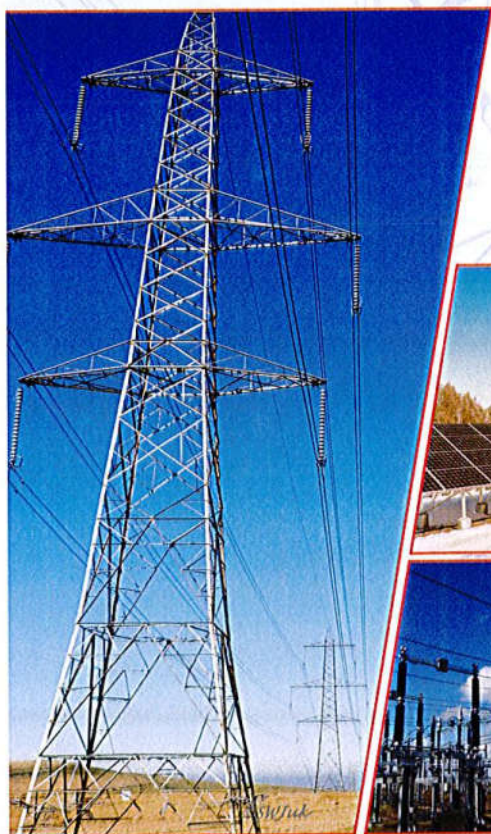
Hưởng ứng chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và định hướng phát triển của Bộ tài chính về thị trường vốn xanh, VNECO đang dần chuyển hướng kinh doanh, mở ra một mũi nhọn mới tập trung vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) vì một nền kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.



PHẦN VI

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Tình hình phát triển ngành	64
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	66
Tình hình tài chính	69
Kế hoạch phát triển tương lai	72





BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG QUAN NGÀNH XÂY LẮP ĐIỆN

Mặc dù hệ thống lưới điện đã được đầu tư mạnh mẽ mà điển hình như hai dự án Mạch 1 và Mạch 2 Đz 500kV Bắc-Nam, tuy nhiên việc chênh lệch nguồn cung điện cũng như nhu cầu tiêu thụ điện ở miền Nam tăng nhanh thì phương án khắc phục trong vài năm tới vẫn là truyền tải điện từ miền Bắc vào miền Nam qua hệ thống đường dây 500kV. Hiện nay, đường dây 500kV từ Pleiku vào miền Nam đã có 3 mạch, khả năng truyền tải lên đến 4.000MW. Giữa miền Bắc và miền Trung hiện nay đang là 2 mạch. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã giao cho Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) làm chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung (CPMB) thay mặt EVN-NPT quản lý dự án đã triển khai khởi công các dự án Đz 500 kV ND Quảng Trạch - Vũng Áng và sân phân phối 500 kV TTĐL Quảng Trạch; Đz 500 kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi và Đz 500 kV Dốc Sỏi - Pleiku 2 (thuộc Mạch 3 Dự án 500kV) của lưới điện Quốc gia. Quy mô tổng thể của 3 dự án bao gồm: Xây dựng mới gần 742 km đường dây 500 kV mạch kép đi qua 9 tỉnh/ thành phố (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, TP Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai); Xây dựng mới 08 ngăn lộ 500kV tại sân phân phối Trung tâm Điện lực Quảng Trạch; Mở rộng một số ngăn lộ 500kV tại các trạm biến áp 500 kV Vũng Áng, Dốc Sỏi, Pleiku 2; Xây dựng mới 03 trạm lặp quang và 03 nhà quản lý vận hành đội truyền tải điện.

Do vậy, đây thời gian nước rút của dự án để các đơn vị thi công, xây dựng đẩy nhanh tiến độ để đảm bảo tiến độ để ra theo chỉ đạo của Chính phủ và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Trong đó tập trung nguồn lực để thi công hoàn thành đoạn đường dây 500kV Dốc Sỏi - Pleiku 2 chậm nhất 31/3/2021, các đoạn tuyến còn lại gồm đường dây 500kV Quảng Trạch - Vũng Áng và đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi chậm nhất 30/6/2021.





Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện tăng nhanh, Bộ Công Thương cho biết, Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 11/02/2020 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đánh giá việc phát triển ngành năng lượng nói chung và phân ngành điện nói riêng như sau: “Cung cấp năng lượng, đặc biệt là cung cấp điện cơ bản đáp ứng đủ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội với chất lượng ngày càng được cải thiện;... Đầu tư xây dựng hạ tầng cung cấp điện có sự phát triển mạnh mẽ, là điều kiện quan trọng cho việc bảo đảm an ninh cung ứng điện. Đưa điện lưới quốc gia tới hầu hết mọi miền của đất nước, kể cả vùng sâu, vùng xa, biên cương, hải đảo”;

Thời điểm hiện tại, đã có nhiều biến động lớn trong phát triển điện lực: Quốc hội đã quyết định dừng thực hiện nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận; Chính phủ đã ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam, và Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam, tạo ra sự bùng nổ đầu tư của các dự án điện mặt trời, điện gió (chủ yếu do các nhà đầu tư tư nhân thực hiện – là điểm mới so với trước đây khi hầu hết các dự án, công trình điện đều do các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước đầu tư); sự chậm trễ và khó khăn trong đầu tư xây dựng các nhà máy nhiệt điện (đặc biệt là các nhà máy điện truyền thống); sự phát triển của công nghệ trong sản xuất và truyền tải điện (đặc biệt là công nghệ điện mặt trời, điện gió), dẫn tới khả năng giảm sâu giá thành sản xuất của loại hình nguồn điện này; sự xuất hiện của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 có ảnh hưởng to lớn tới quá trình sản xuất, truyền tải và phân phối điện... Những biến động này có tác động lớn tới tình hình phát triển điện lực của Việt Nam, vì vậy việc lập Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII) là nhiệm vụ cấp bách và có tính thời sự cao. Để vượt qua các khó khăn, thách thức, đảm bảo cung cấp điện ổn định, tin cậy, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng của đất nước, cần thiết phải xây dựng Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII). Quy hoạch sẽ định hướng được tương lai phát triển của ngành điện; định lượng các giá trị mục tiêu cung cấp điện; xác định quy mô, tiến độ và phân bố không gian của các công trình nguồn điện, lưới điện và đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch. Theo quy hoạch điện VIII, giai đoạn 2021-2030 tổng vốn đầu tư lưới điện dự kiến khoảng 761.964 tỷ đồng. Tổng mức đầu tư lưới điện tăng trưởng mạnh hứa hẹn sẽ giúp cho ngành Xây lắp điện tăng trưởng cao từ nay tới 2030.

Triển vọng cao, tuy nhiên thực trạng ngành xây lắp điện còn nhiều khó khăn. Hầu hết các công trình thi công nằm rải rác trên địa bàn cả nước, trong khi đội ngũ cán bộ kỹ thuật và thợ lành nghề ngày càng mỏng do cơ cấu, sắp xếp lại. Nhiều công trình do chủ đầu tư bàn giao mặt bằng và tiến độ cung cấp vật tư chậm và không đồng bộ, bên cạnh đó, những biến động của kinh tế thế giới và trong nước, tình hình dịch bệnh COVID-19 ngày càng diễn biến phức tạp phát sinh nhiều chủng biến thể mới cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty như giá cả vật tư đầu vào tăng cao; Đây là những khó khăn chung của các đơn vị ngành xây lắp điện.



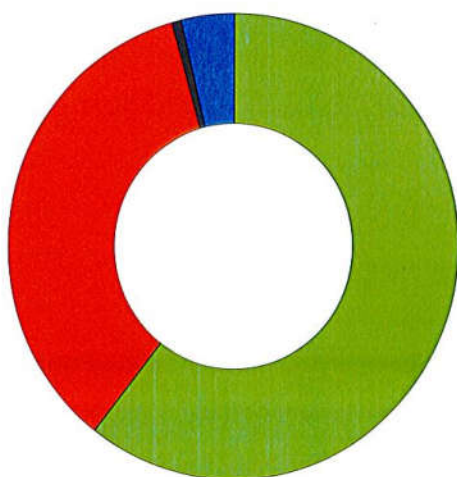
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm tài chính 2020, tính riêng Công ty mẹ doanh thu và thu nhập đạt 1.230.850 triệu đồng, hoàn thành 89,67% kế hoạch năm và tăng 9,37% so với thực hiện năm 2019. Lợi nhuận sau thuế đạt 15.820 triệu đồng đạt 45,35% kế hoạch và tăng 65,26% so với cùng kỳ năm 2019.

TT	Chỉ tiêu công ty mẹ	KH 2020	TH 2020	Tỉ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu và thu nhập	1.372.670	1.230.850	89,67%
2	Lợi nhuận sau thuế	34.882	15.820	45,35%
3	Chi trả cổ tức (đồng/CP)	6%	0%	0%

Cơ cấu doanh thu

TT	Cơ cấu doanh thu	2019		2020		Tăng trưởng
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	DT hoạt động xây dựng	971.510	78,86%	761.810	58,62%	-21,58%
2	DT bán hàng	30.436	2,47%	488.181	37,56%	1503,96%
3	DT cung cấp dịch vụ	7.070	0,57%	2.056	0,16%	-70,92%
4	DT từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	222.888	18,09%	46.469	3,58%	-79,15%
5	DT khác			1.150	0,09%	
	Tổng	1.231.904	100,00%	1.299.666	100,00%	5,50%



- DT hoạt động xây dựng
- DT bán hàng
- DT cung cấp dịch vụ
- DT từ chuyển nhượng BĐS

Năm 2019, doanh thu hoạt động xây dựng của VNECO ngoài xây lắp đường dây và trạm biến áp còn có hỗ trợ của xây lắp các nhà máy điện mặt trời, nên doanh thu hoạt động xây dựng đạt 971.510 triệu đồng chiếm 78,86% cơ cấu tổng doanh thu; doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản đạt 222.888 triệu đồng chiếm 18,09% cơ cấu tổng doanh thu.

Năm 2020, doanh thu hoạt động xây dựng của VNECO đạt 761.810 triệu đồng chiếm 58,62% cơ cấu tổng doanh thu và giảm 21,58% so với cùng kỳ năm 2019; doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản đạt 46.469 triệu đồng chiếm 3,58% cơ cấu tổng doanh thu và giảm 79,15% so với cùng kỳ năm 2019; doanh thu hoạt động bán hàng đạt 488.181 triệu đồng chiếm 37,56% cơ cấu tổng doanh thu và tăng 1.503,96% so với cùng kỳ năm 2019.

Nhìn chung tổng doanh thu năm 2020 của VNECO đạt 1.299.667 triệu đồng, tăng 5,50% so với cùng kỳ năm 2019.



Các công trình thực hiện đóng điện trong năm:

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế Việt Nam, trong đó có ngành xây lắp điện nói chung và cả Tổ hợp VNECO nói riêng. Do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh COVID-19, cùng với sự nỗ lực của toàn Tổ hợp VNECO, VNECO đã thực hiện đóng điện các công trình đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư như: Đz 110kV Hà Đông - Sơn Tây (mạch 1): tháng 8/2020; Đz 110kV Qui Nhơn 2 - Sông Cầu 2 (gói W2): tháng 12/2020; nhánh rẽ vào TBA 220kV Sơn Tây: tháng 12/2020; công trình nhà máy điện mặt trời Hàm Kiệm 1: tháng 10/2020; công trình TBA 110kV nhà máy điện mặt trời Vĩnh Long: tháng 12/2020; công trình nhà máy điện mặt trời Miền Trung giai đoạn 3: tháng 7/2020;

Các yếu tố tác động đến kết quả kinh doanh trong năm 2019:

- Bộ Công thương ban hành Quyết định 4970/QĐ-BCT ngày 21/12/2016 quyết định về việc công bố định mức chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Theo quyết định này, xây dựng móng của các công trình truyền tải điện và trạm biến áp có định mức tương đương với các công trình xây dựng dân dụng. Đối với các công trình đường dây tải điện cao áp thì phần móng chiếm tỷ trọng từ 30-40% giá trị xây lắp, điều này làm cho biên lợi nhuận gộp các công ty xây lắp điện giảm mạnh dẫn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh bị giảm.

- Một số yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty như: Năm 2020, diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, đồng thời hoạt động xây lắp một số công trình tiếp tục bị vướng công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thi công không thuận lợi, vật tư chủ đầu tư cấp chậm và không đồng bộ, phụ thuộc vào tiến độ cắt điện, một số công trình bị trượt thời gian thi công so với kế hoạch ban đầu và giá dự toán các gói thầu xây lắp thấp dẫn đến lợi nhuận đạt được từ các công trình trúng thầu rất thấp. Trong năm 2020, Tổng Công ty còn gặp khó khăn từ việc Tòa án nhân dân sơ thẩm và phúc thẩm Tp Hồ Chí Minh tuyên buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho Ngân hàng TM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam từ một giao dịch hợp tác hoạt động kinh doanh ngay tình hợp pháp cách đây hơn 10 năm, làm ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín, thương hiệu và hình ảnh của VNECO trên thương trường và thị trường chứng khoán. Ngày 06/12/2018, Tổng Công ty đã gửi đơn khiếu nại theo thủ tục Giám đốc thẩm lên Tòa án Nhân dân tối cao và Viện kiểm sát Nhân dân tối cao. Ngày 27/12/2018, Tổng Công ty cũng đã gửi đơn kêu cứu lên Thủ tướng chính phủ để nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018; Ngày 22/6/2020 Tổng Công ty đã gửi đơn cho Chánh Án TAND Tối cao và Viện trưởng VKSND Tối cao để nghị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm, nhưng đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có kết quả cuối cùng.

- Bên cạnh đó, sự cạnh tranh mạnh mẽ trong ngành cũng ảnh hưởng nhất định đến công tác đấu thầu và tìm kiếm việc làm của Tổng Công ty trong những năm gần đây.



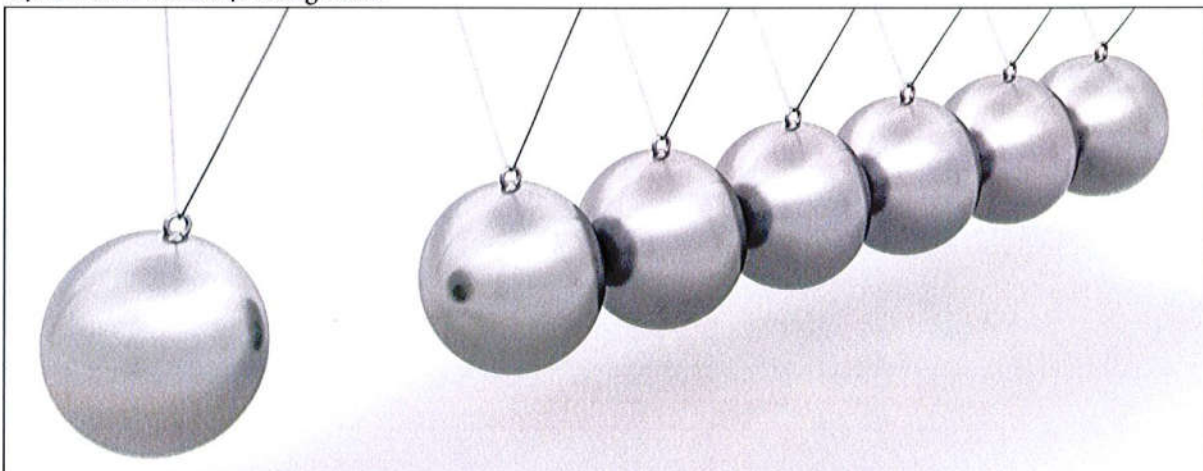
Các yếu tố tác động đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm

Yếu tố Khách quan:

- Trình tự Thủ tục và thời gian thực hiện công tác chuẩn bị đấu tư của Chủ đầu tư bị kéo dài, đặc biệt đối với các dự án sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án, đồng thời ảnh hưởng đến công tác tìm kiếm việc làm của VNECO.
- Yếu tố cạnh tranh: thực tế hiện nay VNECO đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ có tiềm lực và các đối thủ mới ngày càng nhiều trong ngành xây lắp điện. Xu hướng phân chia các gói thầu lớn thành nhiều lô nhỏ, giảm tiêu chí năng lực trong đấu thầu do vậy rất nhiều nhà thầu đủ điều kiện để tham gia. Như trước đây, các dự án xây lắp điện 220kV, 500kV chỉ có rất ít nhà thầu lớn đủ năng lực tham gia đấu thầu, thì nay có nhiều nhà thầu đáp ứng đủ năng lực.
- Yếu tố chuyển dịch, thay đổi cơ cấu sản phẩm ngành xây lắp điện: Hiện nay sản phẩm ngành xây lắp điện rất đa dạng, ngoài các dự án là xây lắp đường dây trên không và Trạm biến áp đơn thuấn thì còn các sản phẩm khác như Cáp ngầm, dây siêu nhiệt, trạm GIS,... xu hướng ngầm hóa các đường dây 22kV, 110kV, 220kV; thay thế TBA thông thường thành Trạm GIS tại các thành phố lớn; xu hướng xây lắp cải tạo nâng cấp công suất lắp TBA, lắp máy T2, Chống quá tải đường dây, thay dây đường dây cũ trong môi trường mang điện, cung cấp và lắp đặt cột đơn thân,... Nếu không chuẩn bị năng lực, nhân sự kịp theo xu hướng thị trường thì sẽ gặp khó khăn, không đáp ứng được nhu cầu của ngành nghề, dẫn sẽ mất năng lực trong đấu thầu cạnh tranh.
- Nhiều dự án năng lượng tái tạo được triển khai, tạo điều kiện cho Tổng Công ty tham gia vào lĩnh vực này và đã có một số kết quả nhất định.

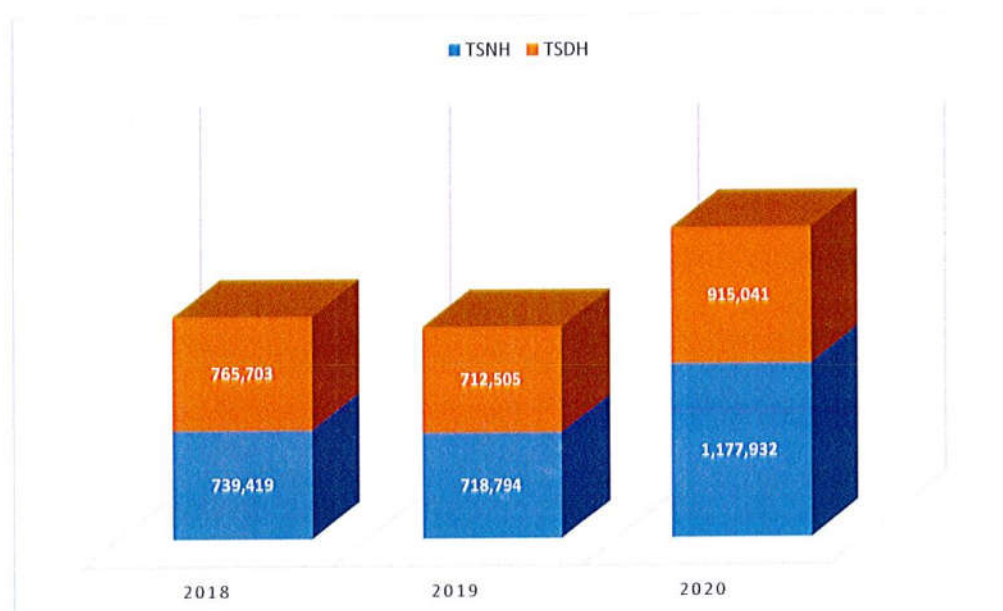
Yếu tố Chủ quan:

- Kỳ vọng lợi nhuận của một số dự án đấu thầu của VNECO đặt ra trước đấu thầu khá cao, đẩy giá dự thầu của VNECO lên cao, trong khi đối thủ cạnh tranh sẵn sàng giảm giá thấp để trúng thầu, do vậy làm giảm cơ hội trúng thầu của VNECO.
- Đối với các gói thầu PC hoặc EPC, phần vật tư (P) không phải là lợi thế của VNECO và phải chào giá qua bên thứ 3, do vậy rủi ro về lãi vay trả trước cho phần vật tư thiết bị sẽ đẩy giá thành lên cao, giảm tính cạnh tranh và cơ hội trúng thầu.



Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	2018	2019	2020	Thay đổi
I	Tổng tài sản	1.505.122	1.431.299	2.092.973	46,23%
1	Tài sản ngắn hạn	739.419	718.794	1.177.932	63,88%
2	Tài sản dài hạn	765.703	712.505	915.041	28,43%
II	Nguồn vốn	1.505.122	1.431.299	2.092.973	46,23%
1	Nợ ngắn hạn	530.201	447.211	1.089.939	143,72%
2	Nợ dài hạn	1.839	3.788	9.086	139,86%
3	Vốn chủ sở hữu	973.082	980.300	993.948	0,74%



Tài sản

Tổng tài sản VNECO biến động lớn trong năm, theo đó tài sản ngắn hạn năm 2020 đạt 1.177.932 triệu đồng, tăng 63,88% so với năm 2019, chiếm 56,28% tổng tài sản, cao hơn mức 50,22% năm 2019 và 49,13% năm 2018.

TT	Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tài sản	2018	2019	2020
1	DTT/TTS	49,28%	86,07%	62,10%
2	DTT/TSNH	100,32%	171,38%	110,33%
3	DTT/TSND	96,87%	172,90%	142,03%
4	ROA	5,51%	0,67%	0,66%



Nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn Tổng Công ty giai đoạn 2016-2019 duy trì mức ổn định và an toàn với tỷ lệ nợ dưới 40% tổng nguồn vốn (năm 2019 tỷ lệ nợ chiếm 31,51% tổng nguồn vốn).

Tính đến cuối năm 2020, tổng nợ VNECO đạt 1.099.025 triệu đồng tăng 143,69% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 99,17% trong cơ cấu nợ. Cơ cấu nợ ngắn hạn có sự thay đổi lớn với tỷ trọng tập trung vào chỉ tiêu phải trả người bán ngắn hạn (chiếm 29,00% nợ ngắn hạn và tăng 472,58% so với cùng kỳ năm 2019); chi phí phải trả ngắn hạn (chiếm 18,83% nợ ngắn hạn và tăng 50,42% so với cùng kỳ năm 2019) do đặc trưng ngành nghề xây lắp. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm 2020 đạt 379.190 triệu đồng (chiếm 34,50% nợ ngắn hạn và tăng 215,18% so với cùng kỳ năm 2019); vay dài hạn trong năm 2020 đạt 8.558 triệu đồng.

Vốn chủ sở hữu năm 2020 đạt 993.948 triệu đồng, tăng 1,39% so với cùng kỳ năm 2019.

Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả kinh doanh công ty: không đáng kể

Ảnh hưởng của lãi vay đến kết quả kinh doanh công ty: Với đặc thù kinh doanh ngành xây lắp điện nhu cầu vốn lớn, trong khi nguồn vốn giải ngân của chủ đầu tư tương đối chậm nên Tổng Công ty sử dụng nợ vay ngắn hạn để xoay vòng vốn các công trình. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ luôn được kiểm soát mức cho phép (dưới 55% tổng tài sản), trong đó vay ngân hàng ngắn hạn năm 2020 đạt 379.190 triệu đồng, tương đương mức 18,11% tổng tài sản, vay nợ dài hạn đạt 8.558 triệu đồng, tương đương 0,4% tổng tài sản. Tổng nợ vay chiếm 18,52% tổng tài sản và chiếm 42,87% vốn điều lệ. Chi phí lãi vay năm 2020 đạt 14.407 triệu đồng, tăng 9,83% so với cùng kỳ năm 2019, năm 2020 lãi suất thị trường tương đối ổn định.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tái cấu trúc

Tổng Công ty thực hiện phân chia cơ cấu Ban điều hành trực tiếp chỉ đạo công việc thi công, giám công chéo trong công việc. Phân công nhiệm vụ cụ thể các Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm từng khối nghiệp vụ: Chỉ đạo thi công các công trình miền Bắc, Trung, Nam; chỉ đạo công tác đấu thầu; chỉ đạo công tác phát triển năng lượng tái tạo.

Ở cấp trung, Ban điều hành đã tập trung củng cố bộ máy tổ chức, sắp xếp lại nhân sự theo hướng chuyên môn hoá, tinh giản, gọn nhẹ, chú trọng khâu chỉ đạo, điều hành của các phòng, ban chuyên môn.

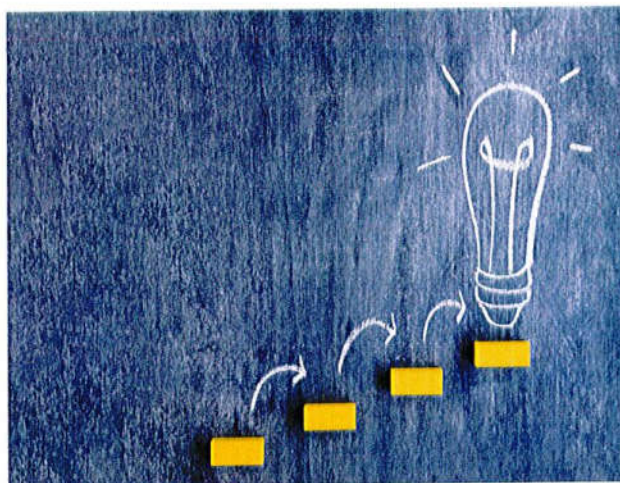
Đối với cấp CBNV, Ban điều hành thực hiện tuyển chọn đội ngũ lao động trẻ, vững chuyên môn, thợ lành nghề, nhất là có cơ chế đãi ngộ thỏa đáng để khuyến khích người lao động làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả; tích cực đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện thi công; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đề xuất các biện pháp, xử lý kịp thời những vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ. Mặt khác, tuy có thể mạnh thương hiệu đơn vị uy tín hàng đầu trong nước về thi công lưới điện từ 110kV đến siêu cao áp 500kV, nhưng trong lĩnh vực xây lắp điện thời gian gần đây có sự cạnh tranh quyết liệt nên Tổng Công ty vừa phải nâng cao năng lực, tham gia đấu thầu các dự án, vừa phải mở rộng thị trường tới các điện lực địa phương, đồng thời chuyển dịch thêm năng lượng tái tạo để đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động.

Áp dụng các phương thức quản lý hiện đại

Tổng Công ty đã nghiên cứu và đang vận hành theo mô hình đánh giá xếp loại CBNV từ đó xây dựng thang bảng lương theo hiệu quả công việc. Đây là cơ sở để nhà quản lý đánh giá thành tích của phòng ban, của nhân viên và đưa ra những khuyến khích phù hợp cho từng phòng ban, từng nhân viên. Ban điều hành áp dụng nhiều phương pháp quản lý khác như báo cáo tuần, bảng mô tả nhiệm vụ và kế hoạch hành động...

nhằm đảm bảo cho người lao động thực hiện đúng các trách nhiệm trong bảng mô tả công việc của từng vị trí chức danh cụ thể, điều này góp phần cho việc đánh giá thực hiện công việc trở nên minh bạch, rõ ràng, cụ thể, công bằng và hiệu quả hơn, nâng cao hiệu quả của đánh giá thực hiện công việc.

Tổng Công ty thực hiện đào tạo và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.





Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ KH 2021 / TH2020
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	1.372.670	1.230.850	3.667.800	297,99
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	34.882	15.820	83.696	529,05
3	Tỷ lệ cổ tức	%	6	-	10	
4	Vốn điều lệ	Tr.đ	904.330	904.330	904.330	100,00

Kế hoạch kinh doanh năm 2021 sẽ được trình tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

Biện pháp thực hiện kế hoạch:

Về công tác điều hành hoạt động xây lắp: Quyết liệt chỉ đạo thi công các công trình đã có danh mục theo đúng tiến độ kế hoạch. Cụ thể:

- Tập trung, rà soát, chỉ đạo các công trình đến các đơn vị thi công theo kế hoạch mỗi kỳ 15 ngày và tổng kết mỗi kỳ. Nếu đơn vị nào không hoàn thành kế hoạch đã đăng ký sẽ xem xét điều chuyển khối lượng cho các đơn vị khác và làm cơ sở để giao khoán khối lượng các công trình sau;
- Kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng thi công, công tác an toàn thi công;
- Tăng cường năng lực công tác đến bù giải phóng mặt bằng, sự phối hợp giữa Ban chỉ đạo và các đơn vị thi công để đảm bảo hiệu quả công trình;
- Tăng cường đầu tư nhân lực, máy móc hiện đại, tăng cường hợp tác, liên kết trong đấu thầu giữa các công ty con trong tổ hợp đối với các gói thầu vừa và nhỏ;
- Cũng cố và duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng hiện tại, phát triển mối quan hệ với khách hàng mới. Tiếp tục tìm kiếm các đối tác để hợp tác nhằm tạo kinh nghiệm và năng lực trong các lĩnh vực mới.
- Đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm; thay đổi cơ chế quản lý theo hướng tiết kiệm chi phí nhằm thích ứng với điều kiện cạnh tranh trên thị trường;
- Định hướng và xây dựng lực lượng chuyên nghiệp để triển khai thi công các dự án điện mặt trời, điện gió vì đây là các lĩnh vực mới rất tiềm năng.
- Cảnh báo sớm các công trình có nguy cơ chậm tiến độ để có giải pháp kịp thời.
- Tập trung điều hành một số công trình trọng điểm đóng điện năm 2021: Đz 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi (tháng 6/2021); TBA 500kV Đức Hoà; Đz đấu nối vào TBA 500kV Chơn Thành; Hợp đồng tổng thầu EPC công trình Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong; Đz & TBA 110kV Liễu Đề (tháng 6/2021); Đz 220kV Việt Trì - Tam Dương - Bá Thiện (tháng 12/2021)...;

Công tác Tài chính - Kế toán: Một số giải pháp nhằm ổn định tình hình tài chính và nâng cao hiệu quả SXKD cho năm 2021 và các năm tiếp theo, Bao gồm:

- Thực hiện các giải pháp nhằm thu đủ 100% vốn phải thu các công trình từ chủ đầu tư, kể cả các khoản phải thu năm 2020 chuyển qua và giá trị phát sinh năm 2021;



- Làm việc với các ngân hàng, tổ chức tài chính tạo lập đầy đủ nguồn vốn lưu động, vốn trung dài hạn với chi phí hợp lý, bảo đảm phục vụ kinh doanh, đầu tư hiệu quả, cụ thể:
 - + Tăng hạn mức tín dụng vốn lưu động để bảo đảm nguồn vốn phục vụ hoạt động thi công xây lắp điện, điện mặt trời, điện gió và hoạt động thương mại;
- Giải quyết dứt điểm các thủ tục pháp lý nhằm nhận quyền sở hữu 02 căn nhà còn lại tại TP. HCM (căn 153/6 Nguyễn Thị Minh Khai và căn 167A Nguyễn Thị Minh Khai). Tìm phương án tối ưu giải phóng mặt bằng các căn nhà đã nhận quyền sở hữu tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, bảo đảm đủ điều kiện để chuyển nhượng thu hồi vốn, trước mắt nếu chưa chuyển nhượng thì thế chấp ngân hàng để tăng hạn mức vay vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của Tổng Công ty;
- Tiếp tục và kiên trì thực hiện mọi biện pháp nhằm thúc đẩy khiếu nại Tái thẩm thẩm vụ việc oan sai mà Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm TP. HCM buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho ngân hàng Xây dựng trong vụ án Hứa Thị Phấn và đồng phạm;
- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất HĐQT thực hiện tái cấu trúc một số tài sản hiện có, các khoản đầu tư tài chính theo hướng khai thác tối đa lợi thế của tài sản, các khoản đầu tư, bảo đảm phù hợp với điều kiện của Tổng Công ty trong thực tế hiện nay;
- Thực hiện tốt hơn nữa công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, rà soát và cắt giảm tất cả các chi phí không hợp lý nhằm tăng hiệu quả kinh doanh cho Tổng Công ty;
- Ưu tiên nguồn lực tài chính đầu tư thiết bị, nhân lực nhằm đưa công nghệ mới vào thi công các công trình xây lắp điện, công trình năng lượng tái tạo điện gió, điện mặt trời;
- Xây dựng, sửa đổi ban hành đầy đủ hệ thống các văn bản quản lý tài chính nội bộ;
- Tăng cường công tác quản lý giám sát phần vốn đầu tư tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác kiểm toán nội bộ, đảm bảo thực hiện tối đa quyền của cổ đông lớn đối với phần vốn đầu tư tại các đơn vị.
- Nghiên cứu, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên, công ty liên kết trong thời gian vừa qua. Định hướng tầm nhìn chiến lược hướng đến hoạt động kinh doanh có hiệu quả, lâu dài và giảm thiểu lỗ trong các năm sắp tới. Xây dựng tầm nhìn chiến lược cho từng công ty thành viên, công ty liên kết vững mạnh, có khả năng tự chủ tài chính và hoạt động kinh doanh góp phần sự phát triển chung của Tổng công ty.

Về công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình

- Tiếp tục nâng cao trình độ thi công lắp đặt trạm biến áp và tìm hiểu thêm về lĩnh vực xây lắp điện gió để đầu tư trang thiết bị, dụng cụ thi công cho một số đơn vị thi công; Cập nhật biện pháp thi công, những quy định mới hoàn chỉnh các quy trình quản lý chất lượng, kỹ thuật, an toàn lao động về xây lắp đường dây và trạm điện gió, điện mặt trời; Phổ biến/hướng dẫn cho các đơn vị nhằm tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và giám sát chất lượng công trình; Tổ chức vận hành công tác kiểm soát tiến độ và chất lượng theo quy trình quản lý chất lượng. Để ngăn chặn tình trạng làm ẩu, làm kém chất lượng, Tổng Công ty sẽ kiên trì duy trì hệ thống quản lý chất lượng nội bộ cho từng hạng mục công việc, các Ban chỉ đạo tăng cường công tác nghiệm thu nội bộ, giảm bớt những sai sót do chủ quan, không phải sửa sai nhiều làm ảnh hưởng đến tiến độ và tăng chi phí; Phối hợp giám sát chủ đầu tư để cùng kiểm tra kiểm soát chất lượng công trình ngay từ khâu vật liệu đầu vào đến khi kết thúc công việc.
- Các Ban Chỉ đạo thường xuyên cập nhật tiến độ thi công hàng tuần các công trình áp dụng các công nghệ như ZALO, VIBER. Bố trí cán bộ kỹ thuật phối hợp với đơn vị thi công chuẩn bị trước hồ sơ nghiệm thu, đến khi triển khai nghiệm thu sẽ tổ chức nghiệm thu ngoài hiện trường song song với việc hoàn thiện hồ sơ để rút ngắn thời gian của quá trình này.



- Tăng cường kiểm tra công tác an toàn, bảo hộ lao động, Tổng Công ty đã trang bị thêm một số dụng cụ thi công kéo dây vượt đường dây trung và hạ áp, kéo vượt sông.... Kiên quyết xử lý những đơn vị, cá nhân vi phạm quy định về công tác an toàn, kiểm tra thường xuyên biện pháp thi công của đơn vị (nhân lực, dụng cụ thi công, PATCXD, biện pháp an toàn lao động...). Đặc biệt trong hạng mục lắp dựng cột, rải căng dây.
- Trong năm 2021, triển khai quyết liệt việc kéo dây theo công nghệ mới “kéo dây không chạm đất”, chỉ giao khối lượng kéo rải căng dây cho đơn vị nào có trang bị thiết bị kéo dây không chạm đất nhằm nâng cao chất lượng công trình, tăng năng suất, giảm thiểu về công tác đền bù.
- Tăng cường công tác quản lý vật tư trên các công trình tránh thất thoát, đảm bảo cung cấp kịp thời, đồng thời tính toán để phân bổ chính xác hợp lý một số vật tư chủ đầu tư cấp theo khối lượng công việc mà đơn vị được Tổng Công ty giao.
- Hiện nay việc thi công kéo dây giao chéo với các đz 220kV, 110kV không cho cắt điện nên bộ phận kỹ thuật phải không ngừng xem xét, cải tiến để tham mưu các biện pháp thi công phù hợp với từng địa hình đảm bảo tiến độ thi công an toàn nhất và tiết kiệm kinh phí.

Về công tác tổ chức nhân sự và đào tạo

Kiện toàn lại công tác nhân sự theo hướng tinh giảm và tinh nhuệ; đổi mới cơ chế quản lý nội bộ; thay đổi phương pháp điều hành sản xuất kinh doanh;

Hoàn thiện mô hình tổ chức, sửa đổi, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ phục vụ công tác chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015;

Bổ sung, điều chỉnh thang, bảng lương các vị quản lý, CBCNV, bổ sung cơ chế trả lương để phù hợp với hoạt động Tổng Công ty và đáp ứng quy định pháp luật lao động, BHXH, quy định về thuế hiện hành;

Tiếp tục triển khai thực hiện các thủ tục, hồ sơ về việc cấp chứng chỉ hoạt động lĩnh vực điện mặt trời; hồ sơ cá nhân thi cấp chứng chỉ hạng I cho một số kỹ sư;

Xây dựng Quy định đánh giá kết quả công việc để làm căn cứ tính trả lương theo hiệu quả công việc. Xây dựng đơn giá tiền lương, kế hoạch nguồn quỹ tiền lương năm 2021;

Thực hiện một số nội dung công tác tổ chức, bổ sung cơ chế hoạt động, nhân sự, chế độ chính sách đối với: 02 Chi nhánh.

Phối hợp thực hiện về công tác tổ chức, nhân sự đối với các Cty TNHH MTV về mô hình tổ chức, bố trí nhân sự, tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động.

Phối hợp triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCNV: Đào tạo quản trị Công ty; Nội dung tập huấn công tác KTAT công nhân Chi nhánh; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

Phát triển nguồn tuyển dụng để đảm bảo Tổng Công ty có nhiều lựa chọn, tuyển chọn (thông qua công cụ tuyển dụng phù hợp, tin cậy), đủ số lượng, đáp ứng kịp thời để bổ sung lực lượng chuyên môn kỹ thuật.

Theo dõi giải quyết chế độ CBCNV đi công tác tại các Ban chỉ đạo; Giải quyết tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động (BHXH, BHTN và các chế độ khác).

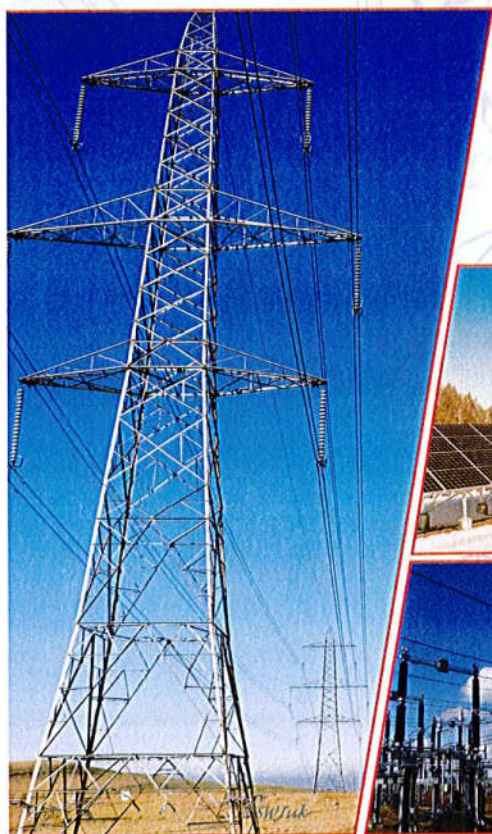
Công tác quản trị Công ty niêm yết: Công tác tổ chức, nhân sự, cổ đông, báo cáo 6 tháng, năm 2021

Thực hiện kịp thời yêu cầu công việc và quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin đối với công ty niêm yết.

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty
(xem Phần 3 Báo cáo môi trường xã hội)

PHẦN V
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Đánh giá HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

Để vượt qua các khó khăn, thách thức, đảm bảo cung cấp điện ổn định, tin cậy, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng của đất nước, cần thiết phải xây dựng Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII). Quy hoạch sẽ định hướng được tương lai phát triển của ngành điện; định lượng các giá trị mục tiêu cung cấp điện; xác định quy mô, tiến độ và phân bố không gian của các công trình nguồn điện, lưới điện và đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch.

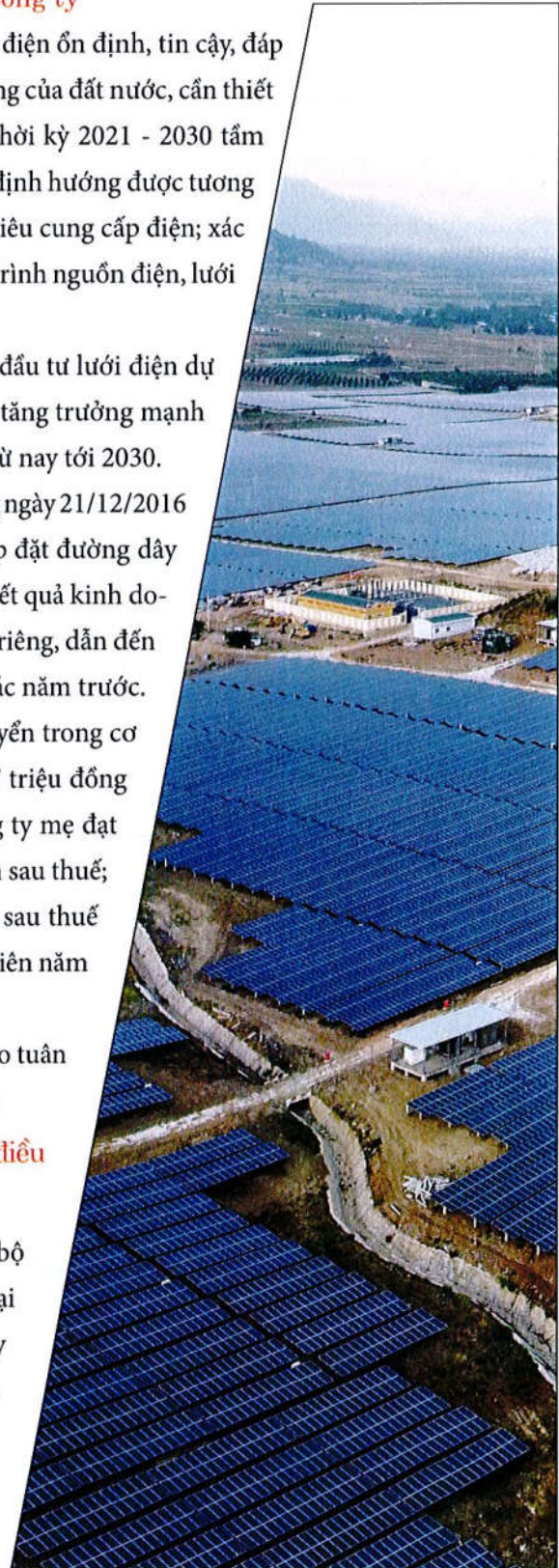
Theo quy hoạch điện VIII, giai đoạn 2021-2030 tổng vốn đầu tư lưới điện dự kiến khoảng 761.964 tỷ đồng. Tổng mức đầu tư lưới điện tăng trưởng mạnh hứa hẹn sẽ giúp cho ngành Xây lắp điện tăng trưởng cao từ nay tới 2030.

Tuy nhiên Quyết định 4970/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 21/12/2016 quy định về định mức dự toán chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của các đơn vị trong ngành nói chung và VNECO nói riêng, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận mảng xây lắp đạt rất thấp so với các năm trước. Với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV và định hướng dịch chuyển trong cơ cấu ngành nghề, năm 2020 tổ hợp VNECO đạt 1.299.667 triệu đồng doanh thu và 11.549 triệu đồng lợi nhuận sau thuế; Công ty mẹ đạt 1.229 triệu đồng doanh thu và 15.820 triệu đồng lợi nhuận sau thuế; chỉ tiêu doanh thu và thu nhập đạt 89,67% và lợi nhuận sau thuế đạt 45,35% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đặt ra.

Trong năm 2020, mọi hoạt động của Tổng Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Năm 2020 là một năm có rất nhiều biến động và thay đổi bộ máy lãnh đạo cấp cao của Tổng Công ty, tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 tổ chức vào ngày 30/6/2020, Đại hội đồng Cổ đông đã bầu ra Hội đồng Quản trị Tổng Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 và Hội đồng Quản trị đã bầu ra Ban điều hành mới để đảm đương những nhiệm vụ kinh tế trọng trách trong nhiệm kỳ mới. Mặc dù cơ cấu Hội đồng quản trị và Ban điều hành có nhiều





thay đổi mới, nhưng Hội đồng quản trị vẫn luôn song hành cùng Ban điều hành trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các định hướng và chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động của Ban điều hành tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, trước tình hình khó khăn của ngành, Ban điều hành vẫn chưa có những biện pháp ứng phó kịp thời dẫn đến kết quả kinh doanh không đạt như kỳ vọng và chưa đạt được kế hoạch do Đại hội đồng Cổ đông đặt ra.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Năm 2020, HĐQT đã quản lý, giám sát, thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc điều hành việc thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ, nghị quyết HĐQT thông qua các hình thức:

- Công tác báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính năm 2020, Kế hoạch kinh doanh năm 2020, xây dựng định hướng phát triển Tổng Công ty, định hướng hoạt động HĐQT, giai đoạn 2020-2025;
- Tổ chức kỳ họp thường niên năm 2020 của ĐHCĐ Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
- Theo dõi, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý, giữa niên độ và năm 2020; Giám sát công tác Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, năm 2020; Giám sát công tác điều hành hàng ngày, công tác tổ chức thi công các công trình trọng điểm như: Đường dây 500kV mạch 3 Quảng Trạch - Dốc Sỏi (đoạn từ Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế), Đường dây 500kV đấu nối nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào hệ thống điện Quốc gia, Trạm biến áp 500kV Đức Hòa, Đường dây 500kV Hải Dương- Phố Nối; Thi công Dự án điện mặt trời Hàm Kiếm 1, Dự án điện mặt trời Vĩnh Long, Dự án điện mặt trời Cam Lâm Giai đoạn 3; Thi công xây dựng dự án Nhà máy Điện mặt trời Điện lực miền Trung và các công trình, dự án khác.
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện báo cáo tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh tại các cuộc họp định kỳ hàng quý và theo yêu cầu của HĐQT. Chủ tịch HĐQT theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty và các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh năm 2020;
- Giám sát hoạt động các công ty con, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty;
- Triển khai công tác chuẩn bị, một số nội dung đầu tư dự án Nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong;
- Giám sát về công tác quản trị, công tác tài chính, phương án sử dụng vốn, công tác kiểm toán và hoạt động đầu tư các dự án của Tổng Công ty;
- Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý của Tổng Công ty trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Giám đốc.



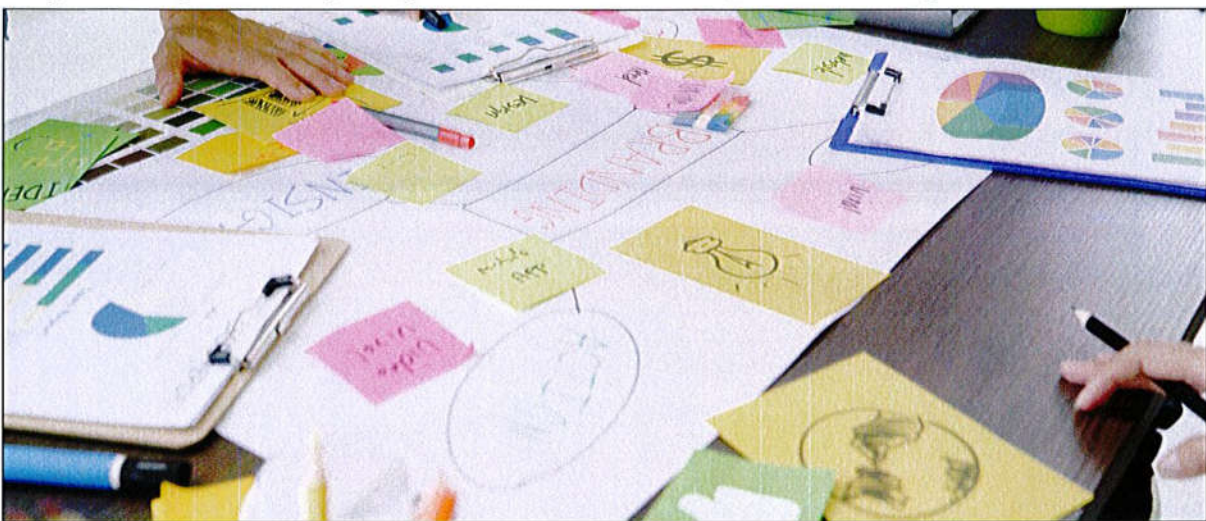
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Triển khai định hướng phát triển giai đoạn 2020 - 2025 của VNECO. Năm 2021, Tổng Công ty tiếp tục tập trung đẩy mạnh hoạt động trên một số lĩnh vực sau: Xây lắp đường dây, trạm biến áp điện đến 500kV, các công trình nguồn điện; Xây lắp dự án nhà máy điện gió, điện mặt trời; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, công trình công nghiệp, dân dụng; Triển khai đầu tư một số dự án nhà máy Năng lượng tái tạo; Đầu tư, khai thác các dự án bất động sản và triển khai hoạt động thương mại.

Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch kinh doanh, thống nhất các chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch kinh doanh năm 2021. Trong năm 2021, Tổng Công ty tập trung thi công khối lượng các công trình chuyển tiếp từ năm 2020 và các công trình, dự án mới như: Đz 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi, Đz Mỹ Tho - Đức Hòa, Đz 220kV Đấu Nối TBA Đức Hòa (lô 18.1), TBA 500kV Đức Hòa, Đz 500kV Chơn Thành - Đức Hoà, Đz 220kV đấu nối TBA 500kV Long Thành, TBA 220kV Tam Phước, Đz 220kV Krông Buk - Nha Trang (gói 11, gói 12, gói 13.1), Đz & TBA 110 kV Liễu Đề, TBA 110kV Bảo Ninh và đấu nối, hoàn thành thi công xây dựng Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong và các dự án án năng lượng tái tạo khác khác...;

Hướng tới mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững cho Tổng Công ty và cả tổ hợp VNECO trong những năm tiếp theo, HĐQT và Ban điều hành tiếp tục xác định chiến lược của Tổng Công ty là lựa chọn để đầu tư một số dự án trọng điểm về nguồn năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, đẩy mạnh lĩnh vực xây lắp các công trình điện năng lượng tái tạo, dự án kinh doanh bất động sản; mở rộng hoạt động kinh doanh thương mại. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận trong cơ cấu kinh doanh, nhằm từng bước giảm phụ thuộc vào hoạt động xây lắp các công trình điện truyền thống.

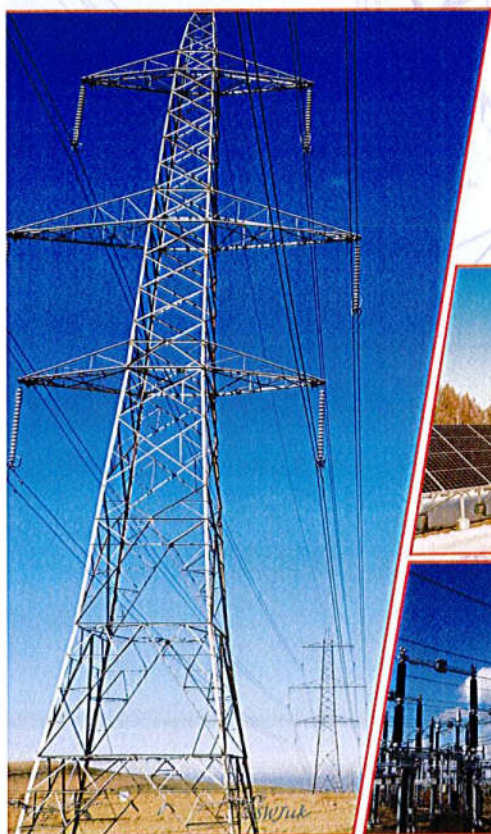
Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị của tổ hợp VNECO, năm 2021, Hội đồng quản trị tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế quản lý theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành của Tổng Công ty và thực hiện giám sát nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tổ hợp VNECO, đảm bảo tối đa lợi ích cho cổ đông.



PHẦN VI

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	80
Ban kiểm soát	85
Thù lao HĐQT, BKS	89





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020-2025

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông: Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập không điều hành)	30/6/2020
2	Ông: Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty	30/6/2020
3	Ông: Phạm Phú Mai	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	30/6/2020
4	Ông: Đào Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	30/6/2020
5	Ông: Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	30/6/2020

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2015-2020(Đến ngày 30/06/2020)

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm
1	Ông: Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch HĐQT(Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty)	30/6/2020
2	Ông: Ngô Văn Cường	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	30/6/2020
3	Ông: Phan Anh Quang	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	30/6/2020
4	Ông: Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty	
5	Ông: Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	
6	Ông: Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	30/6/2020



Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)

Năm sinh: 15/3/1975

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Kế toán Quốc tế

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2020: 3.844.810 cp
phần - tỷ lệ 4,25% vốn điều lệ

2000 - 2005	Kiểm toán viên Công ty kiểm toán Việt Nam (nay là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam)
2005 - 2018	Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM Thành viên hãng Moore Quốc tế
2018 - 2019	Tổng giám đốc Công ty CP Điện gió Hồng Phong 1
2018 - đến nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Kiểm toán Kroize
30/6/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam



Ông NGUYỄN ANH TUẤN

Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Quang Cần - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025) kiêm Tổng Giám đốc (xem mục Ban điều hành)

Ông Phạm Phú Mai - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)

Năm sinh: 20/2/1976

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị Kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2020: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

1999 - 2020	Giám đốc điều hành Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển (TID)
30/6/2020 - nay	Thành viên HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam



Ông PHẠM PHÚ MAI

Thành viên HĐQT



Ông Đào Ngọc Quỳnh - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)



Ông ĐÀO NGỌC QUỲNH
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 01/9/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Điện tử

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2020: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

1989 - 1994	Cán bộ kỹ thuật Công xây dựng số 25 - Tổng công ty xây dựng sông Hồng
1999 - 2009	Giám đốc công ty dịch vụ XNK BRNO - Cộng hòa Séc
2010 - 2015	TV HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty CP Giải pháp công nghệ Kiểm tra Không phá hủy Dầu khí Việt Nam
2016 - 2018	TV HĐQT Công ty CP dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long
2017 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Tập đoàn Trí Tuệ Việt
30/6/2020 - nay	Thành viên HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam

Ông Nguyễn Tịnh - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025) kiêm Phó Tổng Giám đốc (xem mục Ban điều hành)

Ông Đoàn Đức Hồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị (nhiệm kỳ 2015-2020) (xem mục Ban điều hành)

Ông Ngô Văn Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (nhiệm kỳ 2015-2020) (xem mục Ban điều hành)

Ông Phan Anh Quang - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (nhiệm kỳ 2015-2020) (xem mục Ban điều hành)

Ông Lê Mạnh Hùng - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2015-2020)

Năm sinh: 05/08/1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

01/2000-06/2002	Cán bộ tín dụng ngân hàng liên doanh Shinnhan Bank Hà Nội
06/2002-05/2005	Du học tại California State University
06/2005-11/2007	Trưởng phòng kinh doanh, phó giám đốc CTCP Quốc tế APEX
12/2007 - 15/7/2017	Trưởng phòng đầu tư, phó giám đốc Công ty TNHH chứng khoán Vietcombank
15/7/2017 - nay	Giám đốc Công ty TNHH chứng khoán Vietcombank
06/2016 - 30/6/2020	Thành viên HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam
30/6/2020 đến nay	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam

**HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT**

Năm 2020, Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng Công ty đã tổ chức các cuộc họp. Trong đó 02 lần lấy ý kiến Thành viên HĐQT (do dịch Covid 19), với thành phần tham gia như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
Danh sách Thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2020-2025, kể từ ngày 30/6/2020					
1	Ông: Nguyễn Anh Tuấn	30/6/2020	6/6	100%	
2	Ông: Trần Quang Cần	30/6/2020	6/6	100%	
3	Ông: Phạm Phú Mai	30/6/2020	5/6	83%	Do bận công tác
4	Ông: Đào Ngọc Quỳnh	30/6/2020	6/6	100%	
5	Ông: Nguyễn Tịnh	30/6/2020	6/6	100%	

Danh sách Thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2020-2025, đến ngày 30/6/2020

1	Ông: Đoàn Đức Hồng (Chủ tịch HĐQT)	25/05/2015	4/4	100%	
2	Ông: Phan Anh Quang	25/5/2015	4/4	100%	
3	Ông Ngô Văn Cường	13/6/2017	4/4	100%	
4	Ông Nguyễn Tịnh	25/5/2015	4/4	100%	
5	Ông Trần Quang Cần	31/7/2017	4/4	100%	
6	Ông Lê Mạnh Hùng	03/6/2016	3/4	83%	Do bận công tác

CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM 2020 CỦA HĐQT

TT	Số nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
1	05 QĐ/VNECO -HĐQT	23/03/2020	Về việc Gia hạn thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
2	06 QĐ/VNECO -HĐQT	09/4/2020	Về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Điện mặt trời Vinh Long
3	07 QĐ/VNECO -HĐQT	12/5/2020	Về ngày ĐKCC lập danh sách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
4	11 QĐ/VNECO-HĐQT	04/6/2020	Về việc thống nhất chủ trương thoái toàn bộ vốn của VNECO đã đầu tư vào Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời VNECO - Vinh Long
5	13 NQ/VNECO-HĐQT	16/06/2020	Về việc thời gian họp ĐHĐCĐ và Phê duyệt tài liệu để trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên năm 2020
6	17 NQ/VNECO-HĐQT	30/06/2020	Về việc ông: Đoàn Đức Hồng, thôi giữ chức vụ: Tổng Giám đốc, kể từ ngày 01/7/2020
7	18 NQ/VNECO-HĐQT	30/06/2020	Về việc Bổ nhiệm có thời hạn ông: Trần Quang Cần, giữ chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng Công ty, kể từ ngày 01/7/2020
8	26 QĐ/VNECO-HĐQT	24/07/2020	Về việc công tác cán bộ: Ông Ngô Văn Cường thôi giữ chức vụ Phó TGĐ TCT



TT	Số nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
8	26 QĐ/VNE-CO-HĐQT	24/07/2020	Về việc công tác cán bộ: Ông Ngô Văn Cường thôi giữ chức vụ Phó TGD TCT
9	27 QĐ/VNE-CO-HĐQT	24/07/2020	Về việc công tác cán bộ: Ông Phan Anh Quang thôi giữ chức vụ Phó TGD TCT
10	28 QĐ/VNE-CO-HĐQT	24/07/2020	Về việc chủ trương góp vốn thành lập Công ty CP Năng lượng VNECO
11	29 QĐ/VNE-CO-HĐQT	24/07/2020	Về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong 1
12	30 QĐ/VNE-CO-HĐQT	24/07/2020	Về việc bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh TP Hồ Chí Minh: ông Lê Thúc Vũ giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
13	32 QĐ/VNE-CO-HĐQT	24/07/2020	Ủy quyền người đại diện quản lý phần vốn của VNECO tại CT CP Năng lượng VNECO
14	36 QĐ/VNE-CO-HĐQT	24/07/2020	Về việc ủy quyền phê duyệt tổng mức đầu tư, cải tạo sửa chữa trụ sở TCT
15	37 QĐ/VNE-CO-HĐQT	24/07/2020	Về việc sửa đổi điều lệ Công ty TNHH MTV BĐS - Du lịch VNECO và đổi tên thành: công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung
16	39 QĐ/VNE-CO-HĐQT	24/07/2020	Về việc bổ nhiệm cán bộ: ông Phan Anh Quang, giữ chức vụ: Giám đốc công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung
17	38 QĐ/VNE-CO-HĐQT	28/08/2020	Về việc bổ nhiệm thành viên HĐQT, kiểm soát viên công ty TNPI và cử người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu
18	40 QĐ/VNE-CO-HĐQT	28/08/2020	Về việc ủy quyền phê duyệt dự án Đầu tư trụ sở VP CT TNHH MTV VNECO Miền Trung
19	41 NQ/VNE-CO-HĐQT	15/09/2020	Ng. quyết Về việc thoái toàn bộ phần vốn của TCT CP XD Điện Việt Nam đầu tư tại CTCPIXD Điện VNECO 7
20	42 NQ/VNE-CO-HĐQT	15/09/2020	Nghị quyết về việc nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ CT TNHH TM ĐT&TVXD Thịnh Phát
21	43 QĐ/VNE-CO-HĐQT	15/09/2020	QĐ Về việc sửa đổi điều lệ và đổi tên CT TNHH TM ĐT&TVXD Thịnh Phát thành: Công ty TNHH Đầu tư VNECO
22	44 QĐ/VNE-CO-HĐQT	15/09/2020	Về việc cử người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu và bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư VNECO
23	45 QĐ/VNE-CO-HĐQT	15/09/2020	Về việc ban hành quy chế Tài chính của TCT CPXD Điện Việt Nam
24	45 QĐ/VNE-CO-HĐQT	15/09/2020	Về việc phê duyệt hiệu chỉnh Dự án đầu tư XD công trình Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong
25	46 QĐ/VNE-CO-HĐQT	15/09/2020	Về việc phê duyệt đơn giá tiền lương, kế hoạch quỹ tiền lương và các khoản bổ sung theo kết quả HĐKD năm 2020
26	47 QĐ/VNE-CO-HĐQT	15/09/2020	Về việc bổ nhiệm Giám đốc CT TNHH Đầu tư VNECO
27	50 NQ/VNE-CO-HĐQT	15/09/2020	Nghị quyết về việc thống nhất chủ trương đầu tư dự án: hệ thống thiết bị phục vụ lắp dựng Turbine Nhà máy điện gió
28	55 NQ/ VNE-CO-HĐQT	26/10/2020	Về việc thống nhất chủ trương lựa chọn hãng GE cung cấp thiết bị Turbine cho dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong
29	56 NQ/ VNE-CO-HĐQT	26/10/2020	Về việc thống nhất chủ trương ký kết hợp đồng EPC dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong

**HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP**

Trong năm 2020, Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia các cuộc họp HĐQT là Ông Nguyễn Anh Tuấn (tham gia 6/6 cuộc họp); Ông Phạm Phú Mai (tham gia 5/6 cuộc họp); Ông Đào Ngọc Quỳnh (tham gia 6/6 cuộc họp) và Ông Lê Mạnh Hùng (tham gia 3/4 cuộc họp).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định và đã tham gia khóa đào tạo về Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ. Chủ tịch HĐQT đã nhận Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia; Trưởng Ban kiểm soát là Kiểm toán viên, Kế toán cao cấp...

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành Tổng Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty; tham gia các khóa tập huấn/hội thảo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh tổ chức và sẽ tiếp tục tham gia các khóa đào tạo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức vào thời điểm phù hợp.

TT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày Miễn nhiệm
Danh sách Thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2020-2025, kể từ ngày 30/6/2020				
1	Bà: Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban kiểm soát	02/7/2020	
2	Bà: Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên ban kiểm soát	30/6/2020	
3	Ông: Lê Chí Dũng	Thành viên ban kiểm soát	30/6/2020	
Danh sách Thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2020-2025, đến ngày 30/6/2020				
1	Ông: Lê Chí Dũng	Trưởng ban kiểm soát	25/5/2015	30/6/2020
2	Ông: Lê Minh Tuấn	Thành viên ban kiểm soát	25/5/2015	30/6/2020
3	Ông: Bửu Nguyễn Vĩnh Nguyên	Thành viên ban kiểm soát	30/5/2018	30/6/2020

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Trưởng Ban Ban Kiểm soát

Bà NGUYỄN THỊ THANH HÀ
Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 18/02/1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kiểm toán viên cấp Nhà nước, chứng chỉ Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2020: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

3/1992 - 4/1995
5/1996 - 2/2001

Trợ lý Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán Việt Nam
Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam

3/2005 - 12/2008

Kế toán cao cấp - Công ty Comvik International Việt Nam AB

01/2009 - 12/2014

Chuyên viên dịch vụ chuyển Vùng Quốc tế - Trung tâm điện thoại di động

01/2015 - 6/2017

Trưởng Đại diện Phụ trách Khu vực phía Nam - Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)

7/2017 đến nay

Trưởng Đại diện Việt Nam - Hiệp hội kế toán Quản trị Công chứng Anh Quốc CIMA-CGMA
Giám đốc Tài chính - Công ty Di lịch Malblue

02/07/2020 đến nay

Trưởng Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.



Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 25/11/1993

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2020: 1.876.662 cổ phần - tỷ lệ 2,08% vốn điều lệ.

Căn cứ vào báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ ngày 30/3/2021 trên thị trường chứng khoán. Vì vậy tại thời điểm lập Báo cáo thường niên 2020 số lượng CP của Cổ đông Nguyễn Thị Hoàng Oanh nắm giữ là 20 CP VNE.

10/2005 - 6/2006	Chuyên viên phân tích tài chính Công ty CP chứng khoán TP HCM
7/2006 - 2/2007	Kế toán quản trị Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk)
3/2007 - 4/2008	Chuyên viên tư vấn khối Tài chính DN và Bảo lãnh phát hành tại Công ty CPK Việt Quốc
4/2008 - 5/2010	Chuyên viên tư vấn Tài chính DN Công ty CP chứng khoán Nhất Việt (VFS)
8/2010 - 2/2017	Phó Giám đốc tư vấn Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí
5/2017 - 2/2018	Trưởng phòng tư vấn Công ty CP Chứng khoán Dầu khí
3/2018 đến nay	Giám đốc tư vấn Công ty TNHH Kiểm toán Kroize
30/6/2020 đến nay	Thành viên Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.



Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh
Thành viên Ban kiểm soát

Ông Lê Chí Dũng - Thành viên Ban Kiểm soát



Ông LÊ CHÍ DŨNG
Thành viên Ban kiểm soát

Ông Lê Chí Dũng

năm sinh: 04/08/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính - Kế Toán
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2020: 21.450 cổ phần - tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ

1992 - 1996	Cán bộ phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Xây lắp điện 3
1996 - 1999	Kế toán trưởng Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2000 - 2001	Phó giám đốc Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2002 - 2004	Giám đốc Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2004 - 2007	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Đà Nẵng - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;
2007 - 2008	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 11 - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2008 - 2009	Phó Giám đốc Khách sạn Green Plaza - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2009 - 2015	Phó phòng Tài chính - Kế toán - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
06/2015 đến 30/6/2020	Trưởng Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.
30/6/2020 đến nay	Miễn nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát, bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam; Phó phòng Tổ chức Nhân sự & Đào tạo - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.



Ông Bửu Nguyễn Vĩnh Nguyên - Thành viên Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2015-2020)

Năm sinh: 25/10/1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Tín dụng

Quá trình công tác:

6/2006 - 8/2007	Nhân viên Ngân Hàng VIB Đà Nẵng
8/2007 - 8/2012	Giám Đốc Khách hàng SME MSB Đà Nẵng
8/2012 - 8/2014	Trưởng Phòng Doanh Nghiệp OCB Thanh Khê
5/2014 - 30/5/2018	Phó Giám Đốc GPBank Đà Nẵng;
30/5/2018 - 30/6/2020	Thành viên ban kiểm soát - Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam
30/6/2020 - nay	Miễn nhiệm Thành viên ban kiểm soát - Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam

Ông Lê Minh Tuấn - Thành viên Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2015-2020)

Năm sinh: 28/06/1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

2006 - 2013	Cán bộ Công Ty CP Chứng Khoán NHNN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM
2013 đến 25/5/2015	Cán bộ Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp.HCM
25/5/2015 - 30/6/2020	Cán bộ Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp.HCM; thành viên ban kiểm soát - Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam
30/6/2020 - nay	Miễn nhiệm thành viên ban kiểm soát - Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể, độc lập và khách quan. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm của mình trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các hoạt động và các kết luận của mình đối với sự phát triển của Tổng Công ty.

Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của Cổ đông, của Tổng Công ty, đảm bảo Tổng Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các Cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Tổng Công ty.

Ban Kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, của Tổng Công ty, ban điều hành và bộ máy giúp việc, không gây gián đoạn trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty. Cụ thể:

- Nắm vững các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng Quản trị, quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị để chủ động phối hợp với Hội đồng Quản trị trong việc đề xuất các chính sách tài chính, kiểm soát trước khi ký các hợp đồng kinh tế, dân sự thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, quy định của Điều lệ Tổng Công ty về hoạt động kinh doanh;
- Giám sát việc thực hiện công tác tài chính kế toán;
- Thẩm tra báo cáo tài chính các quý, năm 2020; và báo cáo hoạt động Ban Kiểm soát tại cuộc họp thường niên năm 2020 của ĐHĐCĐ;
- Giám sát hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;

HDQT, Ban điều hành, các cổ đông Tổng công ty đã thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định của Tổng Công ty bám sát Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HDQT để thực hiện công việc chuyên môn nhằm minh bạch hóa các giá trị thực hiện theo kế hoạch hàng năm Tổng Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động HDQT, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác:

Tất cả các cuộc họp HDQT Tổng Công ty, Trưởng Ban Kiểm soát, đại diện Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ và tại cuộc họp, Ban Kiểm soát có điều kiện trao đổi những ý kiến riêng về các công việc HDQT bàn và triển khai.

Đối với Ban điều hành, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý trong Tổng Công ty, Ban Kiểm soát cũng được tham gia các buổi họp giao ban tuần và các cuộc họp bàn về hoạt động SXKD của Công ty mẹ và tổ hợp VNECO. Ban Kiểm soát đã có điều kiện để tham gia các ý kiến trên phương diện quản lý, với mục đích các hoạt động kinh doanh Tổng Công ty luôn phù hợp quy định của pháp luật và tôn trọng lợi ích cổ đông, thông qua việc điều hành từ Ban lãnh đạo đến các phòng, ban nghiệp vụ Tổng Công ty.

HDQT, Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Kiểm soát và sẵn sàng cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Ban Kiểm soát đảm bảo quy trình quản trị Tổng Công ty và minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

Trong năm 2020, Trưởng ban Kiểm soát cùng tham gia với Đoàn công tác của Tổng Công ty giám sát hoạt động tại một số công trình/dự án trọng điểm: Xem xét, đánh giá tính khả thi của các dự án dựa trên Hồ sơ hoạt động kinh doanh, đầu ra của dự án; Đánh giá khả thi tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn tự có hay nguồn vốn vay trong thời hạn ngắn, trung và dài hạn. Qua đó, tham gia đóng góp ý kiến cho việc triển khai các dự án hiện tại cũng như tương lai.



Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
Danh sách Thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2020-2025, kể từ ngày 30/6/2020				
1 Bà: Nguyễn Thị Thanh Hà	2/2	100%	100%	
2 Bà: Nguyễn Thị Hoàng Oanh	2/2	100%	100%	
3 Ông: Lê Chí Dũng	2/2	100%	100%	
Danh sách Thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2020-2025, đến ngày 30/6/2020				
1 Ông: Lê Chí Dũng	2/2	100%	100%	
2 Ông: Lê Minh Tuấn	2/2	100%	100%	
3 Ông: Bửu Nguyễn Vĩnh Nguyên	2/2	100%	100%	

 GIAO DỊCH, THÙ LAO HĐQT, BĐH, BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Thù lao	Lương, thưởng	Tổng cộng
Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2020-2025, kể từ ngày 30/6/2020					
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập không điều hành)	300.000.000	55.000.000	355.000.000
2	Ông Trần Quang Cấn	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Tổng Giám đốc điều hành	42.000.000		42.000.000
3	Ông Phạm Phú Mai	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	42.000.000	20.000.000	62.000.000
4	Ông Đào Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	42.000.000	20.000.000	62.000.000
5	Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc	42.000.000		42.000.000
6	Ông Đoàn Đức Hồng	Cố vấn HĐQT	60.000.000		60.000.000
Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2015-2020, đến ngày 30/6/2020					
1	Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch HĐQT không độc lập, kiêm Tổng Giám đốc	48.000.000		48.000.000
2	Ông Phan Anh Quang	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc	30.000.000		30.000.000
3	Ông Ngô Văn Cường	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc	30.000.000		30.000.000



TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Thù lao	Lương, thưởng	Tổng cộng
4	Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc	30.000.000		30.000.000
5	Ông Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Kế toán trưởng	30.000.000		30.000.000
6	Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	30.000.000		30.000.000

Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2020-2025), kể từ ngày 30/6/2020

1	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban Kiểm soát	75.000.000	31.980.000	106.980.000
2	Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên BKS	24.000.000	10.000.000	34.000.000
3	Ông Lê Chí Dũng	Thành viên BKS	24.000.000	122.731.255	146.731.255

Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2015-2020), đến ngày 30/6/2020

1	Ông Lê Chí Dũng	Trưởng ban Kiểm soát	132.921.000	3.570.000	136.491.000
2	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên BKS	18.000.000		18.000.000
3	Ông Bửu Nguyễn Vinh Nguyễn	Thành viên BKS	18.000.000		18.000.000

Ban điều hành

1	Ông Trần Quang Cần	Tổng Giám đốc	132.921.000	403.577.626	403.577.626
2	Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc	18.000.000	458.492.386	458.492.386
3	Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc	18.000.000	581.633.022	581.633.022
4	Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc		576.720.325	576.720.325
5	Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc		581.783.885	581.783.885
6	Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc		549.758.443	549.758.443
7	Ông Phan Anh Quang	Phó Tổng Giám đốc		328.865.648	328.865.648
8	Ông Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc		324.472.245	324.472.245
9	Ông Trần Quang Cần	Kế toán trưởng		235.504.607	235.504.607
10	Ông Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng		221.439.335	221.439.335

TỔNG CỘNG

1.017.921.000 4.525.528.777 5.543.449.777



Giao dịch cổ đông nội bộ:

(thông tin về giao dịch CP của thành viên HĐQT, BKS, TGD, KTT, CB quản lý, thư ký công ty, cổ đông lớn và người liên quan)

Năm 2020, Tổng Công ty không có phát sinh giao dịch CP của thành viên HĐQT, BKS, TGD, KTT, CB quản lý, thư ký công ty, cổ đông lớn và người liên quan.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Năm 2020, Tổng Công ty không có phát sinh giao dịch liên quan đến các thành viên chủ chốt (Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng) và người có liên quan.

Các giao dịch trong tổ chức thi công xây dựng các công trình điện với các công ty con, công ty liên kết, cụ thể: Đối với các giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty con, công ty liên kết trong Tổ hợp VNECO chủ yếu về hoạt động xây dựng các công trình hệ thống lưới điện là ngành nghề chính của cả Tổ hợp VNECO và đây là những phát sinh thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT-VNECO ngày 31/7/2017 của HĐQT về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty con, Công ty liên kết trong tổ hợp VNECO, tuân thủ quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy định của Luật doanh nghiệp.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam luôn tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Quy chế nội bộ công ty.

Vấn đề khác:

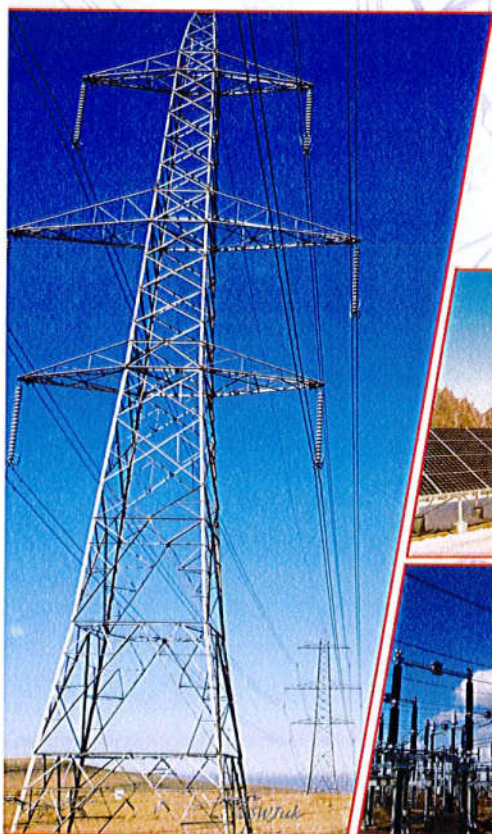
Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/06/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/06/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng (Gồm 310.000.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000.000 đồng tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng nói trên.

Theo bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Hứa Thị Phấn và các bị cáo khác phạm tội “Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 đồng trong 400.000.000.000 đồng mà bà Ngô Kim Huệ chuyển cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/6/2020, Tổng Công ty đã gửi đơn khiếu nại theo thủ tục Tái thẩm lên Tòa án Nhân dân tối cao và Viện kiểm sát Nhân dân tối cao. Tiếp đó Tổng Công ty đã gửi đơn kêu cứu lên Thủ tướng chính phủ để nghị xem xét kháng nghị đối với bản án trên nhưng đến thời điểm này vẫn chưa có kết quả cuối cùng.

PHẦN VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN
VIỆT NAM**

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11 - 12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 57

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tên tiếng anh: VIET NAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO

Mã chứng khoán: VNE (HOSE)

Trụ sở chính: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động hợp nhất:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Tổng Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30/06/2020)
Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 30/06/2020)
Ông Trần Quang Cần	Thành viên (tái bổ nhiệm ngày 30/06/2020)
Ông Phạm Phú Mai	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/06/2020)
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/06/2020)
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên (tái bổ nhiệm ngày 30/06/2020)
Ông Phan Anh Quang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/06/2020)
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/06/2020)
Ông Ngô Văn Cường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/06/2020)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 02/07/2020)
Ông Lê Chí Dũng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 30/06/2020)
Ông Lê Chí Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/06/2020)
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/06/2020)
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/06/2020)
Ông Bửu Nguyễn Vĩnh Nguyên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/06/2020)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Quang Cần	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2020)
Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/07/2020)
Ông Phan Anh Quang	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/07/2020)
Ông Ngô Văn Cường	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/07/2020)
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 01/07/2020)
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 01/07/2020)
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 01/07/2020)
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 01/07/2020)
Ông Trần Quang Cần	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/07/2020)
Ông Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/07/2020)

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Quang Cần	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. Các thông tin khác

Thực hiện nghị quyết số 11 NQ/VNECO-HDQT ngày 04/06/2020 v/v thống nhất chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã đầu tư vào Công ty TNHH MVT Điện mặt trời VNECO-Vĩnh Long.

Nghị quyết số 41 NQ/VNECO-HDQT ngày 15/09/2020 v/v Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7. Kể từ ngày 29/09/2020 Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7 không còn là công ty liên kết của Tổng công ty.

5. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) tại Đà Nẵng được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

6. Cam kết của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Quang Cần

Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ - Phường 4 - Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: A0720060-HN/AISDN-DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

QUÝ CỎ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của **Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam** (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 57 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam** tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Kết luận của Kiểm toán viên không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này, tuy nhiên, Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22/06/2020 Tổng Công ty đã gửi đơn khiếu nại theo thủ tục Tái thẩm lên Tòa án Nhân dân tối cao và Viện kiểm soát Nhân dân tối cao, tiếp đó Tổng Công ty đã gửi đơn kêu cứu lên Thủ tướng chính phủ đề nghị xem xét kháng nghị đối với bản án trên.

Branch in Ha Noi: 6 Floor, 36 Hoa Binh 4 St., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi

Tel: (04) 3782 0045/46/47 Fax: (04) 3782 0048 Email: hanoi@aisc.com.vn

Branch in Danang: 350 Hai Phong St., Chinh Gian Ward, Thanh Khe Dist, Da Nang City

Tel: (0236) 3 747 619

Fax: (0236) 3 747 619

Email: aisc.dn@gmail.com

Representative in Can Tho: 243/1A, 30/4 St., Ninh Kieu Dist., Can Tho City

Tel: (0710) 3813 004

Fax: (0710) 3828 765

Representative in Hai Phong: 18 Hoang Van Thu St., Hong Bang Dist, Hai Phong City

Tel: (031) 3569 577

Fax: (031) 3569 576

Trang 4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của **Tổng Công ty Cổ Phần Xây Dựng Điện Việt Nam** năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn "vấn đề cần nhấn mạnh" về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2021



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Hiệp

Số GCNĐKHNKT: 1401-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Hồ Thị Hà Lan

Số Giấy CNĐKHNKT: 3080-2019-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.177.932.804.717	718.794.874.463
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	121.800.767.374	44.326.568.573
1. Tiền	111		115.229.156.512	33.054.709.954
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.571.610.862	11.271.858.619
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	11.692.884.339	1.200.421.400
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3.011.852	3.011.852
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.530.252)	(2.590.452)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11.692.402.739	1.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		816.503.637.963	482.112.202.268
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	555.248.233.504	339.615.497.675
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	169.439.406.927	100.392.156.395
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	258.531.764.516	208.569.774.502
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,6	(166.715.766.984)	(166.465.226.304)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.9	170.790.506.450	130.371.668.337
1. Hàng tồn kho	141		170.866.029.455	130.449.560.013
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(75.523.005)	(77.891.676)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		57.145.008.591	60.784.013.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14	497.374.636	225.944.301
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.727.346.217	56.914.261.145
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	3.920.287.738	3.643.808.439
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		915.041.068.536	712.505.003.713
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.997.500.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	372.167.609	372.167.609
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		6.997.500.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.3,6	(372.167.609)	(372.167.609)
II. Tài sản cố định	220		100.261.370.257	90.302.267.529
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	67.198.316.510	64.822.537.826
- Nguyên giá	222		179.403.139.614	167.780.397.865
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.204.823.104)	(102.957.860.039)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	33.063.053.747	25.479.729.703
- Nguyên giá	228		36.524.143.848	28.529.143.848
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.461.090.101)	(3.049.414.145)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	222.390.124.834	222.390.124.834
- Nguyên giá	231		222.390.124.834	222.390.124.834
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	543.891.211.180	358.159.949.552
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		83.797.928.126	100.420.230.884
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		460.093.283.054	257.739.718.668
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	37.099.709.421	37.808.508.450
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.507.584.956	6.062.842.901
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.204.010.541	33.204.010.541
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.341.886.076)	(4.688.344.992)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.730.000.000	3.230.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.401.152.844	3.844.153.348
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3.063.346.868	3.844.153.348
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.337.805.976	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.092.973.873.253	1.431.299.878.176

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.099.025.687.694	450.999.669.700
I. Nợ ngắn hạn	310		1.089.938.894.505	447.211.489.302
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.15	318.757.458.813	55.670.095.985
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	78.527.187.735	100.075.690.473
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	4.100.386.262	4.621.405.085
4. Phải trả người lao động	314		21.161.209.703	18.688.931.870
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	207.040.713.289	137.641.143.458
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	74.388.575.076	5.679.063.695
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	379.190.552.782	120.308.461.147
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	4.307.569.012	432.516.709
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.465.241.833	4.094.180.880
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.086.793.189	3.788.180.398
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	8.558.816.314	467.800.037
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	-	2.804.428.488
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	527.976.875	515.951.873
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		993.948.185.559	980.300.208.476
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	993.948.185.559	980.300.208.476
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.527.289.930	2.527.289.930
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.095.055.143	7.095.055.143
5. Cổ phiếu quỹ	415		(88.867.037.290)	(88.867.037.290)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.763.832.141	16.755.213.872
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		150.879.078	142.260.808
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.623.132.791	112.648.845.193
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		112.074.029.455	102.755.114.472
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.549.103.336	9.893.730.721
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		28.325.503.766	25.669.050.820
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.092.973.873.253	1.431.299.878.176

NGƯỜI LẬP BIỂU

Võ Quang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2021



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.299.667.447.013	1.231.903.550.620
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	1.299.667.447.013	1.231.903.550.620
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.212.061.809.197	1.133.625.776.620
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		87.605.637.816	98.277.774.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.393.090.398	1.460.630.176
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	23.821.861.027	16.636.229.473
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.407.587.015	13.118.591.647
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		444.742.055	67.702.633
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	1.492.184.164	1.270.726.123
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	52.442.899.814	67.074.391.919
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		11.686.525.264	14.824.759.294
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.036.093.137	5.051.762.213
13. Chi phí khác	32	VI.8	658.230.990	2.806.169.353
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		377.862.147	2.245.592.860
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.064.387.411	17.070.352.154
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.759.779.399	6.314.424.699
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	(4.142.234.463)	1.092.750.489
18. Lợi nhuận sau thuế (thu nhập doanh nghiệp) (60 = 50 - 51 - 52)	60		14.446.842.475	9.663.176.966
Cổ đông của Công ty mẹ	61		11.549.103.336	9.893.730.721
Cổ đông không kiểm soát	62		2.897.739.139	(230.553.755)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	141	114
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	141	114

NGƯỜI LẬP BIỂU

Võ Quang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2021



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.064.387.411	17.070.352.154
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11,12	11.583.699.138	11.297.687.544
- Các khoản dự phòng	03		5.788.730.198	17.830.660.365
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	160.262	49.603
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		5.789.480.124	(1.967.660.073)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	14.407.587.015	13.118.591.647
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49.634.044.148	57.349.681.240
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(295.095.766.872)	(67.373.551.966)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(23.794.166.684)	80.305.625.830
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		381.156.596.703	(40.830.225.733)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		509.376.145	2.689.433.937
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14.117.913.289)	(13.027.322.613)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(1.883.328.815)	(7.123.713.246)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.889.645.240)	(4.203.150.782)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		94.519.196.096	7.786.776.667
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH				
1. khác	21		(274.169.726.791)	(50.345.715.830)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH				
2. khác	22		-	1.662.031.627
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(65.125.231.281)	(3.180.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		54.132.828.542	100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.330.343.785	1.366.233.509
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(283.831.785.745)	(50.397.450.694)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	823.471.855.872	634.945.781.015
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(556.498.747.960)	(673.779.247.854)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(186.159.200)	(186.159.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		266.786.948.712	(39.019.626.039)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		77.474.359.063	(81.630.300.066)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		44.326.568.573	125.956.918.242
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(160.262)	(49.603)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		121.800.767.374	44.326.568.573

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Võ Quang

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Đỗ Minh Triết



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập theo quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2005, lần thay đổi gần nhất là thay đổi lần thứ 12 ngày 02 tháng 07 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên tiếng anh: VIET NAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Mã chứng khoán: VNE. Niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở chính: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần đại chúng niêm yết chứng khoán.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp.

4. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi, văn hóa, thể thao, sân bay biển cảng;
- Thiết kế chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định các dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy điện độc lập;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế
- Kinh doanh vận tải hàng hoá, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử, viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bán kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước; hóa mỹ phẩm; kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ; kinh doanh đồ dùng cá nhân, gia đình;
- Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Trong năm, Tổng công ty đã thoái phần vốn góp vào Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long. Do đó đến ngày 31/12/2020, Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam có 9 Công ty con.

Thực hiện nghị quyết số 41 NQ/VNECO-HDQT ngày 15/09/2020 v/v Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7. Kể từ ngày 29/09/2020 Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7 không còn là công ty liên kết của Tổng công ty.

7. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2020: 168 nhân viên. (Đến 31/12/2019: 164 nhân viên)**8. Cấu trúc doanh nghiệp****8.1. Tổng số các Công ty con:**

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 09 công ty con.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

8.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có chín (09) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty CP xây dựng điện VNECO 3	Khoá 3, P. Trung Đô, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	52,93%	52,93%	52,93%
2. Công ty CP xây dựng điện VNECO 4	Số 197 Nguyễn Trường Tộ, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	54,73%	54,73%	54,73%
3. Công ty CP xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, TP. Buon Ma Thuot, tỉnh Đắk Lắk	55,93%	55,93%	55,93%
4. Công ty CP xây dựng điện VNECO 12	Số 155 Lý Thường Kiệt, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	65,73%	65,73%	65,73%
5. Công ty TNHH Điện Giá Thuận Nhiên Phong I	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	100,00%	100,00%	100,00%
6. Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	100,00%	100,00%	100,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất (tiếp theo):

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
7. cũ) Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung (Công ty Living	Số 344 Phan Châu Trình, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	100,00%	100,00%	100,00%
	Số 344 Phan Châu Trình, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng			
8. VNECO Công ty Cổ phần Năng Lượng	Số 344 Phan Châu Trình, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	51,00%	51,00%	51,00%
9. VNECO Công ty TNHH Đầu tư	Số 132 Cao Đức Lân, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.	100,00%	100,00%	100,00%

8.3. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. VNECO 2 Công ty CP xây dựng điện	Số 13 Mai Hắc Đế, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An Phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	32,37%	32,37%	32,37%
2. VNECO 10 Công ty CP xây dựng điện	Định	30,05%	30,05%	30,05%

8.4. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên Chi nhánh	Địa chỉ
1 Khách sạn Xanh Đà Nẵng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam -	Số 64 Hoàng Văn Thái Quận Liên Chiểu - TP Đà Nẵng
2 Chi nhánh Miền Nam Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam -	28/1/10 Phan Đình Giót, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
3 Chi nhánh Miền Bắc	2A2 Đầm Trấu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

9. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam và các Công ty con ("Tổng Công ty") cho năm 2020.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Tổng Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại (hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ) phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Tổng Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong Công ty con**

* Khi Tổng Công ty tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

* Khi giao dịch thoái vốn không làm Tổng Công ty mất quyền kiểm soát đối với Công ty con, toàn bộ chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với (+) giá trị phần lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất

* Khi giao dịch thoái vốn dẫn đến việc Tổng Công ty mất quyền kiểm soát đối với Công ty con, toàn bộ chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với (+) giá trị phần lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua (phương pháp vốn chủ sở hữu) nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tổng Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (ghi nhận nợ phải trả) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Hải Văn. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2020: 23.010 VND/USD; tỷ giá mua ngoại tệ của Vietin Bank - CN Nghệ An. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2020: 22.995 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Tổng Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Tổng Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Tổng Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Tổng Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Tổng Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Tổng Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Phương pháp kế toán đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu**

Đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu, Tổng Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư không phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp kế toán trường hợp hoán đổi cổ phiếu

Khi bán khoản đầu tư vào cổ phiếu của doanh nghiệp khác dưới hình thức hoán đổi cổ phiếu, Tổng Công ty xác định và ghi nhận theo giá trị hợp lý của cổ phiếu nhận về tại thời điểm trao đổi. Phần chênh lệch (nếu có) giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu nhận về và giá trị ghi sổ của cổ phiếu mang đi trao đổi được phản ánh là doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình hình thành từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị, nguyên giá tài sản cố định vô hình là giá trị hợp lý của các chứng từ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn.

Mua tài sản cố định vô hình từ việc sát nhập doanh nghiệp

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành trong quá trình sát nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.3 Phương pháp khấu hao TSCD*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCD như sau:*

Nhà xưởng, vật kiến trúc	8-25 năm
Máy móc, thiết bị	3-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10 năm
Phần mềm máy tính	03-05 năm

*Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.**Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.***8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Tổng Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Lợi thế thương mại, chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Tổng Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tổng Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khối ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Tổng Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Tổng Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần"

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán bất động sản**

Đối với các công trình, hạng mục công trình mà Tổng Công ty là chủ đầu tư: doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện: 1. Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; 5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và cổ tức, lợi nhuận được chia.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí cho vay và đi vay vốn; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Tổng Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Tổng Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Tổng Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Tổng Công ty được Cơ quan thuế thanh tra kiểm tra quyết toán thuế đến năm 2016.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trên thu nhập chịu thuế.

21. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

22. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tổng Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tổng Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

24. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2020	01/01/2020
Tiền	115.229.156.512	33.054.709.954
Tiền mặt	2.282.628.110	1.918.586.050
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn VND	112.916.994.521	31.106.409.978
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn USD	29.533.881	29.713.926
Các khoản tương đương tiền	6.571.610.862	11.271.858.619
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	6.571.610.862	11.271.858.619
Cộng	121.800.767.374	44.326.568.573

2. Các khoản đầu tư tài chính (xem trang 44-46)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	555.248.233.504	(47.843.043.910)	339.615.497.675	(47.592.503.230)
Khách hàng trong nước	555.248.233.504	(47.843.043.910)	339.615.497.675	(47.592.503.230)
Công ty Cổ phần Malblue	119.269.397.327	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hối xuân VNECO	56.368.465.234	(45.528.533.464)	56.368.465.234	(45.528.533.464)
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	50.441.495.553	-	99.609.712.904	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	46.565.548.549	-	-	-
Công ty Cổ phần giải pháp năng lượng Minh Thông	65.150.379.392	-	-	-
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	61.606.940.298	-	-	-
Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam	53.056.022.302	-	25.652.830.558	-
Khách hàng khác	222.059.382.176	(2.314.510.446)	157.984.488.979	(2.063.969.766)
b. Dài hạn	372.167.609	(372.167.609)	372.167.609	(372.167.609)
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	372.167.609	(372.167.609)	372.167.609	(372.167.609)
Cộng	555.620.401.113	(48.215.211.519)	339.987.665.284	(47.964.670.839)
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	149.953.468	-	-	-
Cộng	149.953.468	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	169.439.406.927	(44.175.800)	100.392.156.395	(44.175.800)
Nhà cung cấp trong nước	62.677.150.927	(44.175.800)	100.392.156.395	(44.175.800)
Bộ Chỉ huy Quân sự - TP. Đà Nẵng (*)	25.493.022.727	-	25.493.022.727	-
Công Ty TNHH Nhật Tâm Gia	3.086.542.856	-	12.760.224.716	-
Công ty CP Xây dựng Mai Linh Hà Tĩnh	-	-	1.592.066.857	-
Nhà cung cấp khác	34.097.585.344	(44.175.800)	60.546.842.095	(44.175.800)
Nhà cung cấp nước ngoài GENERAL ELECTRI INTERNATIONAL, INC	106.762.256.000	-	-	-
Cộng	169.439.406.927	(44.175.800)	100.392.156.395	(44.175.800)

b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 10	-	-	3.062.121.477	-
Cộng	-	-	3.422.851.005	-

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

6. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tạm ứng	71.340.638.696	-	77.265.600.016	-
Phải thu khác	187.191.125.820	(118.828.547.274)	131.304.174.486	(118.828.547.274)
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lã Thị Thùy Vân	66.520.858.333	(66.520.858.333)	66.520.858.333	(66.520.858.333)
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	43.517.715.546	(43.517.715.546)	43.517.715.546	(43.517.715.546)
Phải thu tiền đền bù chi hộ	653.281.200	-	9.732.999.200	-
Phải thu hợp tác đầu tư	60.000.000.000	-	-	-
Lãi dự thu	155.102.660	-	122.708.082	-
Ký quỹ, ký cược	7.644.911	-	5.000.000	-
Phải thu khác	16.336.523.170	(8.789.973.395)	11.404.893.325	(8.789.973.395)
Cộng	258.531.764.516	(118.828.547.274)	208.569.774.502	(118.828.547.274)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nợ xấu	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Nợ quá hạn trên 3 năm	141.422.592.853	-	141.168.579.473	-
Nợ quá hạn trên 2 năm	36.505.273.510	10.839.931.770	36.510.234.510	10.841.420.070
Cộng	177.927.866.363	10.839.931.770	177.678.813.983	10.841.420.070
9. Hàng tồn kho	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.638.649.982	(33.762.087)	10.031.218.986	(33.762.087)
Công cụ, dụng cụ	403.880.196	(1.878.552)	128.978.121	(1.878.552)
Chi phí SX, KD dở dang	138.513.746.163	-	109.009.150.844	-
Thành phẩm	12.232.068.009	(39.882.366)	11.201.021.206	(42.251.037)
Hàng hoá	10.077.685.104	-	79.190.856	-
Cộng	170.866.029.454	(75.523.005)	130.449.560.013	(77.891.676)
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 72.961.758 VND.				
- Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: Không có.				
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 18.138.994.893 VND.				
10. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	83.797.928.126	-	100.420.230.884	-
<i>Khu đô thị mới Mỹ Thuận (Thừa Thiên Huế)</i>	83.797.928.126	-	100.420.230.884	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	460.093.283.054	-	257.739.718.668	-
- Xây dựng cơ bản	460.093.283.054	-	257.739.718.668	-
<i>Dự án siêu thị Greenmart - Đà Nẵng (*)</i>	64.774.433.222	-	58.935.776.939	-
<i>Dự án điện mặt trời Quảng Trị</i>	-	-	2.579.020.910	-
<i>Dự án NM điện gió Thuận Nhiên Phong 1 (**)</i>	383.852.385.705	-	186.013.726.260	-
<i>Dự án NM điện mặt trời VNECO Hòa Thắng-Bình Thuận</i>	-	-	527.368.329	-
<i>Dự án NM điện mặt trời VNECO Vĩnh Long</i>	-	-	7.776.721.172	-
<i>Các dự án khác</i>	11.466.464.127	-	1.907.105.058	-
Cộng	543.891.211.180	-	358.159.949.552	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản dở dang dài hạn (tiếp theo)

(*) Dự án đang được thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/242753/HDDDB ngày 24/01/2019 giữa Tổng công ty CP Xây dựng điện Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

(**) Dự án được mua lại theo Hợp đồng chuyển nhượng dự án số 001/2017/HĐ/TNP1-RENERGY ngày 05/04/2017 ký giữa Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) và Công ty CP Năng lượng tái tạo Châu Á (RENERGY). Hiện nay dự án đang trong giai đoạn thực hiện và dự kiến hoàn thành vào tháng 10 năm 2021.

11. Tài sản cố định hữu hình (xem chi tiết trang số 47)**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 01/01/2020	27.899.857.528	50.086.320	579.200.000	28.529.143.848
Mua trong năm	7.995.000.000	-	-	7.995.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	35.894.857.528	50.086.320	579.200.000	36.524.143.848
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 01/01/2020	2.521.827.825	50.086.320	477.500.000	3.049.414.145
Khấu hao trong năm	385.313.456	-	26.362.500	411.675.956
Số dư tại ngày 31/12/2020	2.907.141.281	50.086.320	503.862.500	3.461.090.101
Giá trị còn lại				
Số dư tại ngày 01/01/2020	25.378.029.703	-	101.700.000	25.479.729.703
Số dư tại ngày 31/12/2020	32.987.716.247	-	75.337.500	33.063.053.747

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm các thửa đất có giấy chứng nhận sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL185623 ngày 14/11/2012 thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 118 tại số 64, đường Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 6.568,6 m², nguyên giá 19.277.284.892 đồng, thời gian sử dụng đất đến 13/11/2062.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 634777 ngày 14/12/2017 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5-22 tại xã An Vĩnh Ngãi, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An với diện tích 615 m², nguyên giá 1.335.095.636 đồng, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD161263 ngày 11/03/2011 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09 tại Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị với diện tích 136 m², nguyên giá 3.015.000.000 đồng, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T086817 ngày 18/06/2001 thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 09 tại Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị với diện tích 140 m², nguyên giá 3.015.000.000 đồng, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 276134 QSD/ATM ngày 15/12/2005 tại số 10 Đào Duy Từ, phường Thống Nhất, thành phố Buon Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam, nguyên giá 1.257.477.000 đồng, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Giấy CNQSD đất số BI074673 ngày 20/07/2011 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 88 Khu đô thị sinh thái ven sông Hoà Xuân - giai đoạn 2, phường Hoà Xuân, quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng với diện tích 179,1 m², nguyên giá 7.995.000.000, thời gian sử dụng đất lâu dài.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

- * Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17.820.277.341 VND.
- * Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 508.836.320 VND.
- * Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VND.
- * Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không phát sinh
- * Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không phát sinh

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	222.390.124.834	-	-	222.390.124.834
<i>Nhà và quyền sử dụng đất</i>	<i>222.390.124.834</i>	-	-	<i>222.390.124.834</i>
Tồn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
<i>Nhà và quyền sử dụng đất</i>	-	-	-	-
Giá trị còn lại	222.390.124.834	-	-	222.390.124.834
<i>Nhà và quyền sử dụng đất</i>	<i>222.390.124.834</i>	-	-	<i>222.390.124.834</i>

(*) Nhà và Quyền sử dụng đất bao gồm các thửa đất có giấy chứng nhận sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất 125 Nguyễn Đình Chính, P8, Q Phú Nhuận TP HCM. Nguyên giá: 75.439.662.850 đồng

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất 129C Nguyễn Đình Chính, P8, Q Phú Nhuận TP HCM. Nguyên giá: 9.707.445.250 đồng

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất 129D Nguyễn Đình Chính, P8, Q Phú Nhuận TP HCM. Nguyên giá: 35.219.139.275 đồng

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại 153/6 Nguyễn Thị Minh Khai, TP Hồ Chí Minh. Nguyên giá: 70.230.000.000 đồng.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại 173/11/7 Nguyễn Thị Minh Khai, TP Hồ Chí Minh. Nguyên giá: 5.39.145.506 đồng.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại 173/11/6 Nguyễn Thị Minh Khai, TP Hồ Chí Minh. Nguyên giá: 4.438.465.792 đồng.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại 167 Nguyễn Thị Minh Khai, TP Hồ Chí Minh. Nguyên giá: 10.972.586.818 đồng.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại 173/3 Nguyễn Thị Minh Khai, TP Hồ Chí Minh. Nguyên giá: 10.343.679.343 đồng.

* Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 152.160.124.834 VND.

* Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND.

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Chi phí trả trước	31/12/2020		01/01/2020	
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	497.374.636		225.944.301	
Tiền thuê văn phòng, nhà kho, mặt hồ	103.869.722		51.000.000	
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	372.479.197		112.393.354	
Các khoản khác	21.025.717		62.550.947	
b. Chi phí trả trước dài hạn	3.063.346.868		3.844.153.348	
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.733.188.467		3.253.277.202	
Chi phí sửa chữa	1.330.158.401		567.558.337	
Chi phí khác	-		23.317.809	
Cộng	3.560.721.504		4.070.097.649	
15. Phải trả người bán	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	318.757.458.813	318.757.458.813	55.670.095.985	55.670.095.985
Nhà cung cấp trong nước	298.831.355.653	298.831.355.653	55.670.095.985	55.670.095.985
Công ty CP Sông Đà 11	4.673.227.296	4.673.227.296	4.623.138.753	4.623.138.753
Công ty TNHH Thiệp Thiên Long	102.224.840.521	102.224.840.521	-	-
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 2	20.380.156.505	20.380.156.505	-	-
Công ty Cổ phần Xây Dựng Hoàng Thăng	11.620.558.382	11.620.558.382	-	-
Công ty TNHH TM DV Cát Tâm	35.231.860.217	35.231.860.217	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Hóa Phan Việt Nam	5.130.339.432	5.130.339.432	-	-
Các đối tượng khác	119.570.373.300	119.570.373.300	51.046.957.232	51.046.957.232
Nhà cung cấp nước ngoài	19.926.103.160	19.926.103.160	-	-
Công ty YIXING BOYU ELECTRIC POWER MACHINERY CO.,LTD	19.926.103.160	19.926.103.160	-	-
Cộng	318.757.458.813	318.757.458.813	55.670.095.985	55.670.095.985
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	20.506.797.374	20.506.797.374	126.640.869	126.640.869
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	4.058.912.371	4.058.912.371	423.024.512	423.024.512
Cộng	24.565.709.745	25.651.211.575	549.665.381	549.665.381

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		31/12/2020	01/01/2020	
Công ty CP đầu tư phát triển Đại Phong - CN Bình Thuận		-	15.695.606.660	
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây dựng Huy Hoàng		-	664.805.150	
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Bắc		-	12.116.139.890	
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Nam		8.340.362.444	3.321.325.628	
Ban quản lý dự án các công trình Điện miền Trung		19.179.632.180	116.422.682	
Các đối tượng khác		51.007.193.111	68.161.390.463	
Cộng		78.527.187.735	100.075.690.473	
17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.868.966.220	51.858.499.678	52.532.777.734	3.194.688.164
Thuế thu nhập doanh nghiệp	558.102.339	696.213.590	543.283.708	711.032.221
Thuế thu nhập cá nhân	175.514.908	697.134.710	699.301.869	173.347.749
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	558.766.814	558.766.814	-
Thuế môn bài	-	72.554.632	72.554.632	-
Thuế khác	18.821.618	402.955.792	402.955.792	18.821.618
Cộng	4.621.405.085	54.291.621.726	54.812.640.549	4.100.386.262
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.643.808.439	1.063.282.004	1.339.761.303	3.920.287.738
Cộng	3.643.808.439	1.063.282.004	1.339.761.303	3.920.287.738
18. Chi phí phải trả ngắn hạn		31/12/2020	01/01/2020	
Trích trước chi phí lãi vay		555.003.931	265.330.205	
Trích trước chi phí công trình		200.078.412.386	134.622.926.179	
Trích trước chi phí mua trụ sở làm việc		2.173.436.096	2.173.436.096	
Chi phí phải trả khác		4.233.860.876	579.450.978	
Cộng		207.040.713.289	137.641.143.458	
19. Phải trả ngắn hạn khác		31/12/2020	01/01/2020	
Kinh phí công đoàn		659.472.696	742.634.454	
Bảo hiểm các loại		891.745.952	643.313.037	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		1.000.034.275	1.000.034.275	
Phải trả khoản hợp tác đầu tư		60.000.000.000	-	
Các khoản phải trả, phải nộp khác		11.837.322.153	3.293.081.929	
Cộng		74.388.575.076	5.679.063.695	

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vay và nợ thuê tài chính (xem trang 48-53)

21. Dự phòng phải trả	31/12/2020	01/01/2020
a. Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	4.307.569.012	432.516.709
Cộng	4.307.569.012	432.516.709
b. Dài hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	527.976.875	515.951.873
Cộng	527.976.875	515.951.873
22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2020	01/01/2020
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.337.805.976,00	-
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định Giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.252.997.179	-
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(915.191.203)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	2.804.428.488
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	3.349.469.883
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(545.041.395)
Cộng	1.337.805.976	2.804.428.488

23. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: (xem trang 54)****b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2020	01/01/2020
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	0,00%	-	71.497.060.000
Bà La Mỹ Phương	7,29%	65.967.890.000	65.967.890.000
Các cổ đông khác	83,31%	753.372.440.000	681.875.380.000
Cổ phiếu quỹ	9,40%	84.989.200.000	84.989.200.000
Cộng	100,00%	904.329.530.000	904.329.530.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
Vốn góp của chủ sở hữu	904.329.530.000	904.329.530.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>904.329.530.000</i>	<i>904.329.530.000</i>
<i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>904.329.530.000</i>	<i>904.329.530.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

d. Cổ tức	Năm 2020	Năm 2019
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ		
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường</i>	<i>Chưa công bố</i>	<i>Không</i>
d. Cổ phiếu	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>90.432.953</i>	<i>90.432.953</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.498.920	8.498.920
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.498.920</i>	<i>8.498.920</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.934.033	81.934.033
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>81.934.033</i>	<i>81.934.033</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>
e. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2020	01/01/2020
Quỹ đầu tư phát triển	16.763.832.141	16.755.213.872
Quỹ khác thuộc nguồn vốn hữu sở hữu	150.879.078	142.260.808
Cộng	16.914.711.219	16.897.474.680

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.056.488.021	7.069.739.436
Doanh thu bán hàng	488.181.490.338	30.436.449.907
Doanh thu kinh doanh bất động sản	46.469.204.078	222.887.648.495
Doanh thu hợp đồng xây dựng	761.809.938.428	971.509.712.782
Doanh thu khác	1.150.326.148	-
Cộng	1.299.667.447.013	1.231.903.550.620
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	Năm 2020	Năm 2019
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 10	-	187.090.000
Cộng	-	187.090.000
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.056.488.021	7.069.739.436
Doanh thu thuần bán hàng	488.181.490.338	30.436.449.907
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	46.469.204.078	222.887.648.495
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	761.809.938.428	971.509.712.782
Doanh thu thuần khác	1.150.326.148	-
Cộng	1.299.667.447.013	1.231.903.550.620

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2020	Năm 2019
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.846.737.631	11.414.118.132
Giá vốn bán hàng	478.096.318.782	24.818.819.670
Giá vốn kinh doanh bất động sản	40.313.133.824	191.763.558.537
Giá vốn hợp đồng xây dựng	686.071.961.823	905.629.280.281
Giá vốn khác	733.657.137	-
Cộng	1.212.061.809.197	1.133.625.776.620
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.062.729.963	1.160.630.176
Cổ tức, lợi nhuận được chia	300.008.400	300.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	30.352.035	-
Cộng	1.393.090.398	1.460.630.176
5. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	14.376.618.247	13.118.591.647
Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng vốn	3.244.850.219	-
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	5.229.031.693	3.516.123.366
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(3.575.550.809)	-
Chi phí tài chính khác	1.277.087	1.464.857
Chi phí tư vấn chuyển nhượng vốn	4.545.454.545	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.783	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	160.262	49.603
Cộng	23.821.861.027	16.636.229.473
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Các khoản khác	1.492.184.164	1.270.726.123
Cộng	1.492.184.164	1.270.726.123
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	28.999.370.700	29.574.897.736
Chi phí đồ dùng văn phòng	945.668.955	408.191.171
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.990.263.586	3.117.255.802
Thuế, phí, lệ phí	982.235.357	618.359.708
Dự phòng phải thu khó đòi	302.770.780	15.504.518.164
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	(52.230.100)	(185.048.589)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.318.698.441	2.372.345.586
Chi phí bằng tiền khác	13.956.122.095	15.663.872.341
Cộng	52.442.899.814	67.074.391.919

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2020	Năm 2019
7. Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	97.913.786	439.327.264
Hoàn nhập bảo hành các công trình	224.847.278	734.633.773
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	173.742.400	3.055.286.537
Các khoản khác	539.589.673	822.514.639
Cộng	1.036.093.137	5.051.762.213
8. Chi phí khác		
Các khoản chậm nộp thuế và bảo hiểm	5.842.881	1.468.526
Các khoản thuế bị truy thu, phạt chậm nộp (tại công ty con)	108.109.051	208.470.010
Chi phí phạt vi phạm gói bảo lãnh dự thầu	-	2.000.000.000
Các khoản khác	544.279.058	596.230.817
Cộng	658.230.990	2.806.169.353
<i>Thuyết minh hoạt động thanh lý CCDC</i>		
Thu từ thanh lý	130.543.727	1.662.031.627
Giá trị còn lại của CCDC thanh lý	32.629.941	1.222.704.363
Lãi/(lỗ) từ thanh lý tài sản	97.913.786	439.327.264
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	604.488.433.668	262.325.764.246
Chi phí nhân công	86.828.348.001	83.473.588.743
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.583.699.138	11.297.687.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	625.994.454.432	792.083.006.617
Chi phí khác bằng tiền	82.622.437.132	43.524.818.714
Cộng	1.411.517.372.371	1.192.704.865.864
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.759.779.399	6.207.386.899
2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	107.037.800
3. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.759.779.399	6.314.424.699
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(4.142.234.463)	1.092.750.489
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(4.142.234.463)	1.092.750.489

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.549.103.336	9.893.730.721
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	(558.012.834)
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	-	(558.012.834)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.549.103.336	9.335.717.887
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	81.934.033	81.934.033
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	141	114

(*) Tổng Công ty áp dụng thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ tài Chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố lợi nhuận để tính lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 do ảnh hưởng của việc loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế.

Năm này, Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế nên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu của kỳ này là toàn bộ lợi nhuận sau thuế.

13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.549.103.336	9.335.717.887
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	11.549.103.336	9.335.717.887
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	81.934.033	81.934.033
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân sẽ được qui đổi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	81.934.033	81.934.033
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	141	114

14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

14.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tổng Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm 2020		
VND	+200	(5.085.654.420)
VND	- 200	5.085.654.420
USD	+200	590.678
USD	- 200	(590.678)
<hr/>		
	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm 2019		
VND	+100	(1.123.382.986)
VND	- 100	1.123.382.986
USD	+100	297.139
USD	- 100	(297.139)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

14.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Dưới 90 ngày	495.507.131.095	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	59.741.102.409
Tổng cộng giá trị ghi sổ	495.507.131.095	-	-	59.741.102.409
Dự phòng giảm giá trị				(48.215.211.519)
Giá trị thuần	495.507.131.095	-	-	11.525.890.890
Ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Dưới 90 ngày	280.809.406.766	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	4.961.000
>181 ngày	-	-	-	58.801.129.909
Tổng cộng giá trị ghi sổ	280.809.406.766	-	-	58.806.090.909
Dự phòng giảm giá trị				(47.964.670.839)
Giá trị thuần	280.809.406.766	-	-	10.841.420.070

14.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31/12/2020	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	379.190.552.782	8.558.816.314	-	387.749.369.096
Phải trả người bán	318.757.458.813	-	-	318.757.458.813
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	283.713.581.329	-	-	283.713.581.329
	981.661.592.924	8.558.816.314	-	990.220.409.238
Ngày 31/12/2019				
Các khoản vay và nợ	120.308.461.147	467.800.037	-	120.776.261.184
Phải trả người bán	55.670.095.985	-	-	55.670.095.985
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	141.882.693.969	-	-	141.882.693.969
	317.861.251.101	467.800.037	-	318.329.051.138

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và kiểm soát dòng tiền lưu chuyển thuần từ hoạt động để có thể thanh toán các khoản công nợ đến hạn thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần tài sản là Bất động sản và các công trình xây dựng cơ bản hình thành sau đầu tư làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng (theo thuyết minh tại mục V.19)

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 55)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2020	Năm 2019
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	823.471.855.872	634.945.781.015

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	556.498.747.960	673.779.247.854

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/06/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/06/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng (Gồm 310.000.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000.000 đồng tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng nói trên

Theo bản án 618/2018/HIS-PT ngày 02/11/2018, TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Hứa Thị Phần và các bị cáo khác phạm tội "Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 đồng trong 400.000.000.000 đồng mà bà Ngô Kim Huệ chuyển cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật

Ngày 22/06/2020, Tổng Công ty đã gửi đơn khiếu nại theo thủ tục Tái thẩm lên Tòa án Nhân dân tối cao và Viện kiểm sát Nhân dân tối cao. Tổng Công ty cũng đã gửi đơn kêu cứu lên Thủ tướng chính phủ đề nghị xem xét kháng nghị đối với bản án 618/2018/HIS-PT ngày 02/11/2018 nhưng đến thời điểm này vẫn chưa có kết quả cuối cùng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác (tiếp theo)**Cam kết góp vốn:**

Chi tiết về số vốn điều lệ Tổng công ty cam kết góp theo Đăng ký kinh doanh của từng công ty con như sau:

Tên Công ty	Ngày đăng ký kinh doanh	Vốn điều lệ Tổng công ty cam kết góp (VND)	Số vốn thực tế Tổng Công ty đã góp đến 31/12/2020 (VND)
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	27/01/2021	12.000.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Điện Mặt Trời VNECO - Hòa Thắng	01/11/2017	200.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần năng lượng VNECO	04/08/2020	51.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	16/10/2020	50.000.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	20/11/2020	440.000.000.000	381.800.000.000

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2020 Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO ban hành quyết định số 28/QĐ/VNECO-HĐQT v/v chủ trương thành lập Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO với tổng số vốn góp là 51.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Năm 2020
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 2	Công ty liên kết	Mua hàng	Số dư đầu năm	(234.088.659)
			Phát sinh tăng	40.135.585.613
			Phát sinh giảm	19.394.699.580
		Số dư cuối năm	20.506.797.374	
		Bán hàng	Số dư đầu năm	-
			Phát sinh tăng	1.134.512.107
Phát sinh giảm	984.558.639			
Số dư cuối năm	149.953.468			
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 10	Công ty liên kết	Khoản phải trả người bán	Số dư đầu năm	(2.639.096.965)
			Phát sinh tăng	46.201.104.342
			Phát sinh giảm	39.503.095.006
		Số dư cuối năm	4.058.912.371	
		Phải thu về cho vay vốn	Số dư đầu năm	-
			Phát sinh tăng	3.029.166.667
Phát sinh giảm	3.029.166.667			
Số dư cuối năm	-			

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc (trang 56-57)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận:

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Tổng Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tổng Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Tổng Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Tổng Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2020

Tổng Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận hoạt động kinh doanh xây lắp, hoạt động bất động sản và hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Kinh doanh hoạt động xây lắp	761.809.938.428	686.071.961.823	75.737.976.605
Kinh doanh hoạt động kinh doanh bất động sản	46.469.204.078	40.313.133.824	6.156.070.254
Kinh doanh dịch vụ khác	491.388.304.507	485.676.713.550	5.711.590.957
Cộng	1.299.667.447.013	1.212.061.809.197	87.605.637.816

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2019

Tổng Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận hoạt động kinh doanh xây lắp, hoạt động bất động sản và hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Kinh doanh hoạt động xây lắp	971.509.712.782	905.629.280.281	65.880.432.501
Kinh doanh hoạt động kinh doanh bất động sản	222.887.648.495	191.763.558.537	31.124.089.958
Kinh doanh dịch vụ khác	37.506.189.343	36.232.937.802	1.273.251.541
Cộng	1.231.903.550.620	1.133.625.776.620	98.277.774.000

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh năm trước và số liệu đầu năm của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng Công ty là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung.

6. Thông tin về hoạt động liên tục: Tổng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Võ Quang

KẾ TOÁN/TRƯỞNG



Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2021



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2020		01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Chứng khoán kinh doanh					
Tổng giá trị cổ phiếu	3.011.852	421.400	(2.530.252)	3.011.852	421.400
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 9	3.011.852	421.400	(2.530.252)	3.011.852	421.400
Cộng	3.011.852	421.400	(2.530.252)	3.011.852	(2.590.452)
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
			31/12/2020		01/01/2020
b1. Ngắn hạn	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	11.692.402.739	11.692.402.739	11.692.402.739	1.200.000.000	1.200.000.000
b2. Dài hạn	3.730.000.000	3.730.000.000	3.730.000.000	3.230.000.000	3.230.000.000
- Trái phiếu	3.730.000.000	3.730.000.000	3.730.000.000	3.230.000.000	3.230.000.000
Cộng	15.422.402.739	15.422.402.739	15.422.402.739	4.430.000.000	4.430.000.000
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
			31/12/2020		01/01/2020
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
(1) Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 2	5.854.100.000	6.507.584.956	5.854.100.000	5.854.100.000	6.062.842.901
(2) Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
(3) Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 7	-	-	-	9.560.000.000	-
Cộng	8.854.100.000	6.507.584.956	8.854.100.000	18.414.100.000	6.062.842.901

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Chế Tạo Kết Cấu Thép VNECO.SSM	1.913.808	-	1.913.808	-
(5) Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 1	179.472	-	179.472	-
(6) Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 9	916.740	-	916.740	-
(7) Công ty Cổ phần Sông Ba	2.381.000.521	-	2.381.000.521	-
(8) Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện	30.820.000.000	(6.341.886.076)	30.820.000.000	(4.688.344.992)
Cộng	33.204.010.541	(6.341.886.076)	33.204.010.541	(4.688.344.992)

- *Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900559122 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 16 tháng 07 năm 2020 do (1) Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 2 là 5.854.100.000 VND, tương đương 32,37% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động năm 2020: Công ty kinh doanh có lãi. Lợi nhuận lũy kế dương.

(2) Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 10 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100542490 ngày 25/10/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22 tháng 05 năm 2019. Tổng Công ty đánh giá không thu hồi được, đã lập dự phòng đầy đủ 100%.

(3) Thực hiện nghị quyết số 41 NQ/VNECO-HDQT ngày 15/09/2020 v/v Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7. Kể từ ngày 29/09/2020 Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7 không còn là công ty liên kết của Tổng công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000479 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 04 năm 2004, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 21 tháng 03 năm 2013 do (4) Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty CP Chế Tạo Kết Cấu Thép VNECO .SSM là 1.913.808 VND, tương đương 0,0033% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động năm 2020: Công ty kinh doanh có lãi. Lợi nhuận lũy kế âm.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400447064 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 06 năm 2018 do (5) Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 1 là 179.472 VND, tương đương 0,0003% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động năm 2020: Công ty kinh doanh lỗ. Lợi nhuận lũy kế âm.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200580651 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 28 tháng 10 năm 2015 do (6) Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 9 là 916.740 VND, tương đương 0,0007% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động năm 2020: Công ty kinh doanh lỗ. Lợi nhuận lũy kế âm.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400439955 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 07 năm 2007, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 16 tháng 02 năm 2017 (7) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty CP Sông Ba 1 là 48.140 VND, tương đương 0,00001% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động năm 2020: Công ty kinh doanh có lãi. Lợi nhuận lũy kế dương.

(8) Cty CP Đầu tư và xây dựng điện Hải Xuân VNECO hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh số 2801064792 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 01 tháng 08 năm 2007.

Giá trị hợp lý được xác định bằng với tỷ lệ phần trăm sở hữu trong tổng giá trị tài sản thuần hoặc giá trị có thể thu hồi của các công ty con, công ty liên kết và giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được đánh giá và xác định theo giá thị trường của cổ phiếu niêm yết tại ngày lập báo cáo.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác tại ngày 01/01/2020 được trình bày lại cho nhất quán năm nay.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.11. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 01/01/2020	79.317.495.552	56.227.583.516	31.478.845.297	756.473.500	167.780.397.865
Mua trong năm	76.254.545	6.152.406.266	6.781.561.364	-	13.010.222.175
ĐT XDCB h. thành	-	-	1.056.547.910	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(37.463.636)	(623.734.628)	(1.782.830.072)	-	(2.444.028.336)
Số dư tại ngày 31/12/2020	79.356.286.461	61.756.255.154	37.534.124.499	756.473.500	179.403.139.614
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2020	43.575.628.499	38.712.240.897	20.025.028.011	644.962.631	102.957.860.039
Khấu hao trong năm	5.023.974.506	3.384.724.501	2.726.354.658	36.969.517	11.172.023.182
Thanh lý, nhượng bán	(37.463.636)	(617.989.872)	(1.269.606.609)	-	(1.925.060.117)
Số dư tại ngày 31/12/2020	48.562.139.369	41.478.975.526	21.481.776.060	681.932.148	112.204.823.104
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 01/01/2020	35.741.867.053	17.515.342.619	11.453.817.286	111.510.869	64.822.537.826
Số dư tại ngày 31/12/2020	30.794.147.092	20.277.279.628	16.052.348.439	74.541.352	67.198.316.510

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 53.557.499.224 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 50.742.584.832 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.20 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2020		Phát sinh trong kỳ		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	120.308.461.147	120.308.461.147	813.157.571.362	554.275.479.727	379.190.552.782	379.190.552.782
Vay ngân hàng	117.235.597.385	117.235.597.385	810.621.303.162	552.366.615.965	375.490.284.582	375.490.284.582
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hải Vân	86.029.323.242	86.029.323.242	730.420.530.524	490.616.689.003	325.833.164.763	325.833.164.763
- Vietinbank - CN Tp.Vinh	739.860.820	739.860.820	16.275.627.759	6.355.341.362	10.660.147.217	10.660.147.217
- Vietinbank - CN Nghệ An	-	-	3.800.190.833	-	3.800.190.833	3.800.190.833
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Quảng Bình	12.563.370.991	12.563.370.991	40.274.954.046	37.491.543.268	15.346.781.769	15.346.781.769
- BIDV - CN ĐẮK LẮK	17.903.042.332	17.903.042.332	19.850.000.000	17.903.042.332	19.850.000.000	19.850.000.000
Vay nợ cá nhân	2.900.000.000	2.900.000.000	500.000.000	1.800.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
Vay tổ chức khác	17.619.762	17.619.762	-	17.619.762	-	-
- Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	13.436.461	13.436.461	-	13.436.461	-	-
- Công ty CP Chứng khoán APEC	4.183.301	4.183.301	-	4.183.301	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	155.244.000	155.244.000	2.036.268.200	91.244.000	2.100.268.200	2.100.268.200
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hải Vân	-	-	2.036.268.200	-	2.036.268.200	2.036.268.200
- BIDV - CN ĐẮK LẮK	155.244.000	155.244.000	-	91.244.000	64.000.000	64.000.000

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.20 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)	01/01/2020		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
b. Vay dài hạn	467.800.037	467.800.037	10.314.284.510	2.223.268.233
Vietinbank - CN Tp. Vinh	51.800.037	51.800.037	-	51.800.037
Vay ngân hàng BIDV - CN CN ĐẮK LẮK	416.000.000	416.000.000	-	64.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hải Vân	-	-	9.602.284.510	2.036.268.200
MB Bank - CN Nghệ An	-	-	712.000.000	71.199.996
Cộng	120.776.261.184	120.776.261.184	823.471.855.872	556.498.747.960

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân gồm hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức
Số 05/2019/242753 ngày 06/12/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung số 01.05/2019/242753/HĐTD ngày 04/08/2020	6 tháng	6%	4.493.676.451	Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2019/242753/HĐBĐ; số 03/2019/242753/HĐBĐ; Hợp đồng đảm bảo số 01/2019/242753/HĐBĐ ngày 24/01/2018; số 02/2015/242753/HĐBĐ ngày 17/11/2015 và Hợp đồng cầm số số 001/2009/HĐCC ngày 26/05/2009
Số 02/2020/242753/HĐTD ngày 01/10/2020	6 tháng	6%	321.339.488.312	
Số 03/2020/242753/HĐTD ngày 01/10/2020	16/10/2020 16/10/2025	8,50%	4.681.341.000	
Số 04/2020/242753/HĐTD ngày 22/10/2020	07/12/2020 07/12/2025	8,50%	194.943.510	
Số 05/2020/242753/HĐTD ngày 23/10/2020	19/10/2020 19/10/2025	8,50%	4.726.000.000	

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng (tiếp theo)

Khoản vay ngân hàng TMCP Vietinbank - CN Tp. Vinh gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức
01/2020-HĐCVHM/NHCT442-VNECO3	06 tháng	7,2%/năm	2.454.938.571	
05/2018-HĐCVHM/NHCT442-VNECO3- QUANG TRACH	05 tháng	7,2%/năm	655.756.000	Thế chấp bằng các tài sản cố định hữu hình, hàng hóa và các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Vietinbank - CN Tp. Vinh
01/2020-HĐCVHM/NHCT442-VNECO3- TRHY	05 tháng	7,2%/năm	4.750.184.710	
02/2020-HĐCVHM/NHCT442-VNECO3-BAI TRANH	06 tháng	7,2%/năm	2.799.267.936	

Khoản vay ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Nghệ An gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
29452.20.812.4530380.TD	Từ 26/06/2020 đến 26/06/2025	Lãi suất thả nổi	640.800.004	Xe ô tô 7 chỗ Nissan Terra V

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng (tiếp theo)

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Quảng Bình gồm hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
804004088273/2020-HĐCVHM/NHCT470-VNECO12	Từ ngày ký hợp đồng 21/06/2019. Tối đa không quá 9 tháng đối với mảng thi công xây dựng và không quá 6 tháng đối với mảng kinh doanh khác	Được qui định trong từng giấy nhận nợ	15.346.781.769	Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm TSCĐ và toàn bộ các khoản phải thu theo hợp đồng kinh tế, các vật tư, hàng hóa của bên Vay tại mọi thời điểm

Khoản vay ngân hàng Vietcombank - CN Nghệ An gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư (VND)	Hình thức đảm bảo
HĐ vay 665/TDDN20-NAN.KHBL	13/10/2020 13/04/2021	7,0%/năm	1.980.650.968	Tài sản cố định là nhà cửa, máy móc,
HĐ vay 769/TDDN20-NAN.KHBL	04/12/2020 04/06/2021	7,0%/năm	660.659.285	phương tiện vận tải và các hợp đồng tiền gửi
HĐ vay 817/TDDN20-NAN.KHBL	29/12/2020 29/06/2021	7,0%/năm	1.158.880.580	có kỳ hạn tại VCB

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng (tiếp theo)

Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư (VND)	Hình thức đảm bảo
07/2020/717952/HỆTD	Từ 07/04/2020 đến 07/01/2021	9,3%/năm	2.000.000.000	
08/2020/717952/HỆTD	Từ 22/04/2020 đến 22/01/2021	9,0%/năm	1.600.000.000	
09/2020/717952/HỆTD	Từ 22/05/2020 đến 22/02/2021	9,0%/năm	2.200.000.000	
10/2020/717952/HỆTD	Từ 26/05/2020 đến 26/02/2021	9,0%/năm	1.000.000.000	
11/2020/717952/HỆTD	Từ 11/07/2020 đến 01/03/2021	9,0%/năm	2.150.000.000	
12/2020/717952/HỆTD	Từ 23/07/2020 đến 23/03/2021	9,0%/năm	2.000.000.000	
13/2020/717952/HỆTD	Từ 31/07/2020 đến 31/03/2021	9,0%/năm	1.200.000.000	
14/2020/717952/HỆTD	Từ 05/08/2020 đến 05/04/2021	9,0%/năm	1.000.000.000	
15/2020/717952/HỆTD	Từ 17/09/2020 đến 17/05/2021	9,0%/năm	1.500.000.000	
16/2020/717952/HỆTD	Từ 24/09/2020 đến 24/05/2021	9,0%/năm	1.300.000.000	
17/2020/717952/HỆTD	Từ 03/11/2020 đến 03/05/2021	9,0%/năm	1.000.000.000	
18/2020/717952/HỆTD	Từ 27/11/2020 đến 27/05/2021	9,0%/năm	400.000.000	
19/2020/717952/HỆTS	Từ 18/12/2020 đến 18/07/2021	9,0%/năm	2.500.000.000	
01/2019/717952/HỆTD	Từ 28/01/2019 đến 01/01/2024	10,5%/năm	416.000.000	

Thế chấp bằng các tài sản cố định hữu hình;
Quyền sử dụng đất tại số 10 Đào Duy Từ,
Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk; và số hai
sổ tiết kiệm trị giá 1,2 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuyết minh khoản vay với cá nhân

Khoản vay tin chấp của Công ty với cá nhân gồm có các hợp đồng vay sau:

Đối tượng vay	Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư
Bà Nguyễn Thị Hồng Minh	05/HĐVCN	Từ 22/12/2020 đến 21/05/2021	7,5%/năm	500.000.000
Bà Biện Thị Tuyết	11/HĐVV-VNECO8	Từ 06/07/2018 đến 31/12/2020	12%/năm	500.000.000
Bà Hồ Thị Hồng Nhung	45/HĐVV-VNECO8	Từ 19/09/2017 đến 31/12/2020	12%/năm	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Hường	46/HĐVV-VNECO8	Từ 16/08/2017 đến 31/12/2020	12%/năm	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	05/HĐVV-VNECO8	Từ 30/01/2018 đến 31/12/2020	12%/năm	100.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Hoàn	82/HĐVV-VNECO8	Từ 19/07/2019 đến 31/12/2020	12%/năm	100.000.000
	83/HĐVV-VNECO8	Từ 19/07/2019 đến 31/12/2020	12%/năm	200.000.000

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.746.426.087	133.473.023	104.990.615.770	26.127.381.247	973.082.733.910
- Lợi nhuận trong năm 2019	-	-	-	-	-	-	9.893.730.721	(230.553.755)	9.663.176.966
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.217.925.728)	(41.617.472)	(2.259.543.200)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	8.787.785	-	(8.787.785)	-	-
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	8.787.785	(8.787.785)	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(186.159.200)	(186.159.200)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2020	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.755.213.872	142.260.808	112.648.845.193	25.669.050.820	980.300.208.476
- Lợi nhuận trong năm 2020	-	-	-	-	-	-	11.549.103.336	2.897.739.139	14.446.842.475
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	8.618.269	-	(8.618.269)	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(186.159.200)	(186.159.200)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(558.012.834)	(55.126.993)	(613.139.827)
- Trích các quỹ khác thuộc NVCSH	-	-	-	-	-	8.618.270	(8.618.270)	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	433.635	-	433.635
Số dư tại ngày 31/12/2020	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.763.832.141	150.879.078	123.623.132.791	28.325.503.766	993.948.185.559

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi số			Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	31/12/2020	01/01/2020
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.692.402.739	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000
- Chứng khoán kinh doanh	3.011.852	(2.530.252)	3.011.852	(2.590.452)	421.400
- Phải thu khách hàng	555.248.233.504	-	339.615.497.675	-	339.615.497.675
- Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-
- Phải thu khác	187.191.125.820	(118.828.547.274)	131.304.174.486	(118.828.547.274)	68.362.578.546
- Tiền và các khoản tương đương tiền	121.800.767.374	-	44.326.568.573	-	121.800.767.374
TỔNG CỘNG	875.935.541.289	(118.831.077.526)	516.449.252.586	(118.831.137.726)	397.618.114.860
Nợ phải trả tài chính					
- Vay và nợ	387.749.369.096	-	120.776.261.184	-	120.776.261.184
- Phải trả người bán	318.757.458.813	-	55.670.095.985	-	55.670.095.985
- Phải trả khác	283.713.581.329	-	141.882.693.969	-	141.882.693.969
TỔNG CỘNG	990.220.409.238	-	318.329.051.138	-	318.329.051.138

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. Giao dịch với các bên liên quan

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Nhiệm kỳ	Thù lao	Lương, thưởng, khác	Tổng cộng	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị (nhiệm kỳ 2020-2025), bắt đầu từ ngày 30/6/2020						
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập không điều hành)	Nhiệm kỳ 2020-2025	300.000.000	55.000.000	355.000.000	Bổ nhiệm ngày 30/6/2020
2	Ông Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Tổng Giám đốc điều hành	Nhiệm kỳ 2020-2025	42.000.000		42.000.000	Tái bổ nhiệm TVHĐQT ngày 30/6/2020;
3	Ông Phạm Phú Mai	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	Nhiệm kỳ 2020-2025	42.000.000	20.000.000	62.000.000	Bổ nhiệm ngày 30/6/2020
4	Ông Đào Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	Nhiệm kỳ 2020-2025	42.000.000	20.000.000	62.000.000	Bổ nhiệm ngày 30/6/2020
5	Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc	Nhiệm kỳ 2020-2025	42.000.000		42.000.000	Tái bổ nhiệm TVHĐQT ngày 30/6/2020
6	Ông Đoàn Đức Hồng	Cố vấn HĐQT	Nhiệm kỳ 2020-2025	60.000.000		60.000.000	Bổ nhiệm cố vấn HĐQT từ 30/6/2020
II	Hội đồng quản trị (nhiệm kỳ 2015-2020), đến ngày ngày 30/6/2020						
1	Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch HĐQT không độc lập, kiêm Tổng Giám đốc	Nhiệm kỳ 2015-2020	48.000.000		48.000.000	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 30/6/2020
2	Ông Phan Anh Quang	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc	Nhiệm kỳ 2015-2020	30.000.000		30.000.000	Miễn nhiệm TVHĐQT ngày 30/6/2020
3	Ông Ngô Văn Cường	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc	Nhiệm kỳ 2015-2020	30.000.000		30.000.000	Miễn nhiệm TVHĐQT ngày 30/6/2020
4	Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc	Nhiệm kỳ 2015-2020	30.000.000		30.000.000	Tái bổ nhiệm TVHĐQT ngày 30/6/2020
5	Ông Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Kế toán trưởng	Nhiệm kỳ 2015-2020	30.000.000		30.000.000	Tái bổ nhiệm TVHĐQT ngày 30/6/2020
6	Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	Nhiệm kỳ 2015-2020	30.000.000		30.000.000	Miễn nhiệm ngày 30/6/2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Nhiệm kỳ	Thù lao	Lương, thưởng, khác	Tổng cộng	Ghi chú
III Ban điều hành							
1	Ông Trần Quang Cán	Tổng Giám đốc			403.577.626	403.577.626	Bỏ nhiệm ngày 01/7/2020
2	Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc			458.492.386	458.492.386	Miễn nhiệm ngày 01/7/2020
3	Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc			581.633.022	581.633.022	Tái bổ nhiệm ngày 01/7/2020
4	Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc			576.720.325	576.720.325	Tái bổ nhiệm ngày 01/7/2020
5	Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc			581.783.885	581.783.885	Tái bổ nhiệm ngày 01/7/2020
6	Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc			549.758.443	549.758.443	Tái bổ nhiệm ngày 01/7/2020
7	Ông Phan Anh Quang	Phó Tổng Giám đốc			328.865.648	328.865.648	Miễn nhiệm ngày 31/7/2020
8	Ông Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc			324.472.245	324.472.245	Miễn nhiệm ngày 31/7/2020
9	Ông Trần Quang Cán	Kế toán trưởng			235.504.607	235.504.607	Miễn nhiệm ngày 01/7/2020
10	Ông Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng			221.439.335	221.439.335	Bỏ nhiệm ngày 01/7/2020
Tổng cộng				726.000.000	4.357.247.522	5.083.247.522	

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM - VNECO

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: (+84) 236 356 2361

Fax: (+84) 2361 356 2367

Website: www.vneco.com.vn

VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

Address: No. 344, Phan Chau Trinh Street, Binh Thuan Ward, Hai Chau District, Da Nang City

Telephone: (+84) 236 356 2361

Fax: (+84) 236 356 2367

Website: www.vneco.com.vn